|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 34/2016/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2020/NĐ-CP**

**1. Cơ quan, tổ chức ở Trung ương:**

*- Các bộ, cơ quan ngang bộ*: (1) Bộ Tài nguyên và Môi trường; (2) Bộ Xây dựng; (3) Bộ Văn hóa thể thao và du lịch; (4) Bộ Công an; (5) Bộ Công thương; (6) Bộ Ngoại giao; (7) Bộ Thông tin và Truyền thông; (8) Bộ Giao thông vận tải; (9) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; (10) Bộ Quốc Phòng; (11) Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; (12) Bộ Khoa học và Công nghệ;

*- Cơ quan, tổ chức ở Trung ương:* (1) Tòa án nhân dân tối cao; (2) Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; (3) Kiểm toán Nhà nước

*- Tổ chức, cá nhân khác:*

**2. Địa phương:**

*- UBND các tỉnh, thành phố:* (1) Bắc Ninh; (2) Hà Nam; (3) Hải Dương; (4) Hải Phòng; (5) Lâm Đồng; (6) Cà Mau; (7) Nghệ An; (8) Lào Cai; (9) Bạc Liêu; (10) Vĩnh Long; (11) Hòa Bình; (12) Sơn La; (13) Cao Bằng; (14) Quảng Trị; (15) Tây Ninh; (16) Thái Nguyên; (17) Tiền Giang; (18) Quảng Ngãi; (19) Yên Bái; (20) Sóc Trăng; (21) Thanh Hoá; (22) Nam Định; (23) Lai Châu; (24) Đăk Lăk; (25) Bến Tre; (26) Quảng Bình; (27) Lạng Sơn; (28) Đồng Nai; (29) Bà Rịa - Vũng Tàu; (30) Kiên Giang; (31) Quảng Ninh; (32) thành phố Đà Nẵng; (33) Thái Nguyên; (34) Thành phố Hồ Chí Minh;

*- HĐND các tỉnh, thành phố:* (1) Sóc Trăng; (2) Vĩnh Phúc; (3) Hà Nam; (4) Lâm Đồng; (5) Bạc Liêu; (6) thành phố Cần Thơ; (7) Vĩnh Long; (8) Hòa Bình; (9) Phú Thọ; (10) Ninh Thuận; (11) Nghệ An; (12) Sơn La; (13) Hải Dương; (14) Quảng Trị; (15) Thanh Hóa; (16) Quảng Ngãi; (17) Yên Bái; (18) Hồ Chí Minh; (19) Bắc Ninh; (20) Tây Ninh; (21) Nam Định; (22) Cao Bằng; (23) Đăk Nông; (24) Bà Rịa - Vũng Tàu; (25) Gia Lai; (26) Đồng Nai; (27) Hà Nội; (28) Đắk Lắk; (29) An Giang; (30) Kon Tum; (31) Bình Thuận; (32) Điện Biên; (33) Kiên Giang; (34) Quảng Nam; (35) Hậu Giang.

**3. Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp:** (1) Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm; (2) Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật; (3) Cục Bồi thường Nhà nước; (4) Học viện Tư pháp; (5) Thanh tra Bộ; (6) Văn phòng Bộ; (7) Cục Bổ trợ tư pháp; (8) Cục Con nuôi; (9) Vụ Pháp luật quốc tế; (10) Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.

| **NHÓM VẤN ĐỀ** | **CHỦ THỂ GÓP Ý** | **NỘI DUNG GÓP Ý** | **NỘI DUNG**  **TIẾP THU, GIẢI TRÌNH** |
| --- | --- | --- | --- |
| **NHẤT TRÍ TOÀN BỘ** | HĐND tỉnh Sóc Trăng, HĐND tỉnh Bạc Liêu, HĐND tỉnh Kon Tum; HĐND tỉnh Hậu Giang, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Bộ Tư pháp. | | |
| **MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG** | | | |
| **1. Sự cần thiết ban hành** | | | |
|  | HĐND thành phố Cần Thơ, HĐND TP Hồ Chí Minh, HĐND tỉnh Đồng Nai; HĐND thành phố Hà Nội; Bộ Ngoại giao, UBND tỉnh Quảng Ninh | Nhất trí về sự cần thiết xây dựng và ban hành Nghị định |  |
|  | UBND tỉnh Đăk Lăk, HĐND tỉnh Đăk Nông, UBND tỉnh Hải Dương, HĐND tỉnh Ninh Thuận, UBND tỉnh Lai Châu, HĐND tỉnh Hà Nội, UBND tỉnh Quảng Bình, HĐND tỉnh An Giang, HĐND tỉnh Bình Thuận | Để tinh gọn hệ thống văn bản QPPL, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình áp dụng văn bản QPPL, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu xây dựng lại dự thảo Nghị định theo hình thức ban hành Nghị định mới quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL, thay thế Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (không sửa đổi, bổ sung) để dễ dàng trong việc tra cứu, áp dụng và viện dẫn các quy định | Việc xây dựng Nghị định thực hiện trên cơ sở chỉ đạo tại: (1) Thông báo số 128/TB-VPCP ngày 29/7/2023 về kết luận của Thường trực Chính phủ; (2) Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 06/10/2023 về phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 9/2023. |
|  | UBND tỉnh Hải Dương | Đề nghị cân nhắc sự cần thiết ban hành Nghị định vì Quyết định số 2528/QĐ-BTP ngày 27/10/2023 của BTP ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH, dự kiến trong năm 2025, Bộ Tư pháp sẽ xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành Luật thay thế Luật BHVBQPPL năm 2015 và năm 2020. | Việc xây dựng Nghị định thực hiện trên cơ sở các chỉ đạo tại: (1) Thông báo số 128/TB-VPCP ngày 29/7/2023 về kết luận của Thường trực Chính phủ; (2) Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 06/10/2023 về phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 9/2023. |
|  | Bộ Xây dựng | Theo dự thảo Tờ trình, việc xây dựng Nghị định này nhằm mục tiêu đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật so với quy định hiện hành; tuy nhiên, dự thảo Nghị định chưa thể hiện được mục tiêu này mà còn quy định phát sinh thêm tài liệu, yêu cầu, dẫn đến có thể kéo dài thời gian soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, không bảo đảm tính khả thi trong triển khai thực hiện như: quy định bổ sung kết luận của Ban soạn thảo vào hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tại khoản 11 Điều 1 dự thảo Nghị định; quy định phải đăng tải Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý trước khi gửi thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại điểm b khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định…  Do vậy, đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu, tổng kết tình hình thực hiện Nghị định 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, rà soát kỹ lưỡng nội dung dự thảo Nghị định để đề xuất các quy định bảo đảm phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đáp ứng mục tiêu đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm tính khả thi trong triển khai thực hiện. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu và tiếp thu |
| **2. Tờ trình** | | | |
|  | HĐND tỉnh Vĩnh Long, HĐND tỉnh Gia Lai | Nhất trí với dự thảo Tờ trình |  |
|  | HĐND tỉnh Lâm Đồng  UBND tỉnh Lâm Đồng | Đề nghị nghiên cứu sửa phần cuối theo Mẫu số 03 Phụ lục V, như: Bổ sung tên cơ quan trình dự thảo Nghị định vào trước cụm từ “kính trình Chính phủ xem xét, quyết định” cho phù hợp. | Tiếp thu |
|  | Cục ĐKQGGDBĐ, Bộ Tư pháp, Học viện Tư pháp, Bộ Tư pháp; Bộ LĐTBXH | - Tại Mục I.2 (Cơ sở thực tiễn) dự thảo Tờ trình có nêu: “Bộ Tư pháp đã nhận được phản ánh của bộ, ngành, địa phương về khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện 02 Nghị định và đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định để phù hợp hơn với thực tiễn công tác xây dựng, ban hành VBQPPL…”. Tuy nhiên, nội dung tại mục này chủ yếu mới chỉ nêu vấn đề mà chưa có dẫn chứng, lập luận cụ thể về khó khăn, vướng mắc phát sinh dẫn tới cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Nghị định số Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phân tích làm sâu sắc hơn nội dung này để đảm bảo tính thuyết phục trong cơ sở thực tiễn của việc sửa đổi, bổ sung các Nghị định.  - Phần cơ sở thực tiễn, đề nghị bổ sung thêm yêu cầu xây dựng, ban hành VBQPPL có tính linh hoạt và phù hợp hơn với tinh thần hội nhập quốc tế trong bối cảnh hiện nay. | Tiếp thu |
|  | Cục PBGDPL, Bộ Tư pháp | a) Đề nghị bổ sung tại mục I.1. Cơ sở chính trị pháp lý nội dung ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại Công văn số 9195/VPCP-PL ngày 23/11/2023 của Văn phòng Chính phủ nêu trên.  b) Đề nghị bổ sung tại mục I.2. Cơ sở thực tiễn về một số kết quả thực hiện công tác truyền thông dự thảo chính sách theo Quyết định số 407/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong đó nhấn mạnh những tồn tại, hạn chế và yêu cầu cần tăng cường công tác này trong thời gian tới để góp phần tạo đồng thuận xã hội sau khi chính sách được ban hành.  c) Tại phần III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị định: Đề nghị bổ sung việc sơ kết tình hình thực hiện Quyết định số 407/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành, địa phương và qua theo dõi, kiểm tra công tác truyền thông dự thảo chính sách theo Quyết định số 407/QĐ-TTg, Bộ Tư pháp đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Báo cáo về sơ kết tình hình thực hiện Quyết định số 407/QĐ-TTg nêu trên. | Tiếp thu |
|  | Văn phòng Bộ Tư pháp | Đề nghị bổ sung vào mục "Cơ sở chính trị" Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. |  |
|  | Cục BTNN, Bộ Tư pháp | - Tại mục 2.2 phần IV của dự thảo Tờ trình có đề xuất việc lược bớt một số nội dung khi đánh giá tác động về kinh tế và đánh giá tác động về xã hội nhưng không giải trình rõ cơ sở nào để đề xuất nội dung này, vì vậy, đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung.  - Tại mục 2.4 phần IV của dự thảo Tờ trình có đề xuất phần kết thúc của văn bản được ban hành kèm theo VBQPPL không cần phải ký, đóng dấu của người có thẩm quyền ban hành văn bản mà thay vào đó là đóng "dấu treo" đối với văn bản được kèm theo. Theo nội dung giải trình trong dự thảo Tờ trình, quy định này được đề xuất để thống nhất với thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản được ban hành kèm theo văn bản hành chính quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư. Tuy nhiên, Cục BTNN thấy rằng, trường hợp này quy định về văn bản kèm theo VBQPPL chứ không phải văn bản hành chính (khác với đối tượng được quy định trong Nghị định 30/2020/NĐ-CP) nên việc sử dụng cơ sở này là chưa phù hợp. Mặc khác, trên thực tế, nhiều văn bản QPPL có dung lượng ngắn nhưng nội dung chủ yếu tập trung ở văn bản kèm theo để cụ thể hóa các nội dung trong VBQPPL đó và có dung lượng rất lớn (đặc biệt trong lĩnh vực công thương, khoa học, công nghệ, y tế). Vì vậy, để bảo đảm giá trị pháp lý cao hơn cho văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị đơn vị soạn thảo cân nhắc thêm về nội dung sửa đổi này.  - Tại Dự thảo Nghị định có sửa đổi, bổ sung Điều 183 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP về Trách nhiệm tổ chức thi hành VBQPPL trong đó có thay đổi đối tượng văn bản tổ chức thi hành "luật, pháp lệnh" thành "VBQPPL", bỏ trách nhiệm "Tổ chức thực hiện chính sách, biện pháp trong VBQPPL" (khoản 2); đồng thời bổ sung một khoản tại Điều 188 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP về điều khoản chuyển tiếp quy định về việc "bãi bỏ hoặc thay thế thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành trước ngày 01/7/2016". Đây là những nội dung thay đổi quan trọng của dự thảo Nghị định, tuy nhiên dự thảo Tờ trình không có các nội dung giải trình rõ về nhưng nội dung này. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ LĐTBXH | Tại khoản 2.2 Mục IV: đề nghị xác định rõ cơ sở pháp lý đối với quy định này; trường hợp có cơ sở pháp lý thì đề nghị bổ sung trong dự thảo Nghị định cơ chế đảm bảo nguồn lực thực thi nội dung này. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Đồng Nai | - Đề nghị thống nhất trình bày cụm từ thời gian ban hành “ngày …tháng…năm….” thay cho cụm từ viết tắt “ngày…./…./….” trong toàn bộ nội dung dự thảo.  - Đề nghị bổ sung ghi chú (quy ước) việc viết tắt trước khi thực hiện viết tắt đối với cụm từ “VBQPPL”  - Tại đoạn cuối cùng tiểu khoản 2.2. khoản 2 Mục IV, đề nghị (,) tại nội dung “VBQPPL do, Sở Tư pháp thẩm định” cho phù hợp.  - Tại đoạn thứ 4 tiểu khoản 2.3 khoản 2 Mục IV, đề nghị thay cụm từ “HDDND tỉnh” thành “HĐND tỉnh” cho phù hợp. | Tiếp thu |
| **NỘI DUNG CỤ THỂ** | | | |
| **1. Về giải thích từ ngữ “Biện pháp có tính chất đặc thù” (Khoản 1 Điều 1 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | Bộ TNMT, Bộ Công an | (1) Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định: Đề nghị chỉnh sửa thành: *“Bổ sung khoản 8 vào Điều 2 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ~~được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP”.~~* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ Công thương, Bộ Giao thông vận tải, Bộ TNMT, Bộ Công an, Bộ NN&PTNT, STP tỉnh Cao Bằng, HĐND tỉnh Trà Vinh | Đề nghị nghiên cứu, bổ sung giải thích một số từ ngữ: ***Chính sách; biện pháp; văn bản quy định chi tiết; thẩm định;*** | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ NN&PTNT, HĐND tỉnh Trà Vinh | Đề nghị bổ sung, giải thích rõ hơn ***"Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình"*** quy định tại khoản 2 Điều 24 Luật Ban hành VBQPPL |  |
|  | Bộ VHTTDL, Bộ Công an, UBND tỉnh Quảng Bình | Tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) và dự thảo Nghị định không có nội dung liên quan đến từ ngữ “Biện pháp có tính chất đặc thù”, do đó quy định bổ sung giải thích từ ngữ trên vào Điều 2 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP là không phù hợp.  Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể cân nhắc, bổ sung một khoản vào Điều 3 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để làm rõ quy định về “Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương” tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Điều 2 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định về giải thích từ ngữ, Điều 3 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định về Xác định văn bản quy phạm pháp luật do vậy việc quy định khái niệm “Biện pháp có tính chất đặc thù” tại Điều 2 là phù hợp |
|  | Bộ NN&PTNT, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Đề nghị giải thích thuật ngữ *"biện pháp riêng biệt"*, đồng thời từ cách giải thích như ở dự thảo Nghị định *có thể hiểu khi áp dụng các biện pháp có tính chất đặc thù thì "có thể trái luật hiện hành" miễn là không trái với Hiến pháp hay không?* | Bộ Tư pháp đã chỉnh sửa lại khái niệm như sau: “*2a. Biện pháp có tính chất đặc thù là biện pháp riêng biệt để giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn, khắc phục những khó khăn, hạn chế, phát huy tiềm năng, lợi thế, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng và văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở Trung ương.*”. |
|  | STP thành phố Hà Nội | Sửa đổi, bổ sung khoản này như sau: Biện pháp có tính chất đặc thù là biện pháp riêng biệt để giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tế, chưa có quy định trong hệ thống văn bản pháp luật hiện hành, khắc phục những khó khăn, hạn chế, phát huy tiềm năng, lợi thế, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của địa phương; phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, hệ thống pháp luật của nhà nước, không trái Hiến pháp và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. |  |
|  | Cục BTNN, Bộ Tư pháp | Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định là chưa phù hợp, bởi dù đây là biện pháp riêng biệt, chưa được quy định trong VBQPPL hiện hành những biện pháp đó trong lĩnh vực nào thì vẫn cần phải đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc chung được quy định tại các Luật chuyên ngành điều chỉnh về lĩnh vực đó. | Bộ Tư pháp tiếp tục và đã chỉnh sửa lại khái niệm |
|  | UBND tỉnh Hà Nam | Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung thêm biện pháp có tính chất đặc thù để giải quyết những vấn đề cấp bách của địa phương như sau: *“8. Biện pháp có tính chất đặc thù là biện pháp riêng biệt để giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn của địa phương, chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế hoặc hạn chế, khắc phục những bất lợi hoặc để giải quyết những vấn đề cấp bách của địa phương đó nhưng không được trái Hiến pháp và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”.* | Khái niệm “biện pháp có tính chất đặc thù” và khái niệm “giải quyết những vấn đề cấp bách” là khác nhau nên không thể ghép chung |
|  | HĐND tỉnh Vĩnh Phúc, HĐND tỉnh Đồng Nai, HĐND tỉnh Quảng Trị | Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:  *“8. Biện pháp có tính chất đặc thù là biện pháp riêng biệt để giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn của địa phương, chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật hiện hành,* ***phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước,*** *phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế hoặc hạn chế, khắc phục những bất lợi của địa phương đó và không trái Hiến pháp, các điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”.* | Bộ Tư pháp nghiên cứu, tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Bến Tre | … “chưa được quy định trong VBQPPL hiện hành …” trong thực tế có nhiều văn bản của trung ương giao địa phương căn cứ tình hình thực tế và ngân sách của địa phương để ban hành chính sách hoặc chỉ giao địa phương ban hành chính sách chung chung (trung ương không quy định nội dung và định mức), trong trường hợp này khó xác định là quy định biện pháp thi hành văn bản cơ quan cấp trên hay chính sách đặc thù | Để xác định “biện pháp thi hành văn bản cơ quan cấp trên” hay “chính sách đặc thù” thì phải xem xét nội dung và từng trường hợp cụ thể |
|  | UBND tỉnh Lâm Đồng, HĐND tỉnh Gia Lai | Tên Điều 1, đề nghị bỏ cụm từ “sau đây gọi là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP” và “sau đây gọi là Nghị định số 154/2020/NĐ-CP”, theo quy định tại Điều 75 NĐ 34 thì trong lần viện dẫn tiếp theo tại dự thảo NĐ mặc định trình bày là “Nghị định số 34/2016/NĐ-CP” và “Nghị định số 154/2020/NĐ-CP”. | Quy định này không phải là viện dẫn |
|  | UBND tỉnh Bạc Liêu | Kiến nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thêm cụm từ “pháp luật” vào sau đoạn “ *không được trái với Hiến pháp”.* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Lai Châu | Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa như sau: *“8. Biện pháp có tính chất đặc thù là biện pháp riêng biệt để giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn của địa phương, chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật* ***của cơ quan nhà nước ở Trung ương****, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế hoặc hạn chế, khắc phục những bất lợi của địa phương đó nhưng không được trái Hiến pháp và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Vĩnh Long | Nội dung giải thích chưa đảm bảo sự rõ ràng, khó để xác định khi thực hiện việc xây dựng và ban hành nghị quyết theo khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015. Vì vậy, đề nghị xem xét điều chỉnh rõ hơn để giúp địa phương ban hành chính sách đặc thù được đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và có sự thống nhất trong hệ thống văn bản. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Hòa Bình | Bổ sung quy định cụ thể về *“biện pháp có tính chất đặc thù”* | Dự thảo Nghị định đang quy định khái niệm này |
|  | HĐND tỉnh Ninh Thuận | Bổ sung cụm từ theo hướng: *“8. Biện pháp có tính chất đặc thù là biện pháp riêng biệt để giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn của địa phương, chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế hoặc hạn chế, khắc phục những bất lợi của địa phương đó nhưng không được trái Hiến pháp và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên* ***và các trường hợp quy định tại điểm h khoản 9 Điều 30 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015****”.* | Bộ Tư pháp đã chỉnh sửa nội dung này tại dự thảo Nghị định như sau:  *Biện pháp có tính chất đặc thù là biện pháp riêng biệt để giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn, khắc phục những khó khăn, hạn chế, phát huy tiềm năng, lợi thế, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, không trái Hiến pháp và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.*”. |
|  | HĐND tỉnh Sơn La | (1) Đề nghị bổ sung cụm từ *“nhà nước”* sau từ *“ngân sách”* theo hướng:*“8. Biện pháp có tính chất đặc thù là biện pháp riêng biệt để giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn của địa phương, chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách* ***nhà nước*** *nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế hoặc hạn chế, khắc phục những bất lợi của địa phương đó nhưng không được trái Hiến pháp và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”.* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | STP tỉnh Thái Nguyên | “*8. Biện pháp có tính chất đặc thù là biện pháp riêng biệt để giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn của địa phương, chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế hoặc hạn chế, khắc phục những bất lợi của địa phương đó nhưng không được trái Hiến pháp và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.*”.  Đề nghị làm rõ hơn về “tính riêng biệt” để xác định rõ về tính đặc thù do theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước có nội hàm về các nhiệm vụ chi có tính đặc thù là “*ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành*”, “*phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ*” và việc quy định các nhiệm vụ chi đặc thù thuộc thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh. Điều này dẫn đến cách hiểu về “tính chất đặc thù” hiện đang không đồng nhất giữa Luật Ngân sách và Luật Ban hành văn bản QPPL. | Cách hiểu của Luật Ngân sách và Luật BHVBQPPL về tính chất đặc thù là không khác nhau. |
|  | Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) | Về việc bổ sung một khoản 8 vào Điều 2 quy định giải thích “biện pháp có tính chất đặc thù” nhằm giúp bộ, ngành, địa phương hiểu và áp dụng thống nhất quy định của Luật Ban hành VBQPPL: Đề nghị làm rõ:  (1) thế nào là biện pháp đặc thù;  (2) thế nào là phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.  Đề nghị Quý cơ quan cân nhắc kỹ lưỡng, vì việc giải thích từ ngữ đối với quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành VBQPPL thuộc về thẩm quyền giải thích pháp luật của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bên cạnh đó, vấn đề này cũng cần được hướng dẫn thêm về phạm vi quyền của HĐND cấp tỉnh: chỉ được quyền quy định biện pháp có tính chất đặc thù khi có các văn bản của trung ương phân cấp, giao trách nhiệm cho HĐND, vì: điểm a, khoản 2, Điều 11 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 quy định việc phân định thẩm quyền giữa trung ương và địa phương được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc: “Bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất về thể chế, chính sách, chiến lược và quy hoạch đối với các ngành, lĩnh vực; bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính quốc gia”. Do vậy, khi có văn bản của trung ương phân cấp, giao quyền cho HĐND cấp tỉnh, HĐND sẽ quy định biện pháp có tính chất đặc thù của địa phương thì mới bảo đảm được nguyên tắc phân định thẩm quyền nêu trên. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | STP tỉnh Thái Nguyên | Bên cạnh đó, về mặt logic sắp xếp trong kỹ thuật trình bày thì nội dung bổ sung nên đặt sau khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (bổ sung khoản 2a sau khoản 2 Điều 2). | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Quảng Bình, STP tỉnh Thanh Hoá, UBND tỉnh Yên Bái | Đề nghị quy định cụ thể nội dung “biện pháp riêng biệt” là của riêng tỉnh đó mà các tỉnh khác không có quy định hay “riêng biệt” do địa phương tự xác định mặc dù một số tỉnh đã có quy định. Có tính đến những địa phương cùng nằm chung trong cùng/khu vực có tính chất về thổ nhưỡng, khí hậu, địa hình.. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Kiên Giang, HĐND tỉnh Kiên Giang | Đề nghị bỏ cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP” vì Điều 2 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP chưa được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP | Điều 2 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP |
|  | HĐND tỉnh Điện Biên | Đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 1 như sau: “*8. Biện pháp có tính chất đặc thù là biện pháp riêng biệt để giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn của địa phương, chưa được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế hoặc hạn chế, khắc phục những* ***khó khăn, vướng mắc*** *của địa phương đó nhưng không được trái Hiến pháp,* ***luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên*** *và các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.*”. |  |
| **2. Xác định VBQPPL (Khoản 2 Điều 1 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | STP thành phố Hà Nội | Đề nghị nghiên cứu, cân nhắc việc quy định nghị quyết về đặt tên đường phố không phải là VBQPPL vì theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL thì nghị quyết về đặt tên đường phố đủ các yếu tố của VBQPPL như quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng lặp đi lặp lại nhiều lần đối với cơ quan, tổ chức cá nhân trong phạm vi cả nước hoặc đơn vị hành chính nhất định, do cơ quan nhà nước người có thẩm quyền quy định trong Luật và được Nhà nước bảo đảm thực hiện. Bên cạnh đó, quy định về đặt tên đường phố là cơ sở, căn cứ để xác định và quy định bảng giá đất hàng năm, do vậy không nên quy định Nghị quyết về đặt tên đường phố không phải là VBQPPL. | Tiếp thu |
|  | HĐND tỉnh Hà Nam, HĐND tỉnh Lâm Đồng, UBND tỉnh Lâm Đồng, HĐND tỉnh Quảng Ngãi | Đề nghị xem xét, bổ sung thêm trường hợp Nghị quyết của HĐND không phải là VBQPPL:  - Nghị quyết thông qua nội dung (vấn đề) do UBND cùng cấp trình xin ý kiến HĐND trước khi UBND quyết định hoặc trình cấp trên quyết định, phê duyệt theo thẩm quyền.  - Nghị quyết quy định về số lượng.  - Nghị quyết về quy hoạch. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Hà Nam, UBND tỉnh Đồng Nai | Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung thêm nghị quyết thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng … vào các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân ban hành không phải là văn bản quy phạm pháp luật. Vì các nghị quyết này hiện nay các địa phương ban hành chưa có sự thống nhất. Một số địa phương vẫn ban hành dưới hình thức nghị quyết quy phạm pháp luật. Nhiều địa phương ban hành nghị quyết cá biệt mặc dù nội dung cơ bản như nhau chỉ thông qua các danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất. | Nghị quyết thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng… hiện vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau nên chưa thể đưa vào dự thảo Nghị định được. |
|  | HĐND tỉnh Hải Dương | Đề nghị quy định mở rộng hơn các trường hợp văn bản không phải là quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân để các địa phương dễ áp dụng như nghị quyết phân bổ ngân sách; quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của đơn vị | Nghiên cứu tiếp thu 1 phần |
|  | UBND tỉnh Tây Ninh, HĐND tỉnh Nam Định | Đề nghị bổ sung thêm các trường hợp khác như:  - Những văn bản ban hành định kỳ hàng năm, không mang tính quy phạm, như: Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi; danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; danh mục dự án, công trình chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác; danh mục dịch vụ sự nghiệp công; định mức kinh tế - kỹ thuật; hệ số điều chỉnh giá đất…  - Những văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, cấp huyện…  -Những văn bản quy định tiêu chuẩn, tiêu chí thuộc phạm vi quản lý của ngành lĩnh vực như tiêu chí đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, quy định tiêu chí xét chọn sách giáo khoa; quy định tiêu chí xét hồ sơ thành lập văn phòng công chứng | Các văn bản này còn có nhiều quan điểm khác nhau nên chưa thể đưa vào dự thảo Nghị định được. |
|  | STP tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh Lạng Sơn | “*g2) Nghị quyết về đặt tên đường, tên phố, tên công trình công cộng;”.*  Tuy nhiên tại Điều 16 Nghị định 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng quy định: “*Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thẩm quyền quyết định* ***đặt*** *tên,* ***đổi*** *tên đường, phố; công trình công cộng có quy mô lớn, có ý nghĩa quan trọng*”. Do vậy, đề nghị xem xét, bổ sung cho thống nhất, phù hợp. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Lào Cai | Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo quy định: *“Bổ sung điểm g2 vào sau điểm g1 khoản 3 Điều 3 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP* được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP” là chưa phù hợp với khoản 2 Điều 81 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “ *Nội dung các điều, khoản của văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản phải xác định rõ tên văn bản, điều, khoản, điểm của các văn bản liên quan được sửa đổi, bổ sung”,* theo đó, điểm g1 khoản 3 Điều 3 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa theo hướng: *“ Bổ sung điểm g2 vào sau điểm g1 khoản 3 Điều 3 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được bổ sung bởi* ***khoản 1 Điều 1*** *Nghị định số 154/2020/NĐ-CP”* | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Bạc Liêu | Bổ sung thêm việc sửa đổi, bổ sung khoản g1 như sau: *“ g1) Nghị quyết về chương trình,* ***nhiệm vụ,*** *đề án, dự án, kế hoạch”.* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Bến Tre | Đề nghị quy định một số nghị quyết về chương trình, dự án, đề án, kế hoạch không phải là VBQPPL: | Nghị định 154/2020/NĐ-CP đã có quy định này |
|  | HĐND tỉnh Đồng Nai | Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc rà soát nội dung kiểm tra, xử lý văn bản đối với văn bản được ban hành bằng hình thức VBQPPL nhưng nội dung không chứa quy phạm pháp luật, bổ sung một số văn bản không phải là VBQPPL tại địa phương như Nghị quyết chương trình phát triển nhà ở (vì hiện nay chưa được thống nhất của địa phương cả nước, có tỉnh quy định bằng hình thức văn bản cá biệt, có tỉnh quy định bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật). | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND thành phố Đà Nẵng | Ngoài các trường hợp quy định tại dự thảo Nghị định thì vẫn còn một số trường hợp khi xây dựng, ban hành nghị quyết của HĐND và quyết định của UBND có quan điểm khác nhau giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương về hình thức ban hành của văn bản và hiện đã được các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực liên quan hướng dẫn cụ thể (như trường hợp hình thức ban hành văn bản về quản lý điều hành giá đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể tại Công văn số 12076/BTC-QLG ngày 02/10/2020; theo đó trường hợp quy định những nội dung hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách chung về quản lý nhà nước về giá, các cơ chế quản lý đối với một số hàng hóa, dịch vụ cụ thể đối với từng lĩnh vực phải được ban hành dưới hình thức VBQPPL; ngược lại, trường hợp nội dung chỉ giới hạn trong phạm vi thực hiện quyết định giá, điều chỉnh giá đối với hàng hóa, dịch vụ cụ thể thuộc thẩm quyền thì ban hành văn bản dưới hình thức văn bản cá biệt). Do đó, đề xuất bổ sung đầy đủ các trường hợp văn bản của HĐND, UBND không phải ban hành dưới hình thức VBQPPL đã được hướng dẫn trên thực tế trong khoản 3 Điều 3 Nghị định số 34 để địa phương có cơ sở áp dụng thống nhất. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Bình Thuận | Đề nghị nghiên cứu bổ sung các Nghị quyết HĐND tỉnh mang tính phê duyệt hoặc thông qua để UBND tỉnh ban hành hoặc trình cấp thẩm quyền phê duyệt như: quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành, hệ số điều chỉnh giá đất, danh mục dịch vụ sự nghiệp công, các nghị quyết về chất vấn, kết quả giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị cử tri. | Các văn bản này còn có nhiều quan điểm khác nhau nên chưa thể đưa vào dự thảo Nghị định được. |
|  | HĐND tỉnh Kiên Giang | Đề nghị bổ sung thêm điểm g3, g4 vào khoản 2 Điều 1 như sau:  “g3) Nghị quyết về danh mục dự án cần thu hồi đất; Danh mục dự án cần phải điều chỉnh hủy bỏ thu hồi đất.  g4) Nghị quyết về bảng giá đất năm hoặc giai đoạn”.  Vì nội dung các nghị quyết này không chứa QPPL và theo khoản 1 Điều 114 Luật Ban hành VBQPPL thì HĐND cùng cấp chỉ thông qua bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
| **3. Đánh giá tác động chính sách (Khoản 4 Điều 1 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | Bộ Xây dựng | Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định đánh giá tác động của chính sách đối với trường hợp nghị định quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước là chưa phù hợp do các chính sách đã được đánh giá trong quá trình soạn thảo văn bản được quy định chi tiết.  Do vậy, đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định về đánh giá tác động của chính sách tại Điều 6, Điều 31 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) theo hướng: *không yêu cầu đánh giá tác động đối với trường hợp nghị định quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;* | Đối với trường hợp nghị định quy định chi tiết luật, pháp lệnh, nghị quyết phải đánh giá tác động đã được quy định tại Luật BHVBQPPL, do vậy dự thảo Nghị định không tiếp thu được nội dung này. |
|  | Bộ Ngoại giao | Khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:  “ 4. Tác động đối với hệ thống pháp luật được… *~~khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên~~*.  5. *Đánh giá khả năng thi hành, tính tương thích của nội dung chính sách với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”.* | Tiếp thu một phần |
|  | Cục BTNN, Bộ Công thương, Văn phòng Bộ, Bộ Xây dựng | Khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định còn chung chung, chưa rõ tiêu chí cơ bản để so sánh, đối chiếu khi tiến hành đánh giá tác động về kinh tế - xã hội | Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Đăk Lăk | Tại khoản 4 Điều 1 Dự thảo: Đề nghị nghiên cứu chỉnh lý khoản này theo hướng sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (vì khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 6 Nghị định này đã hết hiệu lực); khoản 3 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Đề nghị rà soát lại các khoản khác của Điều 1 Dự thảo để chỉnh lý tương tự cho phù hợp, thống nhất. | Nghị định này sửa đổi, bổ sung cả Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP do vậy dự thảo Nghị định sửa đổi là đúng quy định. |
|  | HĐND tỉnh Lâm Đồng  UBND tỉnh Lâm Đồng | Đề nghị nghiên cứu bổ sung cụm từ “đặc thù của địa phương” và trước cụm từ “dân số, dân tộc” tại khoản 1 Điều 6 được sửa đổi bổ sung tại dự thảo Nghị định | Quy định “đặc thù của địa phương” trước cụm từ “dân số, dân tộc” là không phù hợp |
|  | UBND tỉnh Lào Cai | Tại khoản 4 Điều 1 dự thảo: đề nghị chỉnh sửa tương tự như nội dung nêu tại khoản 2, cụ thể: *“Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi* ***khoản 3 Điều 1*** *Nghị định số 154/2020/NĐ-CP…”* | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Tây Ninh | Khoản 4: đề nghị giao Bộ Tư pháp quy định chi tiết Điều này. Vì: hiện nay chưa có tiêu chí cụ thể cho việc đánh giá chất lượng Báo cáo đánh giá tác động chính sách, cần có tiêu chí đánh giá toàn diện từ nội dung đến hình thức và cả phương pháp thực hiện. | Luật BHVBQPPL giao Chính phủ quy định chi tiết về đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã quy định chi tiết này tại điều 6. Theo quy định của Luật BHVBQPPL thì Chính phủ không được ủy quyền tiếp do vậy không thể giao Bộ Tư pháp hướng dẫn nội dung này được. |
|  | STP tỉnh Thái Nguyên | Khoản 4 Điều 1 dự thảo tập trung sửa đổi, bổ sung khoản 1, 2 Điều 6 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Đề nghị bổ sung nội dung sửa đổi khoản 3 Điều 6 về đánh giá tác động về giới, theo đó lược bỏ nội dung đánh giá tác động về mặt “kinh tế - xã hội” để không trùng lặp với nội dung đánh giá tại khoản 1 Điều 6 và đồng nhất với cách quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 6 của dự thảo (chỉ đánh giá chung liên quan đến khía cạnh cần đánh giá tác động). | Tiếp thu |
|  | Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) | Về đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL (Điều 6): phương pháp định tính hoặc định lượng là không rõ ràng và không đầy đủ, nhiều trường hợp phải dùng cả hai. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ LĐTBXH | Đề nghị không ghép quy định tại khoản 1 và khoản 2 thành 1 khoản mà giữ nguyên như hiện hành vì VBQPPL có vai trò vô cùng quan trọng trong xã hội, thường được ban hành và sử dụng trong thời gian dài, do vậy, khi ban hành cần tiến hành đánh giá khoa học và nghiêm túc. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
| **4. Về trách nhiệm lấy ý kiến trong quá trình lập đề nghị xây dựng VBQPPL (Khoản 5 Điều 1 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | UBND tỉnh Bến tre, HĐND tỉnh Kiên Giang | Tiêu đề khoản 5: bỏ cụm từ “được sửa đổi bổ sung bởi nghị định số 154..” vì Nghị định số 154/2020/NĐ-CP không sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định số 34. | Nghị định số 154/2020/NĐ-CP có sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 10 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. |
|  | STP tỉnh Nam Định | khoản 5: Tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Thay thế cụm từ “Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến” bằng cụm từ “Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý” tại khoản 6 Điều 10;” Do đó, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đoạn: “…được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP...” thành “…được sửa đổi, thay thế bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP…”. | Cụm từ sửa đổi, bổ sung là cụm từ chung để dùng trong các văn bản sửa đổi, bổ sung. Cụm từ “thay thế” thường chỉ dùng trong trường hợp văn bản này thay thế văn bản kia.  Đây là vấn đề về kỹ thuật, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, xem xét |
|  | HĐND tỉnh Đăk Nông | Đề nghị bỏ cụm từ “có thể” sau cụm từ “Hội đồng nhân dân tỉnh” nhằm khẳng định quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trong quá trình thực hiện. | Tiếp thu |
|  | HĐND tỉnh An Giang, UBND tỉnh Kiên Giang, UBND thành phố Đà Nẵng | Đề nghị sửa cụm từ “**Hội đồng nhân dân cấp tỉnh** quyết định việc gửi đề nghị đến các bộ, cơ quan ngang bộ,...” thành “**Cơ quan lập đề nghị**…” vì trong giai đoạn này chưa đến Hội đồng nhân dân xem xét đề nghị xây dựng VBQPPL, Hội đồng nhân dân hoạt động theo chế độ tập thể nên sẽ ảnh hưởng tới sự kịp thời của việc xây dựng, ban hành Nghị quyết | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Đăk Lăk | Tại khoản 5 Điều 1 Dự thảo:  - Điểm a: Đối với nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị nghiên cứu chỉnh lý thành “4. *Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đến Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đến Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến. Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để lấy ý kiến;”* cho đầy đủ, phù hợp với quy định của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015. Đề nghị nghiên cứu chỉnh lý tương tự tại khoản 10 Điều 1 Dự thảo cho thống nhất. | Đối với các văn bản liên quan đến quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thì Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sẽ là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản đó, do vậy việc lấy ý kiến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là đương nhiên, bắt buộc. |
|  | Bộ TNMT, Bộ Công An, Bộ NN&PTNT, Bộ LĐTBXH, Vĩnh Long, UBND Lai Châu, HĐND tỉnh An Giang | Tại điểm a khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định:  - Về nội dung sửa đổi khoản 3 Điều 10: đề nghị chỉnh sửa “Hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 36, khoản 1 Điều 86 và khoản 3 Điều 113 của Luật, mà cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì cơ quan lập đề nghị tổng hợp và trình cơ quan có thẩm quyền;”.  - Về nội dung sửa đổi khoản 4 Điều 10: đề nghị sửa “Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam” thành “Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam”, đồng thời rà soát, chỉnh sửa tên tổ chức này trong toàn bộ dự thảo Nghị định. | Tiếp thu một phần |
|  | HĐND tỉnh Gia Lai | Đề nghị Bộ Tư pháp đối chiếu quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước có quy định: “Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp để xây dựng nội dung bảo đảm tính thống nhất | Dự thảo Nghị định đã tiếp thu và chỉnh sửa theo hướng: Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến; *Gửi hồ sơ liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để lấy ý kiến.* |
|  | HĐND tỉnh Đắk Lắk | Tại điểm a khoản 5 Điều 1 quy định HĐND cấp tỉnh có thể quyết định việc gửi đề nghị xây dựng văn bản QPPL đến các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực liên quan để lấy ý kiến là không phù hợp vì theo quy định tại Điều 111 Luật Ban hành VBQPPL năm 2015 (sửa đổi năm 2020) thì cơ quan, tổ chức lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, các ban của HĐND cấp tỉnh và Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam cùng cấp nên các cơ quan này sẽ quyết định việc gửi đề nghị xây dựng VBQPPL đến cơ quan liên quan để lấy ý kiến (HĐND tỉnh không phải là cơ quan lập đề nghị xây dựng VBQPPL). Hơn nữa, theo quy định tại khoản 2 Điều 113 Hiến pháp năm 2023 và khoản 3 Điều 6 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì HĐND quyết định các vấn đề của địa phương do luật định, giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND; Thường trực HĐND là cơ quan thường trực của HĐND, thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.  - Tại điểm c khoản 5 Điều 1 dự thảo quy định trách nhiệm truyền thông chính sách của cơ quan chủ trì trong quá trình lập đề nghị xây dựng VBQPPL. Tuy nhiên, nội dung này không phù hợp với tiêu đề của Điều 10 NĐ số 34 là “Trách nhiệm lấy ý kiến trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật”. | Tiếp thu |
|  | HĐND tỉnh Gia Lai | Tại tiết 4 điểm a khoản 5 Điều 1, đề nghị nghiên cứu điều chỉnh lại nội dung “liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân” vì theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Ban hành VBQPPL và khoản 2, khoản 3 Điều 21 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thì MTTQ Việt Nam được tạo điều kiện tham gia góp ý kiến đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, dự thảo văn bản QPPL của HĐND, UBND nói chung (không chỉ đối với trường hợp có nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân). | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) | Về lấy ý kiến đề nghị xây dựng VBQPPL (Điều 10): Về việc bỏ quy định phải lấy ý kiến VCCI đối với hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh: đề nghị xem xét vì chưa phù hợp với quy định tại Điều 6 Luật Ban hành VBQPPL. - Việc không yêu cầu phải gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh đến VCCI cũng không làm quy trình được đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành VBQPPL bởi vì, việc lấy ý kiến VCCI có thời hạn nhất định. Thời hạn này đã nằm trong giai đoạn triển khai lấy ý kiến đối tượng chịu tác động. Mặt khác, Dự thảo đã bổ sung quy định hết thời hạn lấy ý kiến mà cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì cơ quan lập đề nghị tổng hợp và trình cơ quan có thẩm quyền - với quy định này thì quy trình xây dựng VBQPPL sẽ được tiến hành nhanh hơn. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp | Tại điểm a khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định: Theo quy định của Hiến pháp năm 2013, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân rất rộng, bao trùm các lĩnh vực, do đó, đề nghị cân nhắc, quy định cụ thể phạm vi lấy ý kiến của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để đảm bảo việc tham gia ý kiến của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được tập trung, hiệu quả | Tiếp thu |
|  | HĐND thành phố Hà Nội | Đề nghị sửa khoản 3 Điều 10 trong dự thảo Nghị định:  ““3. Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương đến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến. Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến; *Thường trực* *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể quyết định việc gửi* đề nghị đến các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan, để lấy ý kiến. *Hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 36, khoản 1 Điều 86 và khoản 3 Điều 113 của Luật mà cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì cơ quan lập đề nghị tổng hợp để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định*”. | Dự thảo Nghị định sửa nội dung này như sau: “2. Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến; *Gửi hồ sơ liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để lấy ý kiến*” |
|  | Bộ Xây dựng | Tại điểm a khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định:  Đề nghị làm rõ, cụ thể đối với tiêu chí “liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân”, “liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp” tại dự thảo Nghị định để cơ quan chủ trì lập hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chủ trì soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có cơ sở triển khai tuân thủ quy định này trên thực tế. | Các khái niệm này đều đã được quy định tại Hiến pháp |
|  | Bộ NN&PTNT | Tại điểm a khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định: Đề nghị quy định rõ việc *"trình cơ quan có thẩm quyền*" là trình cơ quan có thẩm quyền hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL hay trình cơ quan có thẩm quyền việc không nhận được văn bản trả lời của cơ quan tổ chức?  Nội dung sửa đổi khoản 4 Điều 10 đang giới hạn nội dung góp ý chỉ liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân là chưa phù hợp với quy định của Luật Ban hành VBQPPL (khoản 1 Điều 6). | Điều 10 được sửa đổi như sau: “**Điều 10. Trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**  1. Cơ quan lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương gửi hồ sơ đề nghị đến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến; gửi hồ sơ *liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân* đến Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*, gửi hồ sơ liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đến Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến.*  2. Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến; *Gửi hồ sơ liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để lấy ý kiến.*” |
|  | Bộ VHTTDL | Tại điểm a khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định:  Theo khoản 5 Điều 112 và Điều 113 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm “Tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan về đề nghị xây dựng Nghị quyết”, do đó quy định “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể quyết định việc gửi đề nghị đến các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan” như tại dự thảo Nghị định sẽ hạn chế quyền chủ động của Ủy ban nhân dân trong quá trình lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết, có thể dẫn đến việc phát sinh thủ tục Ủy ban nhân dân phải có văn bản đề xuất Hội đồng nhân dân cho phép gửi đề nghị đến các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan trong quá trình lập đề nghị xây dựng Nghị quyết. Bên cạnh đó, việc quy định thời hạn Bộ, ngành trả lời đề nghị góp ý bằng cách dẫn chiếu đến khoản 2 Điều 36, khoản 1 Điều 86 và khoản 3 Điều 113 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật như tại dự thảo Nghị định hiện nay đang có mâu thuẫn về thời gian (khoản 2 Điều 36, khoản 1 Điều 86 quy định cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định; khoản 3 Điều 113 quy định thời hạn cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 10 ngày đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh). Từ những lý do trên, nên chỉnh sửa nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (quy định tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định) như sau: “… Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể quyết định việc gửi đề nghị đến các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan, để lấy ý kiến. Hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 36, khoản 1 Điều 86 và khoản 3 Điều 113 của Luật mà cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì cơ quan lập đề nghị tổng hợp và trình cơ quan có thẩm quyền”. | Nội dung được sửa đổi, bổ sung như sau: “Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến; *Gửi hồ sơ liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để lấy ý kiến*” |
|  | Học viện Tư pháp | Tại điểm a khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định: Đề nghị bổ sung vào mục 4. Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, đồng thời quy định rõ hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết trên sẽ được gửi đến cơ quan, đơn vị nào để lấy ý kiến | Việc lấy ý kiến các đối tượng nào là tùy thuộc vào nội dung dự thảo văn bản và do cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quyết định. |
|  | HĐND tỉnh Lâm Đồng  UBND tỉnh Lâm Đồng, UBND tỉnh Bắc Ninh | Điểm a khoản 5 đề nghị bỏ cụm từ “có thể” sau cụm từ “Hội đồng nhân dân tỉnh” tại khoản 3 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo NĐ nhằm khẳng định thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh | Tiếp thu |
|  | HĐND tỉnh Hà Nam | Điểm a khoản 5: Đề nghị sửa đổi thẩm quyền gửi hồ sơ đề nghị xây dựng NQ của HĐND cấp tỉnh đến các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan để lấy ý kiến từ “HĐND” thành “Thường trực HĐND”, để thống nhất với thẩm quyền của Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng NQ của HĐND cấp tỉnh do UBND tỉnh trình quy định tại khoản 2 Điều 18 NĐ 34 và để đảm bảo thời gian bởi HĐND tỉnh không họp thường xuyên nên việc quyết định gửi đề nghị tới các bộ, cơ quan ngang bộ sẽ không kịp thời. Ngoài ra, hình thức HĐND tỉnh quyết định việc gửi đề nghị chưa quy định định rõ. | Dự thảo sửa đổi thành: “Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến; *Gửi hồ sơ liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để lấy ý kiến”.* |
|  | UBND tỉnh Quảng Ninh | Tại khoản 5 Điều 1 dự thảo (sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) quy định: *“3. Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản QPPL của cơ quan trung ương đến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến. Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh* ***có thể*** *quyết định việc gửi đề nghị đến các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan, đề lấy ý kiến. Hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 36, khoản 1 Điều 86 và khoản 3 Điều 113 của Luật mà cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì cơ quan lập đề nghị tổng hợp và trình cơ quan có thẩm quyền”*;UBND tỉnh Quảng Ninh đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh nội dung quy định tại đoạn gạch chân thành *“Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc gửi đề nghị đến các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan, để lấy ý kiến trong thời điểm xem xét lập đề nghị xây dựng nghị quyết đối với đề nghị xây dựng nghị quyết quy định tại các khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Hết thời hạn* *quy định tại khoản 2 Điều 36, khoản 1 Điều 86 và khoản 3 Điều 113 của Luật mà cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì cơ quan lập đề nghị tổng hợp và trình cơ quan có thẩm quyền”.* | Dự thảo nghị định sửa đổi như sau: “**Điều 10. Trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**  1. Cơ quan lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương gửi hồ sơ đề nghị đến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến; gửi hồ sơ *liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân* đến Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*, gửi hồ sơ liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đến Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến.*  2. Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến; *Gửi hồ sơ liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để lấy ý kiến.”* |
|  | UBND TP Hải Phòng | Điểm a khoản 5 Điều 1 chưa rõ hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh cần phải gửi lấy ý kiến của tất cả các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh hay chỉ các cơ quan chuyên môn có liên quan đến nội dung chính sách. Đề nghị quy định rõ căn cứ thực hiện.  Đề nghị bổ sung “HĐND cấp tỉnh có thể quyết định việc gửi hồ sơ đề nghị xây dựng NQ đến các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan để lấy ý kiến”. | Dự thảo quy định: Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức khác **có liên quan** để lấy ý kiến; *Gửi hồ sơ liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để lấy ý kiến* |
|  | HĐND tỉnh Vĩnh Phúc | Khoản 3 Điều 10, đề nghị không quy định cơ quan lập đề nghị có trách nhiệm “Đối với đề nghị xây dựng NQ của HĐND cấp tỉnh, gửi hồ sơ đến các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan để lấy ý kiến”. Vì hằng năm HĐND cấp tỉnh ban hành rất nhiều NQ đều phải gửi lấy ý kiến như vậy thì sẽ quá tải cho ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực liên quan. Mặt khác, thực tiễn ít địa phương thực hiện, chỉ các nghị quyết đặc thù có tính chất tiền công , tiền lương. | Tiếp thu: Dự thảo quy định: Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến; *Gửi hồ sơ liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để lấy ý kiến* |
|  | STP tỉnh Thái Nguyên, HĐND tỉnh Đắk Lắk, HĐND tỉnh Bình Thuận | Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP tại khoản 5 Điều 1 của dự thảo: “3. Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương đến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến. Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể quyết định việc gửi đề nghị đến các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan, để lấy ý kiến. Hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 36, khoản 1 Điều 86 và khoản 3 Điều 113 của Luật mà cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì cơ quan lập đề nghị tổng hợp và trình cơ quan có thẩm quyền;”.  Việc quy định thẩm quyền quyết định việc xin ý kiến các bộ ngành tại thời điểm này là HĐND cấp tỉnh thiếu tính khả thi và không phù hợp với phương thức hoạt động của chủ thể này giữa hai kỳ họp, đề nghị điều chỉnh theo hướng quy định thẩm quyền quyết định của Thường trực HĐND cấp tỉnh. | Tiếp thu |
|  | HĐND tỉnh Yên Bái | Đề nghị không quy định phải gửi đến các bộ, ngành quản lý ngành, lĩnh vực liên quan, MTTQVN cấp tỉnh, VCCI để lấy ý kiến. | Tiếp thu một phần: Dự thảo Nghị định quy định:  **Điều 10. Trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**  1. Cơ quan lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương gửi hồ sơ đề nghị đến các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan, tổ chức có liên quan để lấy ý kiến; gửi hồ sơ *liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân* đến Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*, gửi hồ sơ liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đến Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến.*  2. Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến; *Gửi hồ sơ liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để lấy ý kiến.* |
|  | UBND tỉnh Sóc Trăng | “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể quyết định việc gửi đề nghị đến các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực liên quan để lấy ý kiến…”, quy định này tuỳ nghi, do đó, đề nghị quy định cụ thể trường hợp bắt buộc phải gửi lấy ý kiến, các trường hợp còn lại thì HĐND tỉnh có thể quyết định. | Tiếp thu. Dự thảo quy định Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến. |
|  | UBND tỉnh Nghệ An, HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, HĐND tỉnh Gia Lai, | Đối với điểm a khoản 5 Điều 1 dự thảo quy định “Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, gửi hồ sơ đến…..lấy ý kiến. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể quyết định việc gửi đề nghị đến các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan để lấy ý kiến”. Đề nghị cân nhắc quy định này vì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thông qua các kỳ họp và phải trải qua quy trình họp theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, không đảm bảo yếu tố cần thiết và kịp thời trong việc ban hành các văn bản QPPL. | Tiếp thu. Dự thảo Nghị định quy định: Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến. |
|  | HĐND tỉnh Ninh Thuận | Tại điểm a khoản 5 Điều 1 Dự thảo NĐ, đề nghị nghiên cứu lại nội dung này: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể quyết định việc gửi đề nghị đến các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực liên quan để lấy ý kiến…” HĐND tỉnh hoạt động theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số thông qua việc tổ chức các kỳ họp. Nếu quy định như dự thảo thì HĐND tỉnh phải tổ chức kỳ họp để có thể quyết định việc lấy ý kiến đề nghị xây dựng nghị quyết. Nếu giao cho Thường trực HĐND tỉnh thì không phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi,bổ sung năm 2019), vì thẩm quyền của Thường trực HĐND tỉnh phải được quy định trong Luật (quy định trong Nghị định thì không đúng thẩm quyền).  Tại điểm b khoản 5 Điều 1 Dự thảo NĐ, đề nghị nghiên cứu quy định rõ hơn đối với dự thảo văn bản QPPL khi đăng tải lên cổng thông tin điện tử tỉnh, khi hết thời hạn gửi đăng tin trên cổng thông tin thì phải được gửi hồ sơ thẩm định. | Tiếp thu. Dự thảo Nghị định quy định: Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến. |
|  | HĐND tỉnh Vĩnh Long | - Thay cụm từ “ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” thành “Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh” vì nếu giao cho HĐND cấp tỉnh sẽ phải chờ đến kỳ họp và như vậy phát sinh thủ tục không cần thiết và không kịp thời. Thay cụm từ “trình cơ quan có thẩm quyền” thành “Các Bộ, ngành có thẩm quyền”; đồng thời, đề nghị quy định văn bản trả lời phải cụ thể, rõ ràng, không dẫn chiếu chung chung; trường hợp các Bộ, ngành không có văn bản trả lời, đề nghị giao cho Thường trực HĐND xem xét, quyết định. | Dự thảo Nghị định đã sửa đổi như sau: Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức khác có liên quan để lấy ý kiến. |
|  | Bộ TNMT | Tại điểm b khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định:  - Đề nghị quy định rõ việc phải đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ áp dụng với nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp tỉnh.  - Đề nghị quy định rõ thời gian đăng tải Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý trước khi gửi hồ sơ thẩm định trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cổng thông tin hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan lập đề nghị. Có quy định việc cơ quan lập đề nghị tiếp tục phải tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý nhận được sau khi đăng tải Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý trước khi gửi hồ sơ thẩm định trên các Cổng thông tin, Trang thông tin nêu trên? | - Luật BHVBQPPL quy định quyết định UBND cũng phải đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để lấy ý kiến.  - Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ NN&PTNT | Điểm b khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung như sau: *"Trước khi gửi hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để thẩm định, cơ quan lập đề nghị phải đăng tải Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý* ***cùng với dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật*** *trên Cổng thông tin…”* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Đề nghị quy định cụ thể thời điểm đăng tải, thời gian đăng tải Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ… | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ Xây dựng, Bộ LĐTBXH, Văn phòng Bộ, Cục BTTP, Bộ Tư pháp | Điểm b khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định *phải đăng tải Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý trước khi gửi thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật* là chưa bảo đảm đơn giản hóa trình tự, thủ tục, có thể kéo dài thời gian hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, trong khi có thể đăng tải đồng thời khi gửi thẩm định,… sẽ giúp đơn giản hóa trình tự, thủ tục. | Luật BHVBQPPL quy định phải đăng tải báo cáo giải trình, tiếp thu trên cổng thông tin điện tử. Dự thảo Nghị định chỉ quy định cụ thể, rõ ràng hơn thời điểm đăng tải |
|  | Bộ VHTTDL | Tại điểm b khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định:  Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định về việc đăng tải báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý trong giai đoạn lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết, Nghị định, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (điểm c khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 86), trong quá trình soạn thảo luật, pháp lệnh, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (khoản 3 Điều 55, khoản 3 Điều 57, điểm c khoản 2 Điều 90, điểm đ khoản 2 Điều 97, khoản 2 Điều 119), tuy nhiên, tại dự thảo Nghị định chỉ có quy định về thời điểm đăng tải bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (điểm b khoản 5 Điều 1). Đề nghị cân nhắc, bổ sung quy định về thời điểm đăng tải văn bản nêu trên trong giai đoạn soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm, Bộ Tư pháp | Điểm b khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung mới chỉ đề cập đến thời điểm cơ quan lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phải đăng tải Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý mà chưa quy định rõ thời hạn đăng tải Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý là bao lâu và tính từ thời điểm nào. Do vậy, để đảm bảo tính thực chất, hiệu quả của hoạt động này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, bổ sung làm rõ nội dung này. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Lai Châu | Điểm b khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định chỉnh sửa lại như sau:  *“Nghiên cứu ý kiến góp ý để hoàn thiện đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Trước khi gửi hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để thẩm định,* ***cơ quan lập đề nghị ở trung ương*** *phải đăng tải bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan lập đề nghị;* ***cơ quan lập đề nghị ở địa phương*** *phải đăng tải bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cổng thông tin hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan lập đề nghị”* cho rõ ràng, đầy đủ, cụ thể hơn, tránh cách hiểu không thống nhất về trách nhiệm của cơ quan lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Lạng Sơn | Điểm b khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định: Việc quy định đăng tải như trên là rườm rà và chưa xác định cụ thể việc đăng tải Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử trong thời gian 30 ngày hay sau thời gian 30 ngày góp ý trên Cổng thông tin. Mặt khác trên thực tế tại địa phương hầu như không có ý kiến tham gia góp ý trên Cổng thông tin điện tử. Do đó, đề nghị xem xét không quy định việc đăng tải Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử và nội dung này sẽ được tổng hợp trong văn bản giải trình tiếp thu ý kiến góp ý. | Luật BHVBQPPL đã quy định việc đăng tải Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến trên cổng thông tin điện tử do vậy, dự thảo nghị định quy định là cần thiết.. |
|  | UBND TP Hải Phòng | Điểm b khoản 5 Điều 1: chưa rõ ràng việc đăng tải Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến có xác định thời hạn đăng tải hay không hoặc chỉ cần đăng tải trên Cổng TTĐT CP, Cổng TTĐT của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cổng TT hoặc Trang TTĐT của cơ quan lập đề nghị trước khi gửi hồ sơ thẩm định là được? Đề nghị quy định rõ. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Tây Ninh | Khoản 5: đề nghị xem xét cụm từ “có thể quyết định việc gửi đề nghị đến các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý ngành,…” vì sẽ được hiểu là có thể gửi hoặc không gửi, sẽ tạo ra sự không thống nhất trong thực hiện  - điểm b, đề nghị quy định cụ thể thời gian (bao nhiêu ngày?) “cơ quan lập đề nghị phải đăng tải Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý trên Cổng thông tin hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan lập đề nghị”. Đồng thời, giao Bộ Tư pháp hướng dẫn chi tiết việc thực hiện nội dung này.  Lý do: để thực hiện thống nhất và là cơ sở để cơ quan thẩm định xác định văn bản có thực hiện đúng quy trình xây dựng VBQPPL. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ Xây dựng | Tại điểm c khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định:  Dự thảo Nghị định bổ sung quy định *cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm truyền thông nội dung chính sách trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, truyền thông nội dung cơ bản của dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong giai đoạn lấy ý kiến* là chưa bảo đảm phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chưa bảo đảm tính khả thi trong triển khai thực hiện. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không quy định trách nhiệm bắt buộc của cơ quan chủ trì soạn thảo phải truyền thông nội dung chính sách, truyền thông nội dung cơ bản của dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Truyền thông nội dung chính sách, truyền thông nội dung cơ bản của dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về bản chất chỉ là một trong các hình thức nhằm thông tin đến các đối tượng liên quan biết và có ý kiến (nếu có) về chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) chỉ quy định trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo là tổ chức lấy ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (không bắt buộc phải bằng hình thức nào). Mặt khác, tại Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022-2027” được phê duyệt tại Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ đưa ra phạm vi tổ chức truyền thông là ***đối với những chính sách có tác động lớn đến xã hội, được xác định là vấn đề khó, nhạy cảm, dư luận xã hội quan tâm hoặc có nhiều ý kiến khác nhau*** về nội dung dự thảo chính sách; mà không yêu cầu đối với tất cả các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Mặt khác, quy định bắt buộc *truyền thông nội dung cơ bản của dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong giai đoạn lấy ý kiến* là không bảo đảm tính khả thi trong triển khai thực hiện, đặc biệt đối với những văn bản quy phạm pháp luật có nội dung đơn giản, không tác động lớn đến xã hội (ví dụ: Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật…). Do vậy, đề nghị cân nhắc, chỉnh lý quy định tại điểm c khoản 5, điểm b khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định bảo đảm phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính khả thi trong triển khai thực hiện. | Tiếp thu một phần. Dự thảo bổ sung một khoản vào điều 184 quy định về nội dung này “*Tổ chức truyền thông nội dung cơ bản của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức phù hợp khác về các vấn đề phức tạp, nhạy cảm, được dư luận xã hội quan tâm, có nhiều ý kiến khác nhau và tác động trực tiếp làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp*” để đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn công tác xây dựng pháp luật. |
|  | STP thành phố Hà Nội | Đề nghị nghiên cứu tính khả thi của quy định truyền thông chính sách vì chính sách chưa chính thức, chưa được ban hành, còn nhiều nội dung chỉnh sửa hoặc có thể không được thông qua thì việc truyền thông là không nên, sẽ gây thông tin sai lệch, mặt khác việc truyền thông ở địa phương là không có điều kiện kinh phí đảm bảo. | Ngày 30/3/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 407/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027” . |
|  | Bộ Giao thông vận tải; Bộ KHCN | Điểm c khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 7 vào Điều 10 của Nghị định 34/2016/NĐ-CP): Đề nghị cân nhắc việc bổ sung quy định này, vì không rút ngắn được thời gian ban hành VBQPPL, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn theo dự thảo Tờ trình nêu. | Ngày 30/3/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 407/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027”. Do vậy, việc quy định nội dung này tại dự thảo là cần thiết. |
|  | Bộ Công An | Tại điểm c khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định (bổ sung khoản 7 vào Điều 10 của Nghị định 34/2016/NĐ-CP), đề nghị chỉnh lý như sau: *“7. Cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm truyền thông nội dung chính sách trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật,* ***trừ những văn bản quy phạm pháp luật có nội dung bí mật nhà nước”.*** | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ TNMT | Tại điểm c khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định:  Đề nghị xem xét không bổ sung khoản 7 vào Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP bởi quy định này không rõ phạm vi truyền thông như thế nào (trên thực tế, việc đăng tải trên Cổng thông tin điện tử, gửi lấy ý kiến góp ý cũng là một hình thức tuyên truyền, giới thiệu về nội dung chính sách rồi). | Tiếp thu |
|  | Bộ VHTTDL | Tại điểm c khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định:  Tại khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định dự kiến bổ sung trách nhiệm truyền thông chính sách (bổ sung khoản 7 vào Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), do đó, cơ quan chủ trì soạn thảo nên bổ sung vào Điều 2 nội dung giải thích từ ngữ “Truyền thông chính sách”, đồng thời bổ sung một số quy định liên quan đến nghiệp vụ truyền thông chính sách như: phạm vi thực hiện truyền thông chính sách (chỉ với những chính sách có tác động lớn đến xã hội, những vấn đề khó, nhạy cảm hay tất cả các chính sách đều phải thực hiện công tác truyền thông trong quá trình lập đề nghị), phương thức thực hiện truyền thông chính sách… | Tiếp thu một phần. Dự thảo bổ sung 1 khoản vào Điều 184 quy định như sau: “*Tổ chức truyền thông nội dung cơ bản của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức phù hợp khác về các vấn đề phức tạp, nhạy cảm, được dư luận xã hội quan tâm, có nhiều ý kiến khác nhau và tác động trực tiếp làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp*” để đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn công tác xây dựng pháp luật. |
|  | HĐND thành phố Hà Nội | Bổ sung khoản 7 vào Điều 10 Nghị định 34/2016/NĐ-CP:  “*7. Cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm truyền thông nội dung chính sách trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Hình thức và mức độ truyền thông do cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quyết định”.* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Cục PBGDPL, Bộ Tư pháp | Tại điểm c khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung như sau:  *“c) Bổ sung khoản 7 vào Điều 10 như sau:*  *“7. Cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm truyền thông nội dung chính sách trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật* ***bằng các hình thức phù hợp. Tổng hợp, xây dựng báo cáo hoạt động truyền thông nêu trên vào thành phần hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật”.*** | Dự thảo tiếp thu một phần. Việc đề nghị bổ sung “*Tổng hợp, xây dựng báo cáo hoạt động truyền thông nêu trên vào thành phần hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật*” chưa phù hợp với quy định của Luật BHVBQPPL. |
|  | UBND tỉnh Lâm Đồng | Điểm c khoản 5: Dự thảo NĐ quy định về “trách nhiệm truyền thông nội dung chính sách trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật”. Tuy nhiên, đề nghị xem lại quy định này vì nếu trong trường hợp VBQPPL không được ban hành kịp thời sẽ dẫn đến dư luận trái chiều, không tốt. | Dự thảo bổ sung quy định về “trách nhiệm truyền thông nội dung chính sách trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật” để đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn công tác xây dựng pháp luật và quá trình truyền thông chính sách vẫn phải đáp ứng các quy định của Luật BHVBQPPL và các Nghị định hướng dẫn thi hành. |
|  | STP tỉnh Cao Bằng | Đề nghị quy định chỉ bắt buộc thực hiện truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội còn việc truyền thông các nội dung khác có thể linh hoạt thực hiện | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Đăk Lăk | Điểm c (bổ sung khoản 7 vào Điều 10): Đề nghị chỉnh lý thành “*Cơ quan ~~chủ trì~~ lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm truyền thông nội dung chính sách trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật”* cho phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL; đồng thời thống nhất với các khoản khác của Dự thảo. | Tiếp thu |
|  | HĐND tỉnh An Giang | Đề nghị chỉ quy định trách nhiệm truyền thông nội dung chính sách trong quá trình lập đề nghị xây dựng đối với những nghị quyết HĐND được xây dựng theo khoản 4, Điều 27 của Luật BHVBQPPL thì sẽ có tính khả thi hơn | Việc truyền thông chính sách đã được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 407/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027”, do vậy, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu để quy định tại dự thảo Nghị định cho phù hợp. |
|  | UBND tỉnh Tây Ninh | Đề nghị giao Bộ Tư pháp quy định chi tiết nội dung truyền thông chính sách vì đây là nội dung mới, chưa có hướng dẫn cụ thể từ Trung ương. | Ngày 30/3/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 407/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027” |
|  | STP tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh Lạng Sơn, Văn phòng Bộ, Bộ Tư pháp | Đề nghị xem xét quy định cụ thể một số chính sách cần thiết để thực hiện truyền thông trong quá trình lập đề nghị xây dựng và một số dự án, dự thảo văn bản QPPL thực hiện truyền thông trong giai đoạn lấy ý kiến vì thực tế đã được đăng tải để lấy ý kiến trong thời hạn quy định. Nếu quy định tất cả các chính sách, dự án, dự thảo đều phải thực hiện truyền thông trong cả giai đoạn lập đề nghị xây dựng và trong giai đoạn lấy ý kiến sẽ khó khăn và trùng lặp trong quá trình thực hiện. Đồng thời, đề nghị có hướng dẫn cụ thể về các hình thức truyền thông chính sách. | Tiếp thu một phần |
|  | UBND tỉnh Yên Bái, HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, HĐND tỉnh Trà Vinh; | Tại điểm c khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm lấy ý kiến trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật như sau: “*7. Cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm truyền thông nội dung chính sách trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.”.* Đề nghị quy định chi tiết, cụ thể về việc truyền thông nội dung chính sách như: số lần truyền thông, hình thức truyền thông, thời gian truyền thông, …) để bảo đảm tính dễ áp dụng của văn bản quy phạm pháp luật, đồng thời nâng cao chất lượng hiệu quả trong việc truyền thông chính sách. | Ngày 30/3/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 407/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027”. tại Quyết định này quy định nhiều nội dung về truyền thông chính sách. |
|  | UBND tỉnh Lai Châu, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Tại điểm c khoản 5 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể việc truyền thông nội dung chính sách trong trường hợp này là thực hiện dưới hình thức như thế nào?. | Tiếp thu như sau: “Dự thảo bổ sung 1 khoản vào Điều 184 quy định như sau: “*Tổ chức truyền thông nội dung cơ bản của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức phù hợp khác về các vấn đề phức tạp, nhạy cảm, được dư luận xã hội quan tâm, có nhiều ý kiến khác nhau và tác động trực tiếp làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp*” để đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn công tác xây dựng pháp luật.” |
|  | STP tỉnh Thanh Hoá | Đề nghị quy định rõ “truyền thông” là gì, phương thức, cách thức truyền thông, thời gian truyền thông…để dễ dàng triển khai trên thực tế | Ngày 30/3/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 407/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án “Tổ  chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027”. tại Quyết định này quy định nhiều nội dung về truyền thông chính sách. |
|  | UBND thành phố Đà Nẵng | Đề nghị cân nhắc thêm về sự cần thiết tham gia ý kiến của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đối với quá trình lập đề nghị xây dựng NQ của HĐND cấp tỉnh. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Quảng Ninh | Tại khoản 5 và khoản 10 Điều 1 dự thảo (bổ sung khoản 7 vào Điều 10 và khoản 5 vào Điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) quy định: *“7. Cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng văn bản QPPL có trách nhiệm truyền thông nội dung chính sách trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật”, “5. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm truyền thông nội dung cơ bản của dự án, dự thảo văn bản QPPL trong giai đoạn lấy ý kiến”*; UBND tỉnh Quảng Ninh nhận thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 111 và khoản 1 Điều 127 của Luật Ban hành văn bản QPPL (sau đây gọi tắt là Luật) thì thủ tục lập đề nghị xây dựng văn bản QPPL được thực hiện đối với tất cả các nghị quyết do HĐND, UBND tỉnh ban hành; Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 27 và khoản 1 Điều 28 của Luật, HĐND và UBND cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành văn bản để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, trong trường hợp này nếu theo quy định như dự thảo đề cập (vẫn phải thực hiện truyền thông chính sách) là không phù hợp với lý do chính sách đã được cơ quan nhà nước tại trung ương quyết định (đã được truyền thông chính sách từ khâu ban hành văn bản QPPL của trung ương). Vì vậy, UBND tỉnh Quảng Ninh đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu lại nội dung quy định này. | Bộ Tư pháp đã bổ sung 1 khoản vào Điều 184 Nghị định như sau “*Tổ chức truyền thông nội dung cơ bản của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức phù hợp khác về các vấn đề phức tạp, nhạy cảm, được dư luận xã hội quan tâm, có nhiều ý kiến khác nhau và tác động trực tiếp làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp*”. |
|  | Cục Con nuôi, Bộ Tư pháp | Chỉnh lý lại khoản 7 Điều 10 như sau: “7. Cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm truyền thông nội dung chính sách trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Tài liệu chứng minh cho hoạt động truyền thông phải được lưu vào hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.”.  Lý do: Hoạt động truyền thông chính sách có vai trò quan trọng, nhằm cung cấp thông tin rộng rãi về nội dung của dự thảo chính sách bằng các hình thức phù hợp, đúng quy định pháp luật đến đối tượng chịu sự tác động và toàn xã hội trên cơ sở tương tác, thông tin đa chiều; công khai, minh bạch nội dung tiếp thu, giải trình, dự kiến sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách. Việc bổ sung yêu cầu này vào dự thảo Nghị định là cần thiết. Tuy nhiên, nếu không quy định rõ trách nhiệm lưu tài liệu chứng minh cho hoạt động truyền thông trong hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thì sẽ khó xác định được cơ quan chủ trì có thực hiện hoạt động truyền thông chính sách hay không. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
| **5. Về vai trò của Chính phủ trong việc cho ý kiến đối với đề nghị xây dựng VBQPPL (Khoản 6 Điều 1 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | Bộ TNMT | Nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP không rõ vai trò của Bộ Tư pháp là cơ quan chủ trì thực hiện. Đề nghị giữ nguyên nội dung quy định của khoản 1 Điều 12 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. | Tiếp thu |
|  | Bộ LĐTBXH | Bổ sung quy định trách nhiệm của Bộ Tư pháp tổng hợp ý kiến các bộ, ngành đối với đề nghị xây dựng VBQPPL không do Chính phủ trình | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ VHTTDL | Về nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 Nghị định số 34/2016/NĐ- CP (quy định tại khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định): Nội dung sửa đổi, bổ sung hiện nay chỉ liên quan đến việc cho ý kiến đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật không do Chính phủ trình.  Cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu, bổ sung nội dung liên quan đến việc cho ý kiến đối với kiến nghị về luật, pháp lệnh để phù hợp với tên gọi của Điều 12 (Chính phủ cho ý kiến đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật không do Chính phủ trình và kiến nghị về luật, pháp lệnh) | Tiếp thu |
|  | Bộ Công an | Tại khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị tăng thời hạn từ 10 ngày lên thành 15 ngày, vì có những đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có phạm vi điều chỉnh mới, phức tạp, quan trọng cần có nhiều thời gian nghiên cứu, lấy ý kiến rộng rãi trước khi gửi ý kiến tham gia | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
| **6. Về thẩm định đề nghị xây dựng VBQPPL (Khoản 7, 8 Điều 1 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | UBND tỉnh Vĩnh Long | Quy định tại khoản 7. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 13 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và quy định tại Điều 115 của Luật Ban hành VBQPPL là không thống nhất. Đề nghị hướng dẫn cụ thể quy định này | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ LĐTBXH | Đề nghị giữ nguyên vai trò của Bộ LĐTBXH và Sở LĐTBXH tham gia hội đồng tư vấn thẩm định đề nghị xây dựng VBQPPL vì Bộ LĐTBXH và Sở LĐTBXH thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực xã hội; đánh giá tác động xã hội là một trong các nội dung cơ bản của đánh giá tác động chính sách; quy định như hiện hành không trái với quy định của Luật Ban hành VBQPPL; thực tiễn quy định này đang thực hiện ổn định và chuyên nghiệp hơn. | Tiếp thu |
|  | Bộ NN&PTNT | Cân nhắc việc bỏ xin ý kiến "Bộ Lao động - Thương binh xã hội" vì trong nội dung đánh giá tác động chính sách có nội dung đánh giá tác động về giới. | Tiếp thu |
|  | HĐND tỉnh Hòa Bình; UBND tỉnh Hòa Bình | Khoản 8 Điều 1 dự thảo Nghị định sửa theo hướng:  *“a)……*  *2. Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức* ***liên quan*** *được đề nghị có trách nhiệm cử đại diện (****có chuyên môn về lĩnh vực cần thẩm định)*** *tham gia thẩm định đề nghị xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ do Bộ tư pháp thẩm định.”*  *b) ……*  *“4. Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan, tổ chức* ***liên quan*** *được đề nghị có trách nhiệm cử đại diện tham gia thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh do Sở Tư pháp thẩm định.”.* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | STP thành phố Hà Nội | Về trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp tổ chức họp tư vấn thẩm định hoặc thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định, đề nghị cơ quan soạn thảo nên bổ sung thêm hình thức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản để phù hợp thực tế của địa phương, tiết kiệm thời gian đi lại vừa đảm bảo được tính chính xác, hiệu lực của ý kiến thẩm định | Điểm c khoản 2 Điều 13 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: Sở Tư pháp có trách nhiệm, trong trường hợp cần thiết, tổ chức họp tư vấn thẩm định hoặc thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định có sự tham gia của đại diện Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học. Do vậy, trong một số trường hợp cần thiết không sử dụng hình thức họp tư vấn thẩm định hoặc thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định, thì Sở Tư pháp có thể sử dụng hình thức khác để thẩm định. |
|  | UBND tỉnh Bà rịa - Vũng Tàu | Đề nghị bổ sung Sở Lao động - Thương binh và xã hội vì qua theo dõi các VBQPPL do địa phương ban hành có nhiều nội dung liên quan đến tiền lương tiền công cần phải có ý kiến của Sở Lao động thương binh và Xã hội | Tiếp thu |
| **7. Về soạn thảo VBQPPL (Khoản 10, 11 Điều 1 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | Bộ VHTTDL, STP Tiền Giang | Về khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định bộ hoặc cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết có trách nhiệm thành lập Ban soạn thảo (khoản 2 Điều 52); “thành phần Ban soạn thảo phải có các thành viên là đại diện lãnh đạo Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ” (khoản 1 Điều 53); “Ban soạn thảo có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo và chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trước cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo” (khoản 1 Điều 54). Các quy định trên đã bảo đảm việc tham gia của Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ trong quá trình soạn thảo văn bản, do đó nên xem xét lại sự cần thiết của nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. | Tiếp thu |
|  | Bộ Công thương | Tại điểm a khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định: Đề nghị bổ sung: *"Trường hợp soạn thảo theo trình tự, thủ tục rút gọn, cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo quyết định việc tổ chức lấy ý kiến theo quy định tại khoản này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 148 Luật Ban hành quy phạm pháp luật"* | Khoản 2 Điều 148 đã quy định rõ rồi nên không cần thiết quy định tại điều này. |
|  | STP tỉnh Thanh Hoá | Khoản 10, đề nghị sửa thành: “Gửi hồ sơ dự án, dự thảo VBQPPL của cơ quan địa phương đến Uỷ ban MTTQ Việt Nam cùng cấp đối với dự án dự thảo **liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân** để lấy ý kiến” để phù hợp với đối tượng phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam được quy định tại Luật MTTQ Việt Nam | Dự thảo Nghị định quy định “Gửi hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương *liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân* đến Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; hồ sơ dự án, dự thảo liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đến Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến” là phù hợp với Hiến pháp |
|  | Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) | Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo (Điều 25)  Về việc lấy ý kiến Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Dự thảo đang quy định rõ hơn phạm vi dự án, dự thảo VBQPPL phải gửi đến Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để lấy ý kiến (chỉ đối với các dự án, dự thảo liên quan đến quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân). Đề nghị Quý Cơ quan cân nhắc đề xuất này, vì không hợp lý và cũng không phù hợp với Điều 6 Luật Ban hành VBQPPL, như đã trích dẫn ở trên: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam… có quyền và được tạo điều kiện tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.”, đặc biệt là vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được ghi nhận trong các văn kiện của Đảng (tuy nhiên, Luật Ban hành VBQPPL được sửa đổi năm 2020 cũng chưa luật hóa đầy đủ vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam). Thêm vào đó, việc xác định như thế nào là “liên quan đến quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân” cũng không rõ ràng. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) | Về trách nhiệm phản hồi của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo VBQPPL tại Điều 55 của Luật Ban hành VBQPPL 2015 : đề nghị xem xét bổ sung quy định phải công khai ý kiến phản hồi, tiếp thu, nếu không công khai và không xác định rõ các nhóm vấn đề theo từng nhóm đối tượng lấy ý kiến thì coi như chưa đủ hồ sơ để thẩm định. | Luật Ban hành VBQPPL và Nghị định hướng dẫn thi hành đã có quy định phải đăng tải Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cổng thông tin hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan lập đề nghị, soạn thảo |
|  | Bộ Xây dựng | Khoản 11 Điều 1 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 26 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) quy định “kết luận của Ban soạn thảo phải được lưu vào hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật”. Đề nghị làm rõ “kết luận của Ban soạn thảo” tại quy định này là toàn bộ các kết luận cuộc họp Ban soạn thảo trong suốt quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật hay chỉ trong những bước quy trình quan trọng như trước khi thẩm định, trình ban hành văn bản. Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng thấy rằng việc bổ sung quy định “kết luận của Ban soạn thảo phải được lưu vào hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật” không có ý nghĩa trong việc nâng cao trách nhiệm của Ban soạn thảo vì tài liệu này chỉ để lưu vào hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, mà không phải là thành phần hồ sơ trong quy trình, thủ tục soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu |
|  | Bộ Xây dựng | Điều 26, Điều 27 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP chưa có quy định để tách bạch trách nhiệm giữa Ban soạn thảo với cơ quan chủ trì soạn thảo; trách nhiệm của các thành viên Ban soạn thảo (trách nhiệm cá nhân) với trách nhiệm của các Bộ, ngành cử thành viên tham gia Ban soạn thảo; chưa có quy định về giá trị ý kiến tham gia trong quá trình soạn thảo văn bản của các thành viên Ban soạn thảo, thành viên Tổ biên tập.  Đồng thời, việc thành lập Tổ biên tập giúp việc cho Ban soạn thảo cần linh hoạt, phù hợp với tính chất văn bản, điều kiện thực tiễn của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản; theo đó, có thể cân nhắc bổ sung hình thức sử dụng bộ phận thường trực của đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản của cơ quan chủ trì soạn thảo để thực hiện nhiệm vụ như Tổ biên tập.  Do vậy, đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định về Ban soạn thảo, Tổ biên tập tại Điều 26, Điều 27 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP theo hướng: (i) làm rõ, tách bạch trách nhiệm giữa Ban soạn thảo với cơ quan chủ trì soạn thảo, thành viên Ban soạn thảo với trách nhiệm của cơ quan cử thành viên tham gia Ban soạn thảo; (ii) bổ sung quy định về giá trị ý kiến tham gia trong quá trình soạn thảo văn bản của các thành viên Ban soạn thảo, tổ biên tập; (iii) quy định linh hoạt về việc thành lập tổ biên tập hay sử dụng bộ phận thường trực của đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản của cơ quan chủ trì soạn thảo để thực hiện giúp việc cho Ban soạn thảo. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ Công an | Tại điểm b khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị chỉnh lý như sau: “5. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm truyền thông nội dung cơ bản của dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong giai đoạn lấy ý kiến, trừ những văn bản quy phạm pháp luật có nội dung bí mật nhà nước”. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Cục PBGDPL, Bộ Tư pháp | Điểm b khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung như sau:  *“b) Bổ sung khoản 5 vào Điều 25 như sau:*  *“5. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm truyền thông nội dung cơ bản của dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong giai đoạn lấy ý kiến* ***bằng các hình thức phù hợp. Tổng hợp, xây dựng báo cáo hoạt động truyền thông nêu trên vào thành phần hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật”.*** | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Gia Lai | Tại khoản 2 Mục IV Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “ Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022-2027” giao nhiệm vụ “ Hoàn thiện chính sách, thể chế công tác truyền thông dự thảo chính sách”. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện pháp luật liên quan đến truyền thông nội dung chính sách trong quá trình lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; truyền thông nội dung cơ bản của dự án, dự thảo VBQPPL trong giai đoạn lấy ý kiến. | Tiếp thu |
|  | HĐND tỉnh Gia Lai | Tại điểm a khoản 10 Điều 1, đề nghị sửa nội dung “Gửi hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan địa phương” thành “Gửi hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan địa phương” nhằm đảm bảo tính chính xác của văn bản (vì địa phương không xây dựng dự án văn bản quy phạm pháp luật). | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Lâm Đồng | Điểm a khoản 10: Quy định “Mời đại diện BTP, VPCP tham gia vào quá trình soạn thảo dự án, dự thảo VBQPPL”, đề nghị cân nhắc vì khi soạn thảo VBQPPL có những lĩnh vực phức tạp, yêu cầu đại diện có trình độ đáp ứng để tham gia gây khó khăn, khó khả thi trên thực tế. | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Lào Cai | Đề nghị chỉnh sửa cho chính xác như sau: *“Sửa đổi, bổ sung khoản 2,3…Nghị định số 34/2016/NĐ-CP”.* | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Cà Mau | Tại điểm b khoản 10, kiến nghị thay thế cụm từ “*trong giai đoạn lấy ý kiến”* thành *“từ khi lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đến khi thông qua, ban hành văn bản quy phạm pháp luật”.* Do quy định này, đồng thời là mục tiêu thực hiện của Đề án “ Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022-2027” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 | Dự thảo Nghị định bổ sunh 1 khoản vào Điều 184 như sau: “1a. *Tổ chức truyền thông nội dung cơ bản của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức phù hợp khác về các vấn đề phức tạp, nhạy cảm, được dư luận xã hội quan tâm, có nhiều ý kiến khác nhau và tác động trực tiếp làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.*” |
|  | STP tỉnh Tiền Giang | Tại điểm b khoản 10 Điều 1 của dự thảo Nghị định quy định: “Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm truyền thông nội dung cơ bản của dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong giai đoạn lấy ý kiến”*.*  Đề nghị xem xét, giới hạn các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cần phải truyền thông cho phù hợp vì theo quy định pháp luật hiện hành có một số văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước hoặc chỉ tác động ảnh hưởng đến một, một số đối tượng, địa bàn nhất định.  Bên cạnh đó, đề nghị xem xét, bổ sung hướng dẫn về thời hạn, hình thức, nội dung truyền thông, kinh phí thực hiện truyền thông để thực hiện thống nhất. | Dự thảo Nghị định bổ sunh 1 khoản vào Điều 184 như sau: “1a. *Tổ chức truyền thông nội dung cơ bản của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức phù hợp khác về các vấn đề phức tạp, nhạy cảm, được dư luận xã hội quan tâm, có nhiều ý kiến khác nhau và tác động trực tiếp làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.*”  - Ngày 30/3/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 407/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027”. tại Quyết định này quy định nhiều nội dung về truyền thông chính sách.  - Thông tư số 58/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đã có quy định về kinh phsi cho việc truyền thông chính sách. |
|  | HĐND tỉnh Thanh Hoá, Cục BTTP, Bộ Tư pháp | Tại điểm b khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật như sau: *“5. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm truyền thông nội dung cơ bản của dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong giai đoạn lấy ý kiến.”.* Đề nghị quy định rõ “truyền thông là gì”, phương thức, thời gian thực hiện để bảo đảm tính dễ áp dụng của văn bản quy phạm pháp luật. | Ngày 30/3/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 407/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027”. tại Quyết định này quy định nhiều nội dung về truyền thông chính sách. |
|  | Bộ NN&PTNN, UBND tỉnh Yên Bái | Tại điểm b khoản 10 Điều 1 dự thảo Nghị định bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật như sau: *“5. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm truyền thông nội dung cơ bản của dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong giai đoạn lấy ý kiến.”.* Đề nghị xem xét, phân định rõ việc đăng tải hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của cấp tỉnh hoặc của cơ quan chủ trì soạn thảo để lấy ý kiến tham gia thì có được coi là truyền thông nội dung dự thảo không?. Do đó, cần quy định cụ thể, chi tiết việc truyền thông nội dung dự thảo như: số lần truyền thông, hình thức truyền thông, thời gian truyền thông, …) để bảo đảm tính dễ áp dụng của văn bản quy phạm pháp luật; Đồng thời, hạn chế việc thực hiện “đối phó”, thiếu trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo, nâng cao chất lượng hiệu quả trong việc truyền thông chính sách và bảo đảm tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật. | - Việc truyền thông chính sách và lấy ý kiến là hai khái niệm khác nhau  -Ngày 30/3/2022 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 407/QĐ-TTg Phê duyệt Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027”. tại Quyết định này quy định nhiều nội dung về truyền thông chính sách. |
|  | Bộ KHCN | Về khoản 11 Điều 1 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 26): đề nghị Quý Bộ cân nhắc bổ sung nội dung *“Kết luận của Ban soạn thảo phải được lưu vào hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật”* vào điểm c khoản 4 Điều 26 thay vì bổ sung vào điểm b khoản 4 Điều 26 như dự thảo Nghị định vì điểm c khoản 4 Điều 26 quy định về các nội dung Ban soạn thảo thảo luận tại cuộc họp thì việc bổ sung quy định này vào điểm c khoản 4 sẽ phù hợp hơn. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
| **8. Về xử lý hồ sơ dự án, dự thảo VBQPPL tại Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Khoản 12 Điều 1 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | UBND tỉnh Sóc Trăng | Khoản 12 Điều 1 quy định “Việc xử lý hồ sơ dự án, dự thảo VBQPPL tại VPCP, VP UBND cấp tỉnh được thực hiện theo quy chế làm việc của CP, quy chế làm việc của UBND cấp tỉnh”. Tuy nhiên, thực tế, quy chế làm việc của UBND cấp tỉnh đối với VBQPPL thường viện dẫn Luật BHVBQPPL. Mặt khác khoản 3 Điều 127 Luật quy định “VP UBND cấp tỉnh chủ trì phối hợp với STP xem xét, kiểm tra việc đề nghị ban hành quyết định, báo cáo Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định. Kiến nghị sửa đổi Điều 33 NĐ 34 theo hướng quy định cụ thể trách nhiệm của VP UBND tỉnh. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND thành phố Hà Nội | Sửa khoản 3 Điều 25 như sau:  *“3. Gửi hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương đến Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với hồ sơ dự án, dự thảo liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; đến Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đối với hồ sơ dự án, dự thảo liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp để lấy ý kiến.*  *Gửi hồ sơ dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan địa phương đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp đối với hồ sơ dự án, dự thảo liên quan đến quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân để lấy ý kiến.”.* | Tiếp thu |
|  | HĐND tỉnh Đắk Lắk | Đề nghị sửa lại tiêu đề thành “Sửa đổi Điều 33 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP” cho chính xác vì dự thảo đã thể hiện toàn bộ nội dung Điều 33 bị sửa đổi, không có bổ sung. | Mẫu của văn bản sửa đổi, bổ sung quy định về cách thiết kế văn bản sửa đổi, bổ sung như tại dự thảo hiện tại. |
| **9. Về xây dựng, ban hành VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn (Khoản 13 Điều 1 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | Bộ TNMT, HĐND tỉnh Gia Lai | Tại khoản 13 Điều 1 dự thảo Nghị định: Về điểm a khoản 4, đề nghị bỏ đoạn: *“việc ban hành văn bản là yêu cầu khách quan, phải có ngay quy định để giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn nhằm đáp ứng yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phát triển kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước, bảo đảm quyền, lợi ích của nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân và lợi ích chung của xã hội;”*, chỉ cần nêu rõ các căn cứ xây dựng văn bản rút gọn quy định tại khoản 44 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Tiếp thu một phần |
|  | Bộ Công thương | Hướng dẫn cụ thể, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định đối với khoản 3 Điều 146 Luật Ban hành VBQPPL. | Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn đã được quy định cụ thể tại Điều 147, 148 của Luật Ban hành VBQPPL |
|  | Bộ Công thương | Hướng dẫn cụ thể, trình tự, thủ tục đối với các trường hợp VBQPPL được quy định việc thí điểm, nguyên tắc thí điểm, thời hạn thí điểm... | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ VHTTDL | Tại khoản 13 Điều 1 dự thảo Nghị định: Nên chỉnh sửa điểm a khoản 4 Điều 37 như sau: *“a) Sự cần thiết ban hành văn bản, căn cứ áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong đó phải ~~nêu rõ việc ban hành văn bản là yêu cầu khách quan, phải có ngay quy định để giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn nhằm đáp ứng yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phát triển kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước, bảo đảm quyền, lợi ích của nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân và lợi ích chung của xã hội~~* ***thuyết minh rõ các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 146 Luật”.*** | Tiếp thu một phần |
|  | HĐND tỉnh An Giang | Đề nghị điều chỉnh đoạn cuối cùng của điểm a như sau:  “a) Sự cần thiết ban hành văn bản,... quản lý nhà nước, bảo đảm quyền, lợi ích của nhà nước; ***lợi ích chung của xã hội; quyền lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân***”. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Bắc Ninh | Tại khoản này ghi: “Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 37 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như sau:“4. Văn bản đề nghị quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này phải có các nội dung chính sau đây:  a) Sự cần thiết ban hành văn bản, căn cứ áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong đó phải **nêu** rõ việc ban hành văn bản là yêu cầu khách quan, phải có ngay quy định để giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn nhằm đáp ứng yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phát triển kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước, bảo đảm quyền, lợi ích của nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân và lợi ích chung của xã hội”.  Nên sửa từ “nêu” thành “thể hiện” để hợp lý. | Dự thảo Nghị định sửa theo hướng: Căn cứ áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, *trong đó nêu cụ thể trường hợp được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Điều 146 của Luật và lý do đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 146 của Luật, phải nêu rõ vấn đề phát sinh trong thực tiễn và hậu quả có thể xảy ra nếu không ban hành kịp thời văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết vấn đề đó.* |
|  | HĐND tỉnh Vĩnh Phúc | Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 37 phù hợp với khoản 1 Điều 146 như sau:  *a) Sự cần thiết ban hành văn bản, căn cứ áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong đó phải nêu rõ việc ban hành văn bản là yêu cầu khách quan, cấp bách, cần thiết phải quy định kịp thời để giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn nhằm đáp ứng yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phát triển kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước, bảo đảm quyền, lợi ích của nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân và lợi ích chung của xã hội;* | Dự thảo Nghị định sửa theo hướng: Căn cứ áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, *trong đó nêu cụ thể trường hợp được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Điều 146 của Luật và lý do đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 146 của Luật, phải nêu rõ vấn đề phát sinh trong thực tiễn và hậu quả có thể xảy ra nếu không ban hành kịp thời văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết vấn đề đó.* |
|  | UBND tỉnh Lâm Đồng | Điểm đ khoản 4 Điều 37 có đề cập nội dung “Dự kiến cơ quan chủ trì soạn thảo và thời gian trình hoặc ban hành văn bản”, tuy nhiên đề nghị xem lại quy định này, vì thời gian ban hành sẽ phụ thuộc vào quy chế làm việc của CP, UBND theo quy định tại Điều 33 NĐ 34. | Việc quy định nội dung “Dự kiến cơ quan chủ trì soạn thảo và thời gian trình hoặc ban hành văn bản” cần quy định nhằm bảo đảm công khai, minh bạch và thuyết minh sự cần thiết ban hành văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn. |
|  | STP tỉnh Cao Bằng | Đề nghị bổ sung theo hướng quy định cụ thể điều kiện áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành VBQPPL chỉ trong các trường hợp dự thảo VBQPPL có nội dung đơn giản, không phức tạp, không liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực. Quy định như hiện nay dẫn đến dễ lạm dụng, chất lượng văn bản không được đảm bảo. | *Điều 146 Luật BHVBQPPL quy định về các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn. Điều 147 Luật BHVBQPPL quy định về thẩm quyền quyết định việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn. Do vậy việc quyết định cho phép* áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành VBQPPL trên cơ sở xem xét, nghiên cứu hồ sơ trong từng trường hợp cụ thể và do cơ quan có thẩm quyền quyết định. |
|  | HĐND tỉnh Quảng Trị | Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 37 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để quy định rõ ràng, cụ thể hơn một số yêu cầu về nội dung của văn bản đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn là cần thiết, tuy nhiên cần quy định nội dung bổ sung tại khoản này phù hợp với khoản 1 Điều 146 Luật Ban hành văn bản QPPL, cần bổ sung thêm cụm từ *“cấp bách”*; thay cụm từ *“phải có ngay quy định”* bằng cụm từ *“cần thiết phải quy định kịp thời”* vào nội dung quy định tại điểm a khoản 4 Điều 37 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP , cụ thể như sau:  *“a) Sự cần thiết ban hành văn bản, căn cứ áp dụng trình tực, thủ tục rút gọn trong đó phải nêu rõ việc ban hành văn bản là yêu cầu khách quan, cấp bách, cần thiết phải quy định kịp thời để giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn nhằm đáp ứng yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phát triển kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước, bảo đảm quyền, lợi ích của nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân và lợi ích chung của toàn xã hội.”* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Thanh Hóa, Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hoá | Tại Điều 37 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định việc quyết định áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn nhưng không quy định hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị áp dụng trình tự rút gọn trình cơ quan có thẩm quyền quyết định, nên dẫn đến có cách hiểu khác nhau. Đề nghị cần quy định cụ thể để thống nhất áp dụng. | Dự thảo Nghị định sửa đổi khoản 3 điều 37 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như sau: “4. Văn bản đề nghị quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này phải có các nội dung chính sau đây:  a) Sự cần thiết ban hành văn bản;  b) Tên văn bản;  c) Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản;  d) Nội dung chính của văn bản;  đ) Căn cứ áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn, trong đó nêu cụ thể trường hợp được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Điều 146 của Luật và lý do đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 146 của Luật, phải nêu rõ vấn đề phát sinh trong thực tiễn và hậu quả có thể xảy ra nếu không ban hành kịp thời văn bản quy phạm pháp luật để giải quyết vấn đề đó.  e) Dự kiến cơ quan chủ trì soạn thảo và thời gian trình hoặc ban hành văn bản.”. |
|  | UBND tỉnh Bến Tre | Đề nghị quy định trình tự thủ tục rút gọn trong lập đề nghị xây dựng VBQPPL. | Nội dung này quy định tại Luật ban hành VBQPPL nên phải chờ sửa Luật. |
|  | UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Khoản 4 Điều 37 đề nghị bổ sung thêm khoản, điểm có nội dung quy định về việc dự kiến số tiền thực hiện chính sách (nếu có) nhằm bảo đảm nguồn kinh phí khi văn bản được cấp có thẩm quyền thông qua. | Nội dung này đã được quy định là một trong các nội dung thẩm định. |
| **10. Về hiệu lực của VBQPPL (Khoản 14 Điều 1 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | UBND tỉnh Đăk Lăk | - Dự thảo bổ sung nội dung “*Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện việc công bố nghị quyết của Hội đồng nhân dân hết hiệu lực”*. Như vậy, theo quy định của Dự thảo thì Thường trực HĐND có thẩm quyền công bố nghị quyết quy định chi tiết của HĐND hết hiệu lực. Tuy nhiên, điểm a khoản 5 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm: “*Lập, công bố theo thẩm quyền hoặc trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp công bố danh Mục văn bản quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần theo quy định tại Khoản 2 Điều này do mình ban hành và do Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành trước ngày văn bản được quy định chi tiết hết hiệu lực”*, theo quy định này thì UBND các cấp cũng có thẩm quyền công bố nghị quyết quy định chi tiết của HĐND hết hiệu lực. Do đó, việc sửa đổi như Dự thảo sẽ không đảm bảo tính thống nhất giữa các khoản của Điều 38, gây khó khăn, vướng mắc trong áp dụng văn bản.  - Đề nghị xem xét lại nội dung “*Ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản để thay thế văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực toàn bộ quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều này”* (nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 38 tại Dự thảo) và quy định tại điểm b khoản 5 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP *“Ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành văn bản để thay thế văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực toàn bộ quy định tại điểm b và c Khoản 2 Điều này*”, vì theo quy định tại Điều 154 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 thì văn bản hết hiệu lực trong các trường hợp sau: *Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản; Được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó; Bị bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực.* Như vậy, ban hành văn bản thay thế là một trong các trường hợp làm hết hiệu lực của văn bản, chỉ thay thế đối với các văn bản còn hiệu lực nhưng nội dung không còn phù hợp; còn những văn bản đã xác định là hết hiệu lực thì không thể sửa đổi, bổ sung hay thế thế được. Do đó, việc quy định *“ban hành văn bản thay thế văn bản hết hiệu lực toàn bộ”* là không phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL, cũng như thực tiễn. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Hà Nam, HĐND tỉnh Gia Lai | Xem xét việc quy định “Thường trực HĐND cùng cấp thực hiện việc công bố nghị quyết của HĐND hết hiệu lực” tại khoản 14 Điều 1 dự thảo NĐ để thống nhất với khoản 1 Điều 157 NĐ34 (được sđ, bs bởi NĐ154)  Khoản 1 Điều 157 quy định: “…thuộc trách nhiệm rà soát của mình”  Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 NĐ 34 thì UBND tỉnh có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản do mình và HĐND cùng cấp ban hành. Do đó, thẩm quyền công bố NQ của HĐND tỉnh hết hiệu lực, ngưng hiệu lực là của Chủ tịch UBND tỉnh. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Hà Nam | Tại khoản 14 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định: “14. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 38 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như sau:  “*3.* Cơ quan đã ban hành văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực có trách nhiệm công bố danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 154 của Luật trước ngày các văn bản đó hết hiệu lực. *Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện việc công bố nghị quyết của Hội đồng nhân dân hết hiệu lực)*.”  Đề nghị sửa lại như sau cho cụ thể, chặt chẽ: “….*Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện việc công bố nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp hết hiệu lực*. ”. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND thành phố Cần Thơ | **Chỉnh lý khoản 3 Điều 38 như sau:** “*3. Cơ quan đã ban hành văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực có trách nhiệm công bố danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 154 của Luật trước ngày văn bản đó hết hiệu lực và* ***các văn bản đã hết hiệu lực nhưng chưa được công bố”.***  vì trong thực tiễn vẫn còn một số văn bản đã hết hiệu lực nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định của pháp luật. Tương tự, đề nghị điều chỉnh điểm a khoản 4 để thống nhất với nội dung bổ sung này. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Nghệ An | Tại khoản 14 Điều1dự thảo quy định: “*Cơ quan đã ban hành văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực có trách nhiệm công bố danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực.* ***Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp có thực hiện việc công bố nghị quyết của Hội đồng nhân dân hết hiệu lực****”.*  Tuy nhiên tại điểm b khoản 3 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: “*a) Ủy ban nhân dân thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do mình và Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành; phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân kiến nghị Hội đồng nhân dân xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân;*  *b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp mình ban hành”.*  Tại khoản 34 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP quy định: “*Chậm nhất là ngày 31 tháng 01 hằng năm, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, các cơ quan nhà nước khác quy định tại khoản 2a Điều 139 của Nghị định này,* ***Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ban hành văn bản hành chính công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực thuộc trách nhiệm rà soát của mình”.***  Đối với quy định tại dự thảo, đề nghị làm rõ trách nhiệm công bố các nghị quyết hết hiệu lực của Chủ tịch UBND và Thường trực Hội đồng nhân dân để địa phương thuận tiện trong triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Vĩnh Long | **-** Đề nghị thêm cụm từ “quy phạm pháp luật” sau cụm từ “văn bản”. Đề nghị bổ sung cụm từ “ Ủy ban nhân dân” sau cụm từ “ Thường trực Hội đồng nhân dân” và bổ sung cụm từ “ trên cổng thông tin của tỉnh và đăng Công báo” viết lại thành “ *Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện việc công bố Nghị quyết của Hội đồng nhân dân hết hiệu lực trên cổng thông tin của tỉnh và đăng công báo”.* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Sơn La | Đề nghị quy định rõ hình thức văn bản công bố Nghị quyết của HĐND hết hiệu lực của Thường trực HĐND cùng cấp *(nghị quyết, quyết định hay công văn)* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND TP Hồ Chí Minh | Đề nghị xem xét sự cần thiết của việc quy định Thường trực HĐND cùng cấp thực hiện việc công bố nghị quyết của HĐND hết hiệu lực. Nếu cần thiết thì đề nghị làm rõ Thường trực HĐND công bố bằng hình thức nào? Và có cần đăng tải và đưa tin VBQPPL theo quy định tại khoản 50 Điều 1 Luật năm 2020 hay không? | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | STP tỉnh Quảng Trị, HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Khoản 14 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định: “*3.* Cơ quan đã ban hành văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực có trách nhiệm công bố danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 154 của Luật trước ngày các văn bản đó hết hiệu lực. *Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện việc công bố nghị quyết của Hội đồng nhân dân hết hiệu lực.*  - Tuy nhiên, khoản 3 Điều 6 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định*:“3. Thường trực HĐND là cơ quan thường trực của HĐND, thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan,…”*; Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND trong việc công bố nghị quyết của Hội đồng nhân dân hết hiệu lực. Do đó, quy định “*Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện việc công bố nghị quyết của Hội đồng nhân dân hết hiệu lực”* tại khoản 14 Điều 1 dự thảo Nghị định trái với quy định tại khoản 3 Điều 6 và Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương(sửa đổi, bổ sung năm 2019)  - Đề nghị xem xét giao Chủ tịch UBND công bố danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 154 của Luật để đảm bảo phù hợp, thống nhất với quy định về trách nhiệm rà soát văn bản tại điểm a khoản 3 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và quy định về trách nhiệm công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực hàng năm tại khoản 1 Điều 157 Nghị định số 34/2016/ND-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Quảng Nam | Đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn xác định thế nào là văn bản quy định chi tiết; đồng thời, hướng dẫn xác định hiệu lực văn bản quy định chi tiết trong trường hợp VBQPPL hết hiệu lực theo khoản 4 Điều 154 và trường hợp bãi bỏ VBQPPL quy định chi tiết theo Điều 12 Luật BHVBQPPL.  Đề nghị quy định rõ hơn về: (1) trường hợp cần phải ban hành văn bản bãi bỏ (2) trường hợp công bố VBQPPL hết hiệu lực | Tiếp thu |
|  | HĐND tỉnh Quảng Trị | Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 38 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đề nghị bổ sung cụm từ *“và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất”,* Viết lại như sau *“Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện việc công bố nghị quyết của Hội đồng nhân dân hết hiệu lực và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất”.* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | STP tỉnh Thái Nguyên | Đề nghị điều chỉnh nội dung khoản 14 Điều 1 dự thảo để đảm bảo rõ hơn trong việc sửa đổi khoản 3 Điều 38 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như sau: “*3. Cơ quan đã ban hành văn bản quy định chi tiết trong trường hợp văn bản hết hiệu lực có trách nhiệm công bố danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 154 của Luật trước ngày các văn bản đó hết hiệu lực. Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện việc công bố nghị quyết của Hội đồng nhân dân hết hiệu lực”.*  Cùng với việc quy định như trên, đề nghị dự thảo làm rõ điều kiện để được coi là “văn bản quy định chi tiết” bởi trong hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành, việc giao quy định chi tiết có lúc không rõ ràng, theo cách hiểu khác nhau (khoản 1 Điều 11 của Luật: nội dung liên quan đến quy trình, quy chuẩn kỹ thuật và những nội dung khác cần quy định chi tiết). Từ việc thiếu rõ ràng trong xác định các văn bản là văn bản quy định chi tiết dẫn đến việc thực hiện quy định trên để công bố hết hiệu lực khi văn bản giao chi tiết hết hiệu lực nếu không được kiểm soát tốt, thực hiện thống nhất thì sẽ làm ảnh hưởng đến hiệu lực tổ chức thực hiện các QPPL. Bên cạnh đó, cần có quy định để xử lý chuyển tiếp những văn bản có trước khi Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 có tính chất như văn bản quy định chi tiết thì có được công bố hết hiệu lực khi văn bản giao quy định chi tiết hết hiệu lực. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Bình Thuận | Tại khoản 14 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định: “Thường trực HĐND cùng cấp thực hiện việc công bố Nghị quyết của HĐND hết hiệu lực.” Đề nghị xem xét bỏ nội dung này. Lý do: Nghị quyết của HĐND tỉnh, nhất là nghị quyết quy định mức chi, chính sách, phần lớn do UBND tỉnh trình và chỉ đạo các cơ quan chức năng tham mưu triển khai thực hiện khi nghị quyết được thông qua. Vì vậy, đề nghị tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành tại khoản 5 Điều 38 Nghị định số 34 và khoản 34 Điều 1 Nghị định số 154 | Tiếp thu |
|  | HĐND tỉnh Điện Biên | Đề nghị chỉnh lý như sau: “3. …Thường trực HĐND **các cấp** thực hiện việc công bố Nghị quyết của HĐND hết hiệu lực **theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cùng cấp**.” | Dự thảo đã sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 38 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như sau:  “*4.* Cơ quan đã ban hành văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực có trách nhiệm công bố danh mục văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 154 của Luật trước ngày các văn bản đó hết hiệu lực. *Đối với* *nghị quyết của Hội đồng nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thực hiện việc công bố danh mục nghị quyết hết hiệu lực do Ủy ban nhân dân cùng cấp lập và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.”.* |
| **11. Về hồ sơ dự án, dự thảo gửi thẩm định (Khoản 15 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | Bộ TNMT, Bộ NN&PTNN | Tại khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định:  Nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 42 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định *“Bản điện tử các tài liệu nêu trên là bản có dấu, có chữ ký được lưu trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp”* gây khó hiểu, khó triển khai. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ VHTTDL | Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định về việc đóng dấu (đóng dấu treo, đóng dấu chính thức) đối với các thành phần của hồ sơ dự án văn bản quy phạm pháp luật gửi thẩm định (khoản 15, khoản 19 Điều 1) nhưng chưa có quy định tương tự đối với hồ sơ lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 37 và khoản 2 Điều 87 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cơ quan chủ trì soạn thảo nên nghiên cứu, bổ sung để thống nhất về thể thức của hồ sơ gửi thẩm định. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ Giao thông vận tải | Đề nghị nghiên cứu quy định theo hướng tất cả thành phần Hồ sơ gửi Bộ Tư pháp được đóng dấu treo trên từng dự thảo văn bản, không quy định phải được ký, đóng dấu của cơ quan chủ trì soạn thảo | Tiếp thu |
|  | Bộ Công an, Bộ Công Thương | Tại khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị cân nhắc quy định: *“Bản điện tử các tài liệu nêu trên là bản có dấu, có chữ ký được lưu trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp”*, vì chưa có quy định về việc gửi bản điện tử các tài liệu qua Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và các tài liệu có nội dung thuộc thẩm bí mật nhà nước. Đồng thời, mục đích của gửi bản điện tử để nhằm hạn chế việc gửi các văn bản giấy nên nếu có quy định gửi bản điện tử thì cần phải có quy định cụ thể số lượng gửi văn bản giấy hoặc không gửi văn bản giấy. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ Công thương | Hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định thì báo cáo thẩm định là của Hội đồng tư vấn thẩm định hay tổ chức pháp chế | Luật Ban hành VBQPPL đã hướng dẫn rõ nội dung này |
|  | UBND tỉnh Lào Cai | **-** Đề nghị chỉnh lý như sau: “*1….Thành phần hồ sơ bao gồm: Tờ trình, dự thảo văn bản…”* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Yên Bái | Tại khoản 15 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm Bộ Tư pháp trong việc tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có nội dung: “*Tờ trình, Dự thảo văn bản, Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản (nếu có), Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý gửi Bộ Tư pháp thẩm định phải được đóng dấu treo của bộ, cơ quan ngang bộ.”.* Tuy nhiên, dự thảo Nghị định không sửa đổi, bổ sung trách nhiệm Sở Tư pháp trong việc tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đối với yêu cầu dự thảo Tờ trình, Dự thảo văn bản, Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản (nếu có), Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý phải được đóng dấu treo của cơ quan chủ trì soạn thảo. Do đó, đề nghị bổ sung nội dung này cho đầy đủ, bảo đảm tính đồng nhất trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật giữa Trung ương và địa phương. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Đăk Lăk | Dự thảo sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định rõ thời gian tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự án, dự thảo văn bản pháp luật gửi thẩm định theo đơn vị thời gian là *“ngày làm việc”.* Trong khi đó, Luật Ban hành văn bản QPPL quy định thời gian thẩm định theo đơn vị thời gian là “ngày” (Ví dụ: khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 quy định “*Chậm nhất là 25 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân họp, cơ quan chủ trì soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Sở Tư pháp để thẩm định”; “Báo cáo thẩm định phải được gửi đến cơ quan chủ trì soạn thảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định”).* Như vậy, việc quy định về thời gian như Dự thảo là chưa thống nhất với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL, đề nghị nghiên cứu chỉnh lý cho phù hợp, thống nhất. | Tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Câu 5. Thời hạn giải quyết của Phụ lục II), có hướng dẫn như sau: “ngày” là đơn vị chỉ thời gian (kể cả ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định), “ngày làm việc” là đơn vị chỉ thời gian làm việc của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính (không kể ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định). Do vậy quy định tại dự thảo Nghị định là phù hợp. |
|  | UBND tỉnh Bình Dương | Theo quy định hiện nay, thời hạn thẩm định là “15 ngày”; tuy nhiên, thực tế đối với trường hợp phải thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định thì thời hạn thẩm định cần phải kéo dài hơn (vì phải thực hiện các công việc đề nghị các cơ quan liên quan cử người tham gia; Giám đốc Sở Tư pháp ban hành quyết định thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định; gửi văn bản đến các thành viên trước khi họp, ...) nên hầu hết các báo cáo thẩm định mà có thành lập Hội đồng tư vấn đều trễ hạn, không đảm bảo được thời gian như quy định. Hơn nữa, cần xem xét, sửa đổi quy định thời gian thẩm định tính theo “ngày làm việc”, vì hiện tại quy định là “ngày” thì thời gian thẩm định tính luôn ngày nghỉ, ngày lễ hoặc trong trường hợp cùng một thời điểm nhận nhiều thẩm định thì cũng không đảm bảo đủ thời gian để thẩm định. Do vậy, để đảm bảo thời gian thẩm định, đề nghị sửa đổi theo hướng đối với dự thảo văn bản mà phải thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định thì quy định dài hơn và tính theo ngày làm việc. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
| **12. Về TĐ văn bản do Sở Tư pháp thực hiện (Khoản 16, 17, 18 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | UBND tỉnh Bến tre | Khoản 16: đề nghị quy định hình thức trả hồ sơ của Sở Tư pháp (trao đổi qua điện thoại hay bằng văn bản) | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ Công an | Tại khoản 17 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị cân nhắc việc thành lập: *“Hội đồng thẩm định”,* vì theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức họp tư vấn thẩm định, thành lập *“Hội đồng tư vấn thẩm định”.* | Việc quy định Hội đồng thẩm định là để phù hợp với Điều 130 của Luật BHVBQPPL |
|  | Bộ TNMT | Tại khoản 18 Điều 1 dự thảo Nghị định: Về khoản 2 Điều 51 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị cân nhắc quy định thời gian tối thiểu để chuyển hồ sơ đến thành viên Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định là 05 ngày làm việc, trước ngày tổ chức cuộc họp. | Dự thảo Nghị định sửa đổi điều 51 Nghị định như sau “Điều 51. Cuộc họp của Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định  1. Cuộc họp của Hội đồng được tiến hành khi có quá nửa tổng số thành viên tham dự.  2. Sở Tư pháp có trách nhiệm chuyển hồ sơ dự thảo văn bản gửi thẩm định đến các thành viên Hội đồng trước ngày tổ chức cuộc họp.  3. Cuộc họp của Hội đồng được tiến hành theo trình tự sau:  a) Đại diện cơ quan chủ trì soạn thảo trình bày những nội dung cơ bản của dự thảo văn bản;  b) Thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến thẩm định về các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 121 và khoản 3 Điều 130 của Luật và những vấn đề khác liên quan đến nội dung dự thảo văn bản. Trước khi thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến thẩm định, Thư ký Hội đồng đọc ý kiến thẩm định bằng văn bản của thành viên Hội đồng vắng mặt;  c) Đại diện cơ quan chủ trì soạn thảo giải trình về những vấn đề có liên quan đến nội dung dự thảo văn bản theo đề nghị của thành viên Hội đồng;  d) Chủ tịch Hội đồng kết luận về các nội dung đã thẩm định và nêu rõ ý kiến kết luận về việc dự thảo văn bản đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  4. Thư ký Hội đồng có trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp, trình Chủ tịch Hội đồng ký Báo cáo thẩm định.”. |
|  | HĐND thành phố Cần Thơ | **-** Tại khoản 4 đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành: “4. Thư ký Hội đồng tư vấn thẩm định có trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng ký”. Quy định như dự thảo là chưa phù hợp. “4. Thư ký Hội đồng tư vấn thẩm định có trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng ký **Báo cáo thẩm định”.** Vì, theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL (Điều 115, 121) thì việc thẩm định văn bản là trách nhiệm của Sở Tư pháp, không phải của Hội đồng thẩm định cho nên báo cáo phải do Sở Tư pháp ký ban hành. | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Lào Cai | Đề nghị chỉnh sửa cho đầy đủ như sau: *“Sửa đổi, bổ sung Điều 50 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản* ***12 Điều 1*** *Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau”.* | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Nghệ An, UBND tỉnh Đồng Nai | Tại điểm b khoản 16 Điều 1 (nội dung bổ sung khoản 7 vào Điều 49), đề nghị bổ sung làm rõ trường hợp cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung hồ sơ thẩm định sau thời hạn yêu cầu (sau 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp) thì xử lý như thế nào để thuận lợi cho việc thực hiện khi dự thảo Nghị định được ban hành.  Đồng thời, đề nghị bổ sung nội dung điều khoản quy định về hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định trong trường hợp không tổ chức họp có thể lấy ý kiến bằng văn bản để rút ngắn thời gian ban hành văn bản đối với các VBQPPL do Sở Tư pháp ban hành theo hình thức bãi bỏ hoặc đối với VBQPPL đơn giản. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | STP tỉnh Nam Định | khoản 17:  Tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Nghị định, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan soạn thảo quy định “nếu có” đối với các thành viên Hội đồng là các chuyên gia, nhà khoa học cho phù hợp với điều kiện thực tế tại các địa phương như Nam Định, Thái Bình… | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Đăk Lăk | Tại khoản 17 Điều 1 Dự thảo (Sửa đổi, bổ sung Điều 50 Nghị định 34/2016/NĐ-CP)  Dự thảo bổ sung nội dung về “Hội đồng thẩm định”. Tuy nhiên, ngoài nội dung “Thành lập Hội đồng thẩm định đối với dự thảo quyết định liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật”, thì Hội đồng thẩm định không khác bất cứ điểm nào so với Hội đồng tư vấn thẩm định (thành phần, hoạt động của Hội đồng thẩm định đều giống với Hội đồng tư vấn thẩm định). Bên cạnh đó, Luật Ban hành văn bản QPPL chỉ quy định về việc thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định, không có Hội đồng thẩm định. Do đó, đề nghị nghiên cứu, cân nhắc lại sự phù hợp và cần thiết của nội dung này để chỉnh lý cho phù hợp, thống nhất, giúp quá trình triển khai áp dụng Nghị định được thuận lợi. | Điều 130 Luật Ban hành VBQPPL quy định thành lập Hội đồng thẩm định, do vậy dự thảo Nghị định sửa đổi là phù hợp với Luật Ban hành VBQPPL |
|  | UBND tỉnh Nghệ An | Tại khoản 17 Điều 1sửa đổi Điều 50 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định thành lập Hội đồng thẩm định:  Tại khoản 40 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy QPPL năm 2020 quy định: *“1. Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo quyết định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.*  *Đối với dự thảo quyết định liên quan đến nhiều lĩnh vực hoặc do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo thì Giám đốc Sở Tư pháp thành lập hội đồng thẩm định, bao gồm đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học”.*  Trên cơ sở pháp luật nêu trên, đề nghị làm rõ trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định thì báo cáo thẩm định là báo cáo của Giám đốc Sở Tư pháp hay Chủ tịch Hội đồng thẩm định ký ban hành. | Khoản 4 Điều 130 Luật BHVBQPPL quy định “Báo cáo thẩm định phải thể hiện rõ ý kiến của **cơ quan thẩm định** về nội dung thẩm định quy định tại khoản 3 Điều này và ý kiến về việc dự thảo quyết định đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân”. Cơ quan thẩm định đối với quyết định của UBND cấp tỉnh là Sở Tư pháp, do vậy, Luật BHVBQPPLđã quy định báo cáo thẩm định là báo cáo của Giám đốc Sở Tư pháp. |
|  | UBND tỉnh Lai Châu, UBND tỉnh Đắk Lắk | Tại khoản 17 Điều 1 dự thảo Nghị định:  Việc quy định như dự thảo thì thành phần Sở Tư pháp tham gia Hội đồng sẽ luôn luôn không được ít hơn 02 người (gồm Chủ tịch và thư ký), trong khi đó lại quy định đại diện Sở Tư pháp không quá 1/3 tổng số thành viên Hội đồng nên dẫn tới Hội đồng sẽ luôn luôn không được ít hơn 07 người? Quy định này chỉ phù hợp đối với các trường hợp dự thảo Nghị quyết, dự thảo Quyết định có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, còn đối với trường hợp dự thảo văn bản do Sở Tư pháp soạn thảo có nội dung đơn giản nhưng vẫn phải thực hiện theo nguyên tắc trên sẽ phát sinh nhiều bất cập trong quá trình thực hiện trên thực tế vì thừa, không cần thiết. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa nội dung này theo hướng mở hơn cho phù hợp với tình hình thực tiễn. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Vĩnh Long | **-** Đề nghị quy định riêng 01 Điều về thời gian cụ thể của quá trình lập thông qua văn bản quy phạm pháp luật của cấp tỉnh |  |
|  | UBND tỉnh Vĩnh Long | **-** Tại nội dung điểm a khoản này quy định Sở Tư pháp có trách nhiệm “Tổ chức họp tư vấn thẩm định”. Tuy nhiên, tại nội dung điểm này thể hiện thì STP có trách nhiệm thành lập 02 hội đồng (HĐTVTĐ và HĐTĐ). Do đó, việc quy định chỉ tổ chức họp tư vấn thẩm định (được hiểu là họp HĐTVTĐ) là chưa đầy đủ. Đề nghị nghiên cứu, điều chỉnh. | Tổ chức họp tư vấn thẩm định được hiểu là tổ chức họp trong trường hợp không thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định và Hội đồng thẩm định |
|  | STP tỉnh Sơn La | Tại điểm b khoản 16 Điều 1 Dự thảo Nghị định, STP đề nghị chỉnh sửa theo hướng *“7. Sở Tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật gửi thẩm định. Trường hợp hồ sơ dự thảo gửi thẩm định không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 121, khoản 2 Điều 130 của Luật, thì chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung hồ sơ.* ***Trường hợp không đảm bảo thực hiện quy trình xây dựng văn bản theo quy định của Luật, thì chậm nhất là 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tư pháp trả lại hồ sơ để cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đúng quy trình xây dựng văn bản.***  *Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bổ sung hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Thời điểm thẩm định được tính từ ngày Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ.”.*  Lý do: Hiện nay đối với dự thảo do các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh soạn thảo, một số dự thảo chưa đảm bảo về quy trình xây dựng văn bản QPPL theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL (chưa xin ý kiến đối với đối tượng tác động trực tiếp của văn bản, đăng tải thời gian chưa đảm bảo theo quy định tại tại khoản 1 Điều 113, khoản 2 Điều 120 Luật ban hành văn bản QPPL), hoặc một số nội dung cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan được lấy ý kiến (đối tượng tác động trực tiếp của văn bản) chưa thống nhất về nội dung…., nhưng cơ quan chủ trì soạn thảo vẫn trình cơ quan Tư pháp để thẩm định. Do đó, đối với các nội dung như trên thì Sở Tư pháp trả lại hồ sơ để đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục hoàn thiện hồ sơ để gửi thẩm định theo đúng quy định. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Sóc Trăng | Điểm b Khoản 16 Điều 1, dự thảo nêu “STP đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung hồ sơ”, tuy nhiên chưa quy định đề nghị thông qua hình thức nào. Đề nghị bổ sung hình thức đề nghị cho phù hợp.  Thời hạn 03 ngày làm việc, trong một số TH thời hạn này không thể thực hiện được, đề nghị tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | STP tỉnh Quảng Trị | Khoản 17 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định: “*2. Hội đồng gồm Chủ tịch là lãnh đạo Sở Tư pháp, Thư ký là đại diện Sở Tư pháp và các thành viên là đại diện các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức khác có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học. Tổng số thành viên của Hội đồng do Giám đốc Sở Tư pháp quyết định. Đối với trường hợp thẩm định dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo thì* ***đại diện Sở Tư pháp không quá 1/3 tổng số thành viên Hội đồng***.”.  Theo quy định trên đây thì đối với trường hợp thẩm định dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo thì đại diện Sở Tư pháp không quá 1/3 tổng số thành viên Hội đồng. Đề nghị xem xét lại quy định này vì trong nhiều trường hợp sẽ không đảm bảo tỷ lệ không quá 1/3 đại diện Sở Tư pháp tham gia Hội đồng trên tổng số thành viên Hội đồng. Ví dụ như trường hợp thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức chi cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL. Trường hợp này thành phần Hội đồng sẽ có đại diện Văn phòng UBND tỉnh, đại diện Sở Tài chính, Lãnh đạo Sở Tư pháp làm Chủ tịch Hội đồng, đại diện Sở Tư pháp là thư ký Hội đồng, theo đó, đại diện Sở Tư pháp chiếm 2/4 tổng số thành viên Hội đồng. Do vậy, đề nghị xem xét quy định về tỷ lệ đại diện Sở Tư pháp tham gia Hội đồng trên tổng số thành viên Hội đồng tại khoản 17 Điều 1 dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | STP tỉnh Cao Bằng | Khoản 17, đề nghị quy định chung về Hội đồng tư vấn thẩm định (thay cho Hội đồng thẩm định) cho các VBQPPL để thống nhất trong quá trình thực hiện. | Điều 130 Luật BHVBQPPL quy định về Thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do Hội đồng thẩm định thực hiện |
|  | UBND tỉnh Lai Châu | Tại khoản 18 Điều 1 của dự thảo Nghị định dự kiến sửa đổi, bổ sung Điều 51 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, theo đó khoản 4 Điều 51 có nội dung *“Thư ký Hội đồng có trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp, trình Chủ tịch Hội đồng ký Báo cáo thẩm định”*. Việc quy định Chủ tịch Hội đồng ký Báo cáo thẩm định như dự thảo là không phù hợp vì nếu quy định như vậy thì ***sẽ có 02 Báo cáo thẩm định***, gồm Báo cáo thẩm định của Chủ tịch Hội đồng và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp (theo Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP). Bên cạnh đó, theo  quy định tại***Điều 121, Điều 130 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Báo cáo thẩm định là do Sở Tư pháp ký chứ không phải do Chủ tịch Hội đồng ký***. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát, chỉnh sửa nội dung này cho đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật | Điều 50 Nghị định số 34/2016/NĐ-CPquy định Hội đồng gồm Chủ tịch là lãnh đạo Sở Tư pháp, Thư ký là đại diện Sở Tư pháp và các thành viên … như vậy việc quy định Chủ tịch Hội đồng ký Báo cáo thẩm định là phù hợp với quy định của Luật BHVBQPPL và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. |
|  | UBND tỉnh Quảng Bình | Đề nghị sửa đổi quy định “Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bổ sung hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị” theo hướng kéo dài thời gian bổ sung hồ sơ, vì có những tài liệu cơ quan soạn thảo không thể hoàn thiện trong vòng 03 ngày làm việc | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
| **13. Về trình bày văn bản (Khoản 19 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | Bộ TNMT | Tại khoản 19 Điều 1 dự thảo Nghị định:  Đề nghị nghiên cứu làm rõ nội dung sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 64 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “*2. Đối với văn bản ban hành kèm theo văn bản khác, thì văn bản được ban hành kèm theo phải được đóng dấu treo của cơ quan ban hành văn bản.”*. Nếu theo quy định này thì văn bản ban hành kèm theo văn bản khác có cần phải có chữ ký của người có thẩm quyền ở cuối văn bản kèm theo nữa không, hay không cần ký mà chỉ cần có dấu treo là được? | Dự thảo Nghị định quy định “*2. Đối với văn bản ban hành kèm theo văn bản khác, thì văn bản được ban hành kèm theo phải được đóng dấu treo của cơ quan ban hành văn bản.”* là đã rõ ràng. |
|  | UBND tỉnh Lào Cai | **-** Khoản 19 Điều 1 dự thảo (Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 64 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) quy định: *“2. Đối với văn bản ban hành kèm theo văn bản khác, thì văn bản được ban hành kèm theo phải được đóng dấu treo của cơ quan ban hành văn bản.”* Tuy nhiên, tên Điều 64 quy định về “*Trình bày phần kết thúc văn bản”,* việc quy định như trên là chưa thống nhất giữa tên điều và nội dung của điều. Do đó, đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa để đảm bảo chính xác, thống nhất. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Vĩnh Long | **-** Đề nghị thêm cụm từ “*phía trên bên góc trái văn bản”* sau cụm từ “*đóng dấu treo”.* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Quảng Bình | Về quy định liên quan đến Hội đồng tư vấn thẩm định do Sở Tư pháp thành lập: Đề nghị quy định rõ hơn chủ thể ban hành báo cáo thẩm định trong trường hợp dự thảo VBQPPL do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo là Hội đồng tư vấn thẩm định hay Sở Tư pháp | Theo quy định tại Điều 115, 121 của Luật Ban hành VBQPPL thì việc thẩm định văn bản là trách nhiệm của Sở Tư pháp, không phải của Hội đồng thẩm định cho nên báo cáo thẩm định phải do Sở Tư pháp ký ban hành. |
| **14. Về kỹ thuật viện dẫn văn bản (Khoản 20 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | Bộ Công an | Đề nghị bổ sung nội dung viện dẫn đối với văn bản sửa đổi, bổ sung và văn bản được sửa đổi, bổ sung cho thống nhất trong áp dụng. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ VHTTDL | Cần bổ sung vào Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định về cách dẫn chiếu điểm, khoản, điều đã được sửa đổi, bổ sung bởi một hoặc nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhằm bảo đảm thống nhất trong việc viện dẫn cũng như trong việc soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung các quy định đã được sửa đổi, bổ sung bởi một hoặc nhiều văn bản trước đó | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Lào Cai | **-** Đề nghị chỉnh sửa như sau: “*Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 75 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi* ***khoản 16 Điều 1***  *Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau:”* | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Vĩnh Long | **-** Đề nghị xem xét điều chỉnh việc xây dựng quy định: khi viện dẫn lần đầu luật, pháp lệnh phải ghi *số kí hiệu văn bản,* vì theo các biểu mẫu văn bản QPPL tại Phụ lục I kèm theo NĐ số 154/2020/NĐ-CP, thì cách trình bày *luật, pháp lệnh* trong phần căn cứ pháp lý cũng không phải ghi *số kí hiệu văn bản.* | Đối với viện dẫn Luật, pháp lệnh được quy định tại Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội , Chủ tịch nước do vậy dự thảo Nghị định phải quy định phù hợp với Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 |
|  | HĐND tỉnh Hải Dương | Đề nghị sửa khoản 20 Điều 1 của Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau: “1. Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó” cho phù hợp, thống nhất với điểm 6a Phụ lục I của Nghị định số 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư: “Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy định thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và các văn bản quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản. Căn cứ ban hành văn bản được ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng năm ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (riêng Luật, Pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành)”. | Đối với viện dẫn Luật, pháp lệnh được quy định tại Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội , Chủ tịch nước do vậy dự thảo Nghị định phải quy định phù hợp với Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 |
|  | HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Đề nghị chỉnh lý như sau: “Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ***chỉ***ghi tên loại *và* tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ***chỉ*** ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản.”. | Đối với viện dẫn Luật, pháp lệnh được quy định tại Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội , Chủ tịch nước do vậy dự thảo Nghị định phải quy định phù hợp với Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 |
|  | HĐND tỉnh Gia Lai | Tại khoản 20 Điều 1, đề nghị xem xét sửa nội dung “ Khi viện dẫn lần đầu luật, pháp lệnh phải ghi tên loại, tên gọi của văn bản và **số, ký hiệu văn bản;”** thành “Khi viện dẫn lần đầu luật, pháp lệnh phải ghi tên loại, tên gọi của văn bản **và ngày, tháng, năm ban hành văn bản;”** nhằm bảo đảm thống nhất với thể thức, kỹ thuật trình bày phần căn cứ ban hành văn bản được quy định tại các mẫu văn bản quy phạm pháp luật | Đối với viện dẫn Luật, pháp lệnh được quy định tại Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội , Chủ tịch nước do vậy dự thảo Nghị định phải quy định phù hợp với Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 |
| **15. Kiểm tra, xử lý VBQPPL (Khoản 21, 22, 23, 24, 25, 26 dự thảo nghị định)** | | | |
| **15.1. Kiểm tra, xử lý VBQPPL (Khoản 21 Điều 1 dự thảo Nghị định)** | | | |
|  | Bộ Xây dựng, Bộ NN&PTNN, STP tỉnh Thanh Hoá, UBND tỉnh Lai Châu, UBND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu | Khoản 21 Điều 1 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 103 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định *“văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật…”* để thể hiện rõ đối tượng văn bản được kiểm tra theo quy định tại Điều 165, Điều 166 và Điều 167 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, để xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật hay không thì cần thực hiện thông qua việc “kiểm tra”. Do vậy, đề nghị làm rõ bước xác định văn bản được kiểm tra (văn bản có dấu hiệu trái pháp luật) và thẩm quyền, trình tự thực hiện của bước này. | - Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật).  - Trên thực tế, khi văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, cơ quan có thẩm quyền sẽ yêu cầu, chỉ đạo việc kiểm tra.  Ngoài ra, việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mới thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL. |
|  | UBND tỉnh Đăk Lăk | Tại khoản 21 (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 103 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP): Dự thảo quy định “*Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật”* là không phù hợp, thiếu thống nhất, vì nếu quy định như dự thảo thì chỉ thực hiện kiểm tra đối với các văn bản sau khi xác định có dấu hiệu trái pháp luật. Tuy nhiên, tại khoản 22 Dự thảo quy định về căn cứ thực hiện tự kiểm tra là “ngay sau khi văn bản được ban hành” hoặc kiểm tra văn bản theo địa bàn, chuyên đề, lĩnh vực. Như vậy, văn bản được kiểm tra không chỉ là các văn bản sau khi xác định có dấu hiệu trái pháp luật, mà cả những văn bản chưa xác định có dấu hiệu trái pháp luật cũng được tiến hành kiểm tra. | Đã tiếp thu, nghiên cứu, điều chỉnh tại Dự thảo. |
|  | HĐND tỉnh Cao Bằng | việc quy định cần có dấu hiệu trái pháp luật tại khoản 21, Điều 1 của dự thảo Nghị định là chưa phù hợp, mâu thuẫn với các quy định của Nghị định 34/2016/NĐ-CP vẫn còn hiệu lực; đồng thời có thể gây ra những bất cập khi thi hành trên thực tế khi có nguy cơ bỏ lọt các văn bản trái pháp luật vì không được kiểm tra, rà soát tổng thể, thường xuyên. | - Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản PQPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật).  - Cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản chủ động kiểm soát chất lượng văn bản sau khi ban hành và kịp thời tự kiểm tra, xử lý nếu thấy có dấu hiệu trái pháp luật. |
|  | Bộ TNMT | Tại khoản 21 Điều 1 dự thảo Nghị định:  Về sửa đổi khoản 1 Điều 103 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị chỉnh sửa là: “1. Văn bản được kiểm tra là các văn bản được xác định có dấu hiệu trái pháp luật, gồm: Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ…” | Tiếp thu một phần. Đã chỉnh lý tại phần giải thích từ ngữ tại khoản 4 Điều 2. |
|  | UBND tỉnh Sóc Trăng | Khoản 21 nêu “1. VB được kiểm tra là các VB sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật, gồm ...”. Quy định này chưa thống nhất với căn cứ thực hiện kiểm tra tại khoản 22 Điều 1 DT NĐ. Theo quy định tại khoản 2 v 3 Điều 106 dự thảo thì văn bản tự kiểm tra và văn bản kiểm tra theo thẩm quyền ngoài TH kiểm tra khi có dấu hiệu trái pháp luật thì còn kiểm tra khi :VB được ban hành”, “Khi có yêu cầu, chỉ đạo...”. Để đảm bảo tính thống nhất đề nghị giữ nguyên tên khoản 1 Điều 103. | - Đã nghiên cứu, bổ sung cho thống nhất. |
|  | HĐND tỉnh Bắc Ninh | Việc quy định cần có dấu hiệu trái pháp luật tại khoản 21 Điều 1 là chưa phù hợp với các quy định của NĐ 34 (khoản 4 Điều 2, Điều 111, khoản 2 Điều 116). | Tiếp thu. Đã nghiên cứu, chỉnh lý thống nhất. |
|  | Bộ VHTTDL, Bộ Công an | (1) Tại khoản 21, khoản 22 Điều 1 dự thảo Nghị định: Việc chỉnh sửa các quy định trên theo hướng “Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật” là chưa hợp lý và trái Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị giữ nguyên như quy định hiện hành vì những lý do sau:  + Thứ nhất, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “Chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày công bố luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội hoặc ký chứng thực, ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật khác, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm gửi văn bản đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 164 của Luật này để giám sát, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 165, khoản 1 Điều 166 hoặc khoản 1 Điều 167 của Luật này để kiểm tra” (Điều 13). Như vậy, việc kiểm tra được thực hiện với tất cả các văn bản quy phạm pháp luật ngay sau khi được ban hành, không chỉ giới hạn ở văn bản có dấu hiệu trái pháp luật. Mặt khác, Điều 165, Điều 166, Điều 167 sử dụng cụm từ “Kiểm tra văn bản” và “Xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật”; không có quy định về “kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật”.  + Thứ hai, văn bản có dấu hiệu trái pháp luật được phát hiện trong quá trình cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thực hiện công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (nếu chỉ căn cứ vào việc phân loại văn bản thì khó phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật). Khi phát hiện có dấu hiệu trái pháp luật thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thực hiện việc xử lý theo quy định (làm việc với các cơ quan, đơn vị có liên quan để kết luận về dấu hiệu trái pháp luật; xử lý khi có kết luận văn bản trái pháp luật). Như vậy, việc kiểm tra để phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật phải được coi là một hoạt động trong quy trình kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.  + Thứ ba, nếu chỉnh sửa như dự thảo thì quy định “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt tự kiểm tra văn bản do mình ban hành hoặc liên tịch ban hành ngay sau khi văn bản được ban hành” (khoản 1 Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; điểm a khoản 2 Điều 106 dự kiến được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 dự thảo Nghị định) không còn ý nghĩa vì việc tự kiểm tra chỉ thực hiện khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, không bắt buộc phải kiểm tra tất cả các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.  (2) Theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, các văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật phải được xử lý theo hình thức đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật, tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định về hệ quả pháp lý sau khi các văn bản quy phạm pháp luật được xử lý. Do vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo cần nghiên cứu, bổ sung quy định nhằm làm rõ giá trị pháp lý của những quan hệ phát sinh hoặc đã được điều chỉnh bởi quy định trái pháp luật trước khi bị xử lý (đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ). | Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản PQPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật). Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mới thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL.  Về xử lý trách nhiệm và khắc phục hậu quả đã được quy định tại Nghị định. |
|  | UBND tỉnh Bắc Ninh | Tại điều khoản này ghi “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 103 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau:  “1. Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật, gồm: (…)”  Dự thảo Tờ trình dự thảo Nghị định ghi là “Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau khi xác định có dấu hiệu trái pháp luật”. Đề nghị sửa khoản 21 Điều 1 dự thảo Nghị định (trích trên đây) đúng như trong dự thảo Tờ trình (“văn bản sau khi xác định”) cho rõ nghĩa, chính xác và thống nhất.  Mặt khác, đề nghị quy định rõ để thực hiện điều khoản trên vì những lý do sau:  - Điều 167 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định: “Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành; (...) Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành trái pháp luật thì Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có trách nhiệm tự mình bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản”.  Như vậy trong trường hợp trên, phải tiến hành tự kiểm tra thì mới phát hiện được một văn bản có dấu hiệu trái pháp luật. Điều này mâu thuẫn với quy định “Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau khi xác định có dấu hiệu trái pháp luật”.  - Mặt khác, nếu xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật mới kiểm tra thì cần phải quy định cụ thể cơ quan hay tổ chức, cá nhân nào có thẩm quyền xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật để từ đó tiến hành kiểm tra.  Từ những lý do trên, đề nghị cơ quan soạn thảo có quy định cụ thể hướng dẫn về vấn đề trên hoặc giữ nguyên như Điều 103 Nghị định 34/2016/NĐ-CP để thuận tiện trong việc thực hiện kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật. | - Tiếp thu một phần. Chỉnh lý tại khoản 4 Điều 2. Đồng thời, chỉnh lý căn cứ thực hiện kiểm tra văn bản tại Điều 106.  - Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật). Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng.  - Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mới thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL. |
|  |  | Theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị định 34/2016/NĐ-CP thì việc kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật là *“việc xem xét, đánh giá, kết luận về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật được kiểm tra và xử lý văn bản trái pháp luật”.* Tuy nhiên, tại khoản 21 Điều 1 của dự thảo Nghị định đã sửa đổi khoản 1, Điều 103 của Nghị định 34 như sau: “*Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật”*. Như vậy, theo quy định mới được hiểu là việc kiểm tra văn bản chỉ được tiến hành đối với các văn bản đã xác định được có dấu hiệu trái pháp luật.  Nhưng tại khoản 22 Điều 1 của dự thảo Nghị định quy định: *“Phương thức kiểm tra văn bản gồm: Tự kiểm tra văn bản và kiểm tra văn bản theo thẩm quyền”*, trong đó, việc tự kiểm tra được quy định là trách nhiệm của cơ quan ban hành văn bản đối với mọi văn bản do mình ban hành hoặc liên tịch ban hành ngay sau khi ban hành hoặc nhận được yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân *(quy định tại Điều 111 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, không được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định)*; đồng thời, một trong những căn cứ để thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền là: *“Khi tổ chức kiểm tra văn bản theo địa bàn tại cơ quan ban hành văn bản, chuyên đề, ngành, lĩnh vực”*, trong đó, việc kiểm tra theo chuyên đề, ngành, lĩnh vực là nghiệp vụ kiểm tra thường xuyên, theo kế hoạch của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt, không cần căn cứ vào dấu hiệu trái pháp luật *(theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, không được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định)*. Như vậy, việc quy định cần có dấu hiệu trái pháp luật tại khoản 21 Điều 1 của dự thảo Nghị định là chưa phù hợp, mâu thuẫn với các quy định của Nghị định 34/2016/NĐ-CP vẫn còn hiệu lực; đồng thời có thể gây ra những bất cập khi thi hành trên thực tế khi có nguy cơ bỏ lọt các văn bản trái pháp luật vì không được kiểm tra, rà soát tổng thể, thường xuyên. | Tiếp thu. |
|  | UBND TP Hải Phòng, UBND TP Đà Nẵng | Khoản 21 Điều 1 chưa thực sự hợp lý vì để xác định dấu hiệu trái pháp luật hay không thì cần phải tiến hành kiểm tra VB. Đồng thời, theo quy định tại khoản 2 Điều 103 thì VB được xử lý sau kiểm tra không chỉ có văn bản trái pháp luật và cũng không thống nhất với quy định tại khoản 22 Điều 1 dự thảo NĐ về phương thức và căn cứ thực hiện kiểm tra VB. Đề nghị chỉnh lý. | - Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản PQPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật).  Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mới thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL. |
|  | UBND tỉnh Lào Cai | - Đề nghị chỉnh sửa như sau: “Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 103 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 17 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau:” | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Lào Cai | - Đề nghị chỉnh sửa như sau: “ Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 113 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 22 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau:” | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Vĩnh Long, UBND tỉnh Kiên Giang | **-** Tên khoản 1 Điều 103 của NĐ số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung thành “ Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật gồm” là chưa phù hợp vì để xác định văn bản trái pháp luật hay không thì phải qua giai đoạn kiểm tra mới có thể khẳng định, đồng thời nhận thấy việc điều chỉnh như trên là chưa có sự thống nhất trong nội dung dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung. Cụ thể là, tại khoản 24, khoản 26 Điều 1 của dự thảo NĐ sửa đổi, bổ sung đều gọi văn bản được kiểm tra là “ đối tượng kiểm tra”. Do đó, để đảm bảo tính thông nhất đề nghị điều chỉnh tên của khoản 1 Điều 103 của NĐ số 34/2016/NĐ-CP thành “ Văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, gồm:” | - Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật).  Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mới thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL. |
|  | HĐND tỉnh Hòa Bình; HĐND tỉnh Phú Thọ; HĐND tỉnh Nghệ An  UBND tỉnh Hòa Bình;  Cục BTNN, Bộ Tư pháp | (1) Khoản 21 Điều 1 của Dự thảo quy định như sau: *“Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật”*. Như vậy, theo quy định mới thì việc kiểm tra văn bản chỉ được tiến hành đối với các văn bản đã xác định được có dấu hiệu trái pháp luật.  Tuy nhiên, khoản 22 Điều 1 của Dự thảo quy định: *“Phương thức kiểm tra văn bản gồm: Tự kiểm tra văn bản và kiểm tra văn bản theo thẩm quyền”,* trong đó, việc tự kiếm tra được quy định là trách nhiệm của cơ quan ban hành văn bản đối với mọi văn bản do mình ban hành hoặc liên tịch ban hành ngay sau khi ban hành hoặc nhận được yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân *(quy định tại Điều 111 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, không được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định);* đồng thời một trong những căn cứ để thực hiện kiêm tra văn bản theo thẩm quyền là: *“Khi tổ chức kiểm tra văn bản theo địa bàn tại cơ quan ban hành văn bản, chuyên đề, ngành, lĩnh vực”,* trong đó, việc kiểm tra theo chuyên đề, ngành, lĩnh vực là nghiệp vụ kiểm tra thường xuyên, theo kế hoạch của Bộ trưởng, Thủ trường cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt, không cần căn cứ vào dấu hiệu trái pháp luật *(theo quy định tại khoản 2 Điều 116 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, không được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định).* Như vậy, việc quy định cần có dấu hiệu trái pháp luật tại khoản 21 Điều 1 của dự thảo Nghị định là chưa phù hơp, mâu thuẫn với các quy định của NĐ 34/2016/NĐ-CP vẫn còn hiệu lực; đồng thời gây ra những bất cập khi thi hành trên thực tế khi có nguy cơ bỏ lọt các văn bản trái pháp luật vì không được kiểm tra, rà soát tổng thể, thường xuyên. | - Tiếp thu 1 phần. Chỉnh lý Điều 106.  - Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật). Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng.  Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mới thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL. |
|  | HĐND tỉnh Quảng Trị | Khoản 21 Điều 1 của Dự thảo Nghị định đã sửa đổi khoản 1, Điều 103 của Nghị định 34 như sau: “Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật”. Theo quy định mới thì việc kiểm tra văn bản chỉ được tiến hành đối với các văn bản đã xác định được có dấu hiệu trái pháp luật.  Trong khi đó tại khoản 22 Điều 1 của Dự thảo Nghị định quy định: “Phương thức kiểm tra văn bản gồm: Tự kiểm tra văn bản và kiểm tra văn bản theo thẩm quyền”, trong đó, việc tự kiểm tra được quy định là trách nhiệm của cơ quan ban hành văn bản đối với mọi văn bản do mình ban hành hoặc liên tịch ban hành ngay sau khi ban hành hoặc nhận được yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân (quy định tại Điều 111 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, không được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định); đồng thời, một trong những căn cứ để thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền là: “Khi tổ chức kiểm tra văn bản theo địa bàn tại cơ quan ban hành văn bản, chuyên đề, ngành, lĩnh vực”, trong đó, việc kiểm tra theo chuyên đề, ngành, lĩnh vực là nghiệp vụ kiểm tra thường xuyên, theo kế hoạch của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt, không cần căn cứ vào dấu hiệu trái pháp luật (theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, không được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định). Như vậy, việc quy định cần có dấu hiệu trái pháp luật tại khoản 21 Điều 1 của dự thảo Nghị định là chưa phù hợp, mâu thuẫn với các quy định của Nghị định 34/2016/NĐ-CP vẫn còn hiệu lực; đồng thời có thể gây ra những bất cập khi thi hành trên thực tế khi có nguy cơ bỏ lọt các văn bản trái pháp luật vì không được kiểm tra, rà soát tổng thể, thường xuyên. | - Tiếp thu 1 phần. Chỉnh lý Điều 106.  - Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật). Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản sau khi văn bản được ban hành căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng.  Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mới thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL. |
|  | HĐND tỉnh Thanh Hoá | Tại khoản 21 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định “Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật” là không hợp lý. Lý do: Việc xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật cũng có thể thông qua hoạt động kiểm tra mới phát hiện | Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật).  Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mới thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL. |
|  | STP tỉnh Tiền Giang, UBND tỉnh Kiên Giang | - Tại khoản 21 Điều 1 của dự thảo Nghị định quy định: Văn bản được kiểm tra là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật, gồm…”. Đề nghị bỏ cụm từ “là các văn bản sau xác định có dấu hiệu trái pháp luật” vì chỉ sau khi thực hiện kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền mới xác định được văn bản có dấu hiệu trái pháp luật hay không. | Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản PQPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật).  Việc kiểm soát, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mới thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL. |
| **15.2. Kiểm tra, xử lý VBQPPL (Khoản 22 Điều 1 dự thảo Nghị định)** | | | |
|  | Bộ Công an | Tại khoản 22 Điều 1 dự thảo Nghị định:  - Đề nghị làm rõ quy định căn cứ thực hiện tự kiểm tra là *“ngay sau khi được ban hành”*, vì có những văn bản sau khi ban hành, cơ quan chủ trì soạn thảo không gửi đến cơ quan có thẩm quyền kiểm tra hoặc biết được qua phương tiện thông tin đại chúng thì việc quy định như dự thảo Nghị định mang tính định tính, khó thực hiện.  - Đề nghị làm rõ quy định về tiếp nhận, phân loại văn bản thuộc đối tượng kiểm tra. Theo đó, cần quy định việc tiếp nhận văn bản bằng các phương thức nào, có cần phải là văn bản do cơ quan soạn thảo gửi đến hay không? | Đã nghiên cứu, chỉnh lý căn cứ kiểm tra văn bản tại Điều 106. |
|  | Bộ Xây dựng | - Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định về trách nhiệm tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật chưa bảo đảm tương thích với trách nhiệm kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền[[1]](#footnote-1); đồng thời, quy định trách nhiệm tự kiểm tra, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền cũng chưa bảo đảm tương thích với trách nhiệm rà soát văn bản quy phạm pháp luật[[2]](#footnote-2). Do vậy, đề nghị rà soát, chỉnh lý trách nhiệm tự kiểm tra, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền bảo đảm tương thích với trách nhiệm rà soát văn bản quy phạm pháp luật; theo đó: *(i) Thủ trưởng các đơn vị chuyên môn thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị mình...; (ii) Người đứng đầu tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả tự kiểm tra, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật chung của bộ, cơ quan ngang bộ.* | Tính chất hai hoạt động khác nhau, do đó, quy định trách nhiệm trong tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền và rà soát văn bản có cách quy định khác nhau. |
|  | HĐND tỉnh Vĩnh Phúc | Điều 106, đề nghị cơ cấu lại các khoản, điểm để phù hợp với tiêu đề của điều luật, cụ thể:  *1. Phương thức kiểm tra văn bản*  *a) Tự kiểm tra văn bản;*  *b) Kiểm tra văn bản theo thẩm quyền.*  *2. Căn cứ thực hiện tự kiểm tra văn bản:*  *a) Căn cứ thực hiện tự kiểm tra văn bản ....*  *b) Căn cứ thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền…”* | Quy định như hiện tại để bảo đảm đúng bố cục của Điều. |
|  | STP tỉnh Sơn La | Đề nghị điều chỉnh tại Khoản 22 dự thảo NĐ như sau:  *“3.*  *a) Khi nhận được văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền gửi hoặc theo yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật;”,* để đảm bảo thống nhất với quy định tại Điều 121 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP | Đã quy định tại điểm d khoản 3. |
|  | UBND tỉnh Kiên Giang | Đề nghị cân nhắc lại việc quy định cụm từ “phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật” là một trong những căn cứ để kiểm theo thẩm quyền là chưa phù hợp và đi ngược với trình tự kiểm tra thông thường. Theo trình tự thông thường, khi tiến hành kiểm tra mới phát hiện ra nội dung văn bản có trái pháp luật hay không. | Việc quy định kiểm tra văn bản “có dấu hiệu trái pháp luật” để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản PQPL tại Điều 165 (Chính phủ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật); Điều 166 (Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật” và Điều 167 (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân kiểm tra, xử lý văn bản QPPL có dấu hiệu trái pháp luật).  Việc kiểm soát chất lượng, phân loại, xác định văn bản thuộc đối tượng kiểm tra văn bản căn cứ vào kỹ năng và cách thức tổ chức của từng cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm yêu cầu kiểm tra văn bản đúng đối tượng, sau khi xác định văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì mới thực hiện quy trình kiểm tra văn bản QPPL. |
| **15.3. Kiểm tra, xử lý VBQPPL (Khoản 23 Điều 1 dự thảo Nghị định)** | | | |
|  | Bộ TNMT | Tại khoản 23 Điều 1 dự thảo Nghị định:  Về sửa đổi, bổ sung Điều 133 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị bổ sung nội dung quy định cụ thể việc các bộ, cơ quan ngang bộ khi yêu cầu các bộ, ngành khác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước của bộ mình thì phải quy định rõ thời điểm/giai đoạn kiểm tra (thường là trong 01 năm) vì thực tế hiện nay một số bộ, ngành trong văn bản đề nghị kiểm tra không nêu rõ thời điểm kiểm tra dẫn đến khó khăn cho các bộ, ngành khác khi triển khai hoạt động kiểm tra văn bản. | Về nguyên tắc, việc tự kiểm tra văn bản được thực hiện bảo đảm nguyên tắc “kịp thời” trong kiểm tra văn bản. Do đó, việc thực hiện yêu cầu giữa các bộ, cơ quan ngang bộ với nhau chỉ là việc yêu cầu cung cấp các thông tin về công tác kiểm tra, kết quả đã thực hiện. |
|  | STP tỉnh Nam Định | Về sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 113 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (khoản 23 Điều 1 dự thảo Nghị định) Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đoạn: “sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 113 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP…” thành “sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 113 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP…” cho phù hợp với nội dung được sửa đổi, bổ sung. | Đã bỏ nội dung này (không sửa đổi). |
| **15.4. Kiểm tra, xử lý VBQPPL (Khoản 24 Điều 1 dự thảo Nghị định)** | | | |
|  | UBND tỉnh Vĩnh Long | - Khoản 24: Việc viện dẫn điểm b khoản 1 Điều 106 trong nội dung khoản này là không cần thiết vì không mang lại mục đích làm rõ nghĩa cho nội dung quy định. Điều 115 của NĐ số 34/2016/NĐ-CP quy định về “ Trình tự kiểm tra văn bản theo thẩm quyền”, do đó việc viện dẫn phương thức kiểm tra tại điểm b khoản 1 Điều 106 của NĐ số 34 là không cần thiết | Tiếp thu |
| **15.5. Kiểm tra, xử lý VBQPPL (Khoản 25 Điều 1 dự thảo Nghị định)** | | | |
|  | Bộ VHTTDL | Cần cân nhắc, sửa đổi Điều 128 theo hướng bổ sung thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trong việc kiểm tra văn bản có chứa quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành không đúng hình thức, thẩm quyền có nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang bộ. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu. |
|  | Kiểm toán Nhà nước | Đề nghị bổ sung cụm từ *"và tổ chức tương đương"* sau cụm từ *"người đứng đầu cục"* để đảm bảo tính logic | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghien cứu |
|  | UBND tỉnh Nghệ An, UBND tỉnh Đồng Nai | Tại khoản 25 Điều 1 (nội dung sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 128 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), đề nghị cân nhắc về nội dung bổ sung thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong việc kiểm tra, xử lý văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức như văn bản quy phạm pháp luật do người đứng đầu chi cục và tổ chức tương đương thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, mà giao thẩm quyền này cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh thực hiện và Sở Tư pháp là cơ quan tham mưu, giúp việc thực hiện nhiệm vụ này. | Đã bỏ nội dung này (không sửa đổi). |
|  | HĐND tỉnh Vĩnh Long | **-** Tại điểm d khoản 1 đề nghị bỏ cụm từ “như” sau cụm từ “thể thức”. | Không tiếp thu để thể hiện rõ ý hơn vì văn bản đó có thể thức chỉ “như” chứ không phải là văn bản QPPL. |
| **16.6. Kiểm tra, xử lý VBQPPL (Khoản 26 Điều 1 dự thảo Nghị định)** | | | |
|  | STP tỉnh Nam Định | Về sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 135 Nghị định số 34/2016/NĐCP (khoản 26 Điều 1 dự thảo Nghị định) Đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đoạn: “a) Số liệu văn bản do bộ, ngành, địa phương mình ban hành đã được tự kiểm tra và xử lý;…; đã xử lý theo thẩm quyền.” thành “a) Số liệu văn bản do bộ, ngành, địa phương mình ban hành đã được tự kiểm tra và xử lý; văn bản thuộc đối tượng kiểm tra theo thẩm quyền và thực tế đã kiểm tra; số văn bản đã phát hiện có nội dung trái pháp luật và yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản xem xét, xử lý; số văn bản đã được xử lý theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra văn bản; số văn bản đã xử lý theo thẩm quyền.” cho phù hợp | Tiếp thu. |
|  | UBND tỉnh Kiên Giang | Khoản 26 Điều 1: Đề nghị nghiên cứu viết lại nội dung “văn bản thuộc đối tượng kiểm tra theo thẩm quyền và thực tế đã kiểm tra” thành “văn bản đã tiếp nhận kiểm tra theo thẩm quyền” cho phù hợp, vì thực tế cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phải kiểm tra tất cả các văn bản đã tiếp nhận. | Tiếp thu. |
| **16. Về Trách nhiệm tổ chức thi hành VBQPPL (Khoản 27, 28 Điều 1 dự thảo nghị định)** | | | |
| **16.1. Về các hoạt động liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật (Khoản 27 Điều 1 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | Bộ TNMT, STP tỉnh Quảng Trị, STP Tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh Vĩnh Long, UBND tỉnh Bắc Ninh, UBND tỉnh Lai Châu, STP tỉnh Nam Định, UBND tỉnh Quảng Bình, UBND tỉnh Lạng Sơn, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu; UBND tỉnh Kiên Giang | Tại khoản 27 Điều 1 dự thảo Nghị định :  Đề nghị chỉnh sửa *“khoản 4 Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP”* thành *“khoản 4 Điều* ***181*** *Nghị định số 34/2016/NĐ-CP”.* | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Tây Ninh, UBND tỉnh Cà Mau, STP tỉnh Thanh Hoá, UBND tỉnh Quảng Bình, UBND tỉnh Đồng Nai, UBND tỉnh Yên Bái | Đề nghị chuyển khoản 28 lên thành khoản 27 và ngược lại để phù hợp thứ tự các điều của Nghị định | Tại khoản 27 Điều 1 dự thảo Nghị định, sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa thành: sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều **181** Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Do vậy vẫn giữ nguyên việc sắp xếp thứ tự như hiện tại. |
|  | UBND tỉnh Đăk Lăk | Đề nghị sửa tên khoản 27 Điều 1 Dự thảo thành “*Sửa đổi, bổ sung khoản* ***4 Điều 183*** *Nghị định số 34/2016/NĐ-CP”* cho chính xác, vì Điều 184 không có khoản 4; sửa khoản 28 Điều 1 Dự thảo thành “*Sửa đổi, bổ sung Điều* ***184****…”,* vì nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo thuộc Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, không phải Điều 183. | Tại khoản 27 Điều 1 dự thảo Nghị định, sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa thành: sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều **181** Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. |
|  | Bộ Công an | Tại khoản 27 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị làm rõ cụm từ “tổ chức thi hành pháp luật” và “theo dõi thi hành pháp luật” | Nội dung về tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật được quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 237/2012 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 32/2020/NĐ-CP) |
|  | Cục PBGDPL, Bộ Tư pháp | Đề nghị bổ sung thêm 01 khoản trước khoản 27 quy định về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 181 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể là:  “Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 181 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như sau:  “1. Hoạt động lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chương trình xây dựng luật, pháp lệnh gồm các hoạt động như: tổng kết việc thi hành pháp luật; khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan; nghiên cứu khoa học, thông tin tư liệu, điều ước quốc tế, dịch tài liệu của nước ngoài ra tiếng Việt; xây dựng nội dung của chính sách; đánh giá tác động của chính sách; thực hiện truyền thông về chính sách và tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan; chỉnh lý, hoàn thiện đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; lập các loại danh mục, chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương.  2. Hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật gồm các hoạt động như: tổ chức soạn thảo văn bản; tập hợp, rà soát, đánh giá văn bản có liên quan; đánh giá tác động của văn bản; thực hiện truyền thông về dự thảo văn bản và tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan, chỉnh lý, hoàn thiện văn bản”.  Việc bổ sung nêu trên nhằm tháo gỡ khó khăn về vấn đề kinh phí thực hiện truyền thông dự thảo chính sách cho cơ quan chủ trì soạn thảo; bảo đảm việc thực hiện quy định về truyền thông dự thảo chính sách có tính khả thi, chất lượng và hiệu quả. | Nội dung này đã được tiếp thu bằng cách bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 184 như sau:  “1a. *Tổ chức truyền thông nội dung cơ bản của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức phù hợp khác về các vấn đề phức tạp, nhạy cảm, được dư luận xã hội quan tâm, có nhiều ý kiến khác nhau và tác động trực tiếp làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.”* |
|  | UBND tỉnh Lào Cai | - Khoản 27 Điều 1 dự thảo (Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) quy định: “4. Các hoạt động liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật gồm các hoạt động như:…”. Tuy nhiên, tên Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: “Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân trong việc bảo đảm các điều kiện cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật”. Do đó, đề nghị nghiên cứu nội dung đảm bảo phù hợp, thống nhất giữa tên điều và nội dung điều | Tại khoản 27 Điều 1 dự thảo Nghị định, sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa thành: sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều **181** Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. |
|  | HĐND tỉnh Hòa Bình  UBND tỉnh Hòa Bình | Khoản 27 Điều 1 của Dự thảo quy định như sau:  “4. Các hoạt động liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật gồm các hoạt động như….”  Tuy nhiên, các hoạt động được liệt kê tại dự thảo đã đầy đủ trong tổ chức thi hành pháp luật chứ không phải các hoạt động đại diện (ngoài các hoạt động này còn có các hoạt động khác). Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh lại như sau: “Các hoạt động liên quan đến tổ chức thi hành pháp luật gồm: ….” | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
| **16. 2. Về Trách nhiệm tổ chức thi hành VBQPPL (Khoản 28 Điều 1 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | Bộ Xây dựng | Khoản 28 Điều 1 dự thảo Nghị định (sửa đổi, bổ sung Điều 183 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) quy định trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp *“ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành kế hoạch tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật”*; theo đó, toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật đều bắt buộc phải ban hành kế hoạch tổ chức thi hành. Đề nghị cân nhắc kỹ quy định này bảo đảm phù hợp với tính chất của từng loại văn bản quy phạm pháp luật, nguồn lực, thực tiễn triển khai thi hành; theo đó, chỉ nên bắt buộc ban hành kế hoạch tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đối với những văn bản quy phạm pháp luật như luật, pháp luật, nghị quyết, nghị định có liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực…; không nên quy định bắt buộc đối với văn bản quy phạm pháp luật chỉ điều chỉnh cụ thể trong một ngành, lĩnh vực như thông tư…  Đồng thời, tại khoản 28 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị cân nhắc gộp nội dung *“phổ biến văn bản quy phạm pháp luật”* và *“tập huấn văn bản quy phạm pháp luật”* thành 01 khoản để cơ quan tổ chức thi hành pháp luật được chủ động lựa chọn triển khai “phổ biến” hay “tập huấn” hay cả 02 hình thức này tùy thuộc vào tính chất, nội dung của văn bản và thực tiễn triển khai thi hành. | Tiếp thu một phần |
|  | Bộ LĐTBXH | Tại khoản 28 Điều 1 có sử dụng cụm từ *"UBND các cấp"*, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, quy định theo hướng đảm bảo tính thống nhất với Điều 184 Nghị định 34/2016/NĐ-CP | Dự thảo Nghị định sửa đổi tên Điều 184 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như sau: “*Điều 184. Trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ,* ***Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*** *trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật*” |
|  | HĐND tỉnh Hòa Bình | Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật quy định nội dung theo dõi có: *“Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật”*; Trong đó, các điều kiện bảo đảm gồm hoạt động tập huấn, phổ biến, kiện toàn tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực thi hành pháp luật, kinh phí, cơ sở vật chất cho thi hành pháp luật. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, điều chỉnh khoản 2, khoản 4, khoản 6 Điều 183 được sửa đổi, bổ sung theo hướng: *“Đảm bảo các điều kiện (tập huấn, phổ biến; cơ sở vật chất, kinh phí, tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực) để thi hành văn bản quy phạm pháp luật”.* | Nghị định số 34/2016/NĐ-CP hiện đã quy định đầy đủ các nội dung này |
| **17. Về điều khoản chuyển tiếp (Khoản 29 dự thảo nghị định)** | | | |
|  | Bộ Công an | Đề nghị chỉnh lý quy định bãi bỏ Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, vì các Thông tư liên tịch này đang được ban hành theo thẩm quyền của nhiều bộ, cơ quan ngang bộ nên nếu chỉ bãi bỏ bởi Thông tư của Bộ hoặc cơ quan Bộ là chưa phù hợp; do đó, quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ để bảo đảm sự thống nhất chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ và bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 165 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Dự thảo nghị định đưa ra 3 phương án xử lý đối với bãi bỏ hoặc thay thế Thông tư liên tịch, trong đó phương án thứ 3 đã quy định: *Trường hợp nội dung thông tư liên tịch có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trao đổi, thống nhất bằng văn bản, báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành nghị định.* |
|  | Bộ Công an | Đề nghị cân nhắc bổ sung trường hợp bãi bỏ Thông tư liên tịch giữa Chánh án TANDTC, Viện trưởng Viện KSNDTC, Tổng Kiểm toán NN, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ mà đơn vị chủ trì soạn thảo là bộ, cơ quan ngang bộ | Thông tư liên tịch giữa Chánh án TANDTC, Viện trưởng Viện KSNDTC, Tổng Kiểm toán NN, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ vẫn là một hình thức văn bản được quy định tại Luật Ban hành VBQPPL, do vậy, việc bãi bỏ Thông tư liên tịch này vẫn phải thực hiện theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL và Nghị định hướng dẫn thi hành. |
|  | Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) | Dự thảo Nghị định bổ sung khoản 3 vào Điều 188 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như sau:  “3. Việc bãi bỏ hoặc thay thế thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 được thực hiện như sau:  a) Trường hợp cần bãi bỏ thông tư liên tịch, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ liên tịch ban hành trao đổi, thống nhất bằng văn bản để ban hành thông tư bãi bỏ Thông tư liên tịch đó.  b) Trường hợp cần thay thế thông tư liên tịch, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ liên tịch ban hành trao đổi, thống nhất bằng văn bản để Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành thông tư thay thế.  c) Trường hợp nội dung thông tư liên tịch có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều bộ, cơ quan ngang bộ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trao đổi, thống nhất bằng văn bản về việc báo cáo Chính phủ xem xét, ban hành nghị định.”.  Việc bổ sung khoản 3 Điều 188 nói trên là cần thiết, tuy nhiên, đề nghị Quý Cơ quan xem xét lại tình huống cũng như giải pháp của điểm c khoản 3 trên đây. Tình huống của điểm c về cơ bản là giống với tình huống của điểm b, nhưng giải pháp thì không khả thi. Xử lý thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ, cơ quan ngang bộ nhưng nêu đẩy lên xử lý ở cấp Chính phủ (ban hành nghị định) thì vừa sai thẩm quyền, vừa không phù hợp với xu hướng phân cấp, phân quyền hiện nay.  Do đó, đề nghị Quý Cơ quan cân nhắc bỏ điểm c, rà soát bổ sung đầy đủ tình huống vào điểm b (nếu cần thiết), và giải pháp là ban hành các thông tư riêng rẽ của các bộ để xử lý. | Quy định tại điểm c khoản 3 là phù hợp với khoản 2 điều 19 của Luật Ban hành VBQPPL |
|  | Bộ Thông tin và Truyền thông | Đề nghị cân nhắc bổ sung quy định để xử lý đối với các thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành trước ngày 01/7/2016 nhưng các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chưa "thống nhất" được hình thức xử lý theo 3 trường hợp đã bổ sung tại dự thảo Nghị định. | Đối với trường hợp các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chưa "thống nhất" được hình thức xử lý thì dự thảo Nghị định quy định xử lý theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 188 dự thảo Nghị định. |
|  | Cục BTNN, Bộ Tư pháp; Bộ KHCN | Tại khoản 29 Điều 1 dự thảo Nghị định, đề nghị xem xét lại vì đây là trường hợp các bộ, cơ quan ngang bộ liên tịch thấy cần phải xây dựng thành các thông tư riêng chứ không phải Nghị định | Dự thảo Nghị định đã đưa ra 3 phương án xử lý trong đó có phương ban hành Thông tư riêng |
|  | HĐND tỉnh Gia Lai | Tại tên Điều 2, đề nghị bỏ nội dung: *ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật”* nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 154. | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Hòa Bình | Đề nghị bổ sung thêm điểm c khoản 3 Điều 188 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi NĐ 154/2020/NĐ-CP) theo hướng: “Ban hành Nghị định chung giữa các ngành hay Nghị định riêng quy định cho từng ngành trong trường hợp nội dung thông tư liên tịch có liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, cơ quan ngang bộ liên tịch ban hành thông tư mà không thể quy định trong một thông tư mà phải xây dựng thành các thông tư riêng.” | Căn cứ vào nội dung của từng văn bản cụ thể, Chính phủ sẽ quyết định việc ban hành nghị định. |
|  | STP tỉnh Nam Định | Tại khoản 43 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP chỉ sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 188 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa đoạn “Bổ sung khoản 3 vào Điều 188 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau:” thành “Bổ sung khoản 3 vào Điều 188 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP như sau:” cho phù hợp. | Khoản 43 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 188 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì về kỹ thuật khi sửa đổi, bổ sung vẫn phải quy định như tại dự thảo Nghị định |
|  | UBND tỉnh Đồng Nai | Tại khoản 29 Điều 1, đề nghị trình bày đầy đủ cụm từ thời gian ban hành “ngày 01 tháng 7 năm 2016” thay cho cụm từ “ ngày 01/7/2016”. | Tiếp thu |
| **18. Về điều 2 của dự thảo Nghị định** | | | |
|  | UBND tỉnh Lào Cai | - **Điều 2 dự thảo:** Tên khoản 1 quy định “Sửa đổi, bổ sung…”, tuy nhiên nội dung của khoản quy định “Sửa Mẫu số….”. Như vậy là chưa thống nhất giữa tên khoản và nội dung của khoản. Do đó, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp. | Tiếp thu |
|  | HĐND tỉnh Gia Lai | Tại tên Điều 2, đề nghị bỏ nội dung: *ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật”* nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 154. | Tiếp thu |
| **19. Về các Biểu mẫu** | | | |
|  | Bộ VHTTDL | Đề nghị bổ sung mẫu văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung bởi một hoặc nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ KHCN | Đề nghị bổ sung mẫu Báo cáo tổng kết thi hành văn bản quy phạm pháp luật để thống nhất trong quá trình thực hiện | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ Công Thương | Bổ sung quy định những nội dung bắt buộc và những nội dung không bắt buộc để đảm bảo tính linh hoạt trong thực tiễn thi hành | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ Ngoại giao | Mẫu số 01 Phụ lục V về Báo cáo đánh giá tác động chính sách, bổ sung mục *"Đánh giá khả năng thi hành, tính tương thích của nội dung chính sách đối với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên"* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ Ngoại giao | Đề nghị bổ sung thêm 01 biểu mẫu: *Mẫu số 15. Báo cáo về Rà soát các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan đến dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật* (kèm theo CV của Bộ Ngoại giao) | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND Quảng Nam | Đề nghị bổ sung biểu mẫu văn bản chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết vào Điều 2 Dự thảo Nghị định để thực hiện đồng bộ, thống nhất trên phạm vi cả nước. | Điểm c khoản 3 điều 117 quy định vè Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 27 của Luật này bao gồm…**Quyết định** thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 116 của Luật này. Như vậy, Luật đã quy định hình thức văn bản thông qua chính sách là quyết định. Hình thức quyết định hành chính đã được quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020 về công tác văn thư |
|  | Bộ NN&PTNT | Tại khoản 2 Điều 154 Nghị định 34/2016/NĐ-CP: Cân nhắc bỏ quy định lập Sổ theo dõi văn bản được rà soát theo mẫu số 02 Phụ lục IV.  Về mẫu số 13. Đề nghị làm rõ mục tiêu của việc rà soát là để xây dựng dự án, dự thảo hay để đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản hiện hành, từ đó xây dựng phụ lục cho phù hợp. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Cục ĐKQGGDBĐ | - Tại Mẫu số 01 Phụ lục 1 về “Báo cáo đánh giá tác động của chính sách”, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung đã lược bớt một số nội dung của Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (cụ thể là Phần III. Lấy ý kiến; Phần IV. Giám sát và đánh giá). Về vấn đề này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung lập luận về sự cần thiết phải bỏ bớt một số nội dung so với mẫu đã được quy định trước đây tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP  - Tại Mẫu số 12 Phụ lục 1 về “Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật”, ở mục 1 về “Việc thực hiện Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo VBQPPL” và tiểu mục 2.2 về “Tổng quan về vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo VBQPPL”, nội dung của hai phần này có thể có sự trùng lặp, không cần thiết phải tách riêng thành hai mục riêng lẻ. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét rà soát lại các nội dung trong mẫu Báo cáo, tránh sự dàn trải, trùng lặp. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Lâm Đồng  UBND tỉnh Lâm Đồng, HĐND tỉnh Đắk Nông | Đề nghị bổ sung mẫu VBQPPL về bãi bỏ một phần và bổ sung quy định mới cho phù hợp vì trong quá trình triển khai tại địa phương có phát sinh các VBQPPL cần bãi bỏ một phần, đồng thời cần bổ sung quy định mới trong cùng một VBQPPL đó. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Lâm Đồng | Mẫu số 42: Tại Điều 1 của Mẫu số 42, đề nghị sửa nội dung Điều 1 cho phù hợp tránh sự trùng lắp. Vì trong trường hợp tiêu đề trùng với nội dung quy định thì việc quy định này lặp lại là không cần thiết. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Mẫu số 15: đề nghị bổ sung “Quyền hạn, chức vụ người ký” hoặc quy định đóng dấu treo khi phát hành để đảm bảo cơ sở pháp lý trong công tác lưu trữ hồ sơ | Tiếp thu |
|  | UBND Sóc Trăng | Mẫu số 15, đề nghị sửa thành “... về đề nghị xây dựng VBQPPL (áp dụng đối với đề nghị xây dựng luật, NQ của QH, pháp lệnh, NQ của UBTVQH, NĐ của chính phủ quy định tại khoản 3 Điều 19 và NQ của HĐND cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật), dự án, dự thảo VBQPPL” để đảm bảo thống nhất với mẫu số 02 dự thảo. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Bạc Liêu, UBND tỉnh Bà rịa - Vũng Tàu | Kiến nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, bổ sung thêm các Biểu mẫu như sau: Mẫu tờ trình đề nghị xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; Mẫu báo cáo thẩm định; Mẫu Quyết định thông qua chính sách để thực hiện thống nhất trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Vĩnh Long | Đề nghị bổ sung vào cuối nội dung điểm a khoản 1 điều này cụm từ “Kèm theo Mẫu số 42)”, vào cuối nội dung điểm b khoản 1 Điều này cụm từ “ Kèm theo Mẫu số 01 và Mẫu số 02)”. Đồng thời, đề nghị bỏ cụm từ “Phụ lục 1” tại Mẫu số 42 vì dự thảo Nghị định không ban hành kèm theo Phụ lục | Khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị định hiện đã quy định cụ thể, rõ ràng |
|  | HĐND Ninh Thuận | Tại các mẫu báo cáo kèm theo dự thảo Nghị định: Đề nghị xác định rõ hơn các mẫu báo cáo này do cơ quan trình ký văn bản hay cơ quan tham mưu cho cơ quan trình ký văn bản. | Thẩm quyền ký các Báo cáo đã được quy định rõ tại Nội dung số 34/2016/NĐ-CP |
|  | HĐND tỉnh Sơn La | Đề nghị BTP xem xét bổ sung tại phần cuối của mẫu Nghị quyết ban hành kèm theo dự thảo NĐ đối với các Nghị quyết quy phạm pháp luật thực hiện trong giai đoạn ghi như sau: *“Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh….thông qua ngày…tháng…năm…, có hiệu lực từ ngày… và hết hiệu lực từ ngày 31/12/ năm cuối cùng của giai đoạn”* để không phải thực hiện quy trình ban hành một nghị quyết QPPL chỉ để bãi bỏ một nghị quyết về giai đoạn khi không tiếp tục triển khai thực hiện nữa. | Tùy từng trường hợp cụ thể, VBQPPL có thể quy định thời điểm hết hiệu lực tại chính VBQPPL đó. |
|  | HĐND tỉnh Hải Dương | Đề nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể hình thức, nội dung văn bản Quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền theo điểm c khoản 3 Điều 117 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tránh nhầm lẫn với quyết định ban hành chính sách của cơ quan có thẩm quyền | Điểm c khoản 3 điều 117 quy định vè Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 27 của Luật này bao gồm…**Quyết định** thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 116 của Luật này. Như vậy, Luật đã quy định hình thức văn bản thông qua chính sách là quyết định. Hình thức quyết định hành chính đã được quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 5/3/2020 về công tác văn thư |
|  | HĐND tỉnh Hải Dương | Nghị định hiện hành đã quy định các mẫu Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, đề nghị bổ sung quy định mẫu Nghị quyết thay thế của Hội đồng nhân dân. | Mẫu Nghị quyết thay thế chính là Nghị quyết ban hành mới và đã quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP |
|  | STP tỉnh Quảng Trị | Đề nghị bổ sung mẫu quy định một văn bản để sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và thống nhất trong tổ chức thực hiện. | Nghị định số 154/2020/NĐ-CP đã có quy định về mẫu này. |
|  | STP tỉnh Quảng Trị | Đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung mẫu số 36, 37 phụ lục 1 kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Lý do: Cần thống nhất cách trình bày tên gọi của văn bản khi sửa đổi, bổ sung Quy chế/Quy định ban hành kèm theo nghị quyết, quyết định cho phù hợp, đồng thời tránh lặp lại tên gọi của văn bản.  Ví dụ: Tại Mẫu số 36, tên gọi của Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định/Quy chế được hiểu là ghi rõ tên gọi của Quy chế ban hành kèm theo Nghị quyết. Tuy nhiên, tại Mẫu số 37 tại tên gọi của Quyết định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định/ Quy chế không quy định ghi rõ tên gọi của Quy định/Quy chế… | Cách thiết kế mẫu số 36 và 37 Phụ lục I đã thống nhất |
|  | HĐND tỉnh Quảng Ngãi | Đề nghị sửa Mẫu số 36 đoạn “Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày” thành “Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân ... khoá ... kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm” để phù hợp với Mẫu số 16 và Mẫu số 42 | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Điện Biên | - Đề nghị sửa mẫu số 36. Nghị quyết của HĐND các cấp sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp/ ban hành Quy định/Quy chế…) tại Phụ lục I. Bỏ khoản 1 của Điều khoản thi hành, bổ sung cụm từ và diễn đạt lại như sau:  “**Điều….Điều khoản thi hành**   1. Quy định chuyển tiếp (nếu có)... 2. Nghị quyết này bãi bỏ (nếu có)...   **Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân…(1)...Khóa…Kỳ hộp thứ…thông qua ngày…tháng…năm…và có hiệu lực từ ngày…tháng…năm”.**  - Tại các mẫu Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, trong phần căn cứ ban hành *“...Báo cáo thẩm tra của…”* đề nghị sửa lại như sau: *“...Báo cáo thẩm tra* ***số…ngày…tháng…năm…****của ….”* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | STP tỉnh Thái Nguyên | Đề nghị bổ sung Mẫu văn bản QPPL mới ban hành kèm theo với sửa đổi, bổ sung bãi bỏ văn bản QPPL khác.  Về tên văn bản sửa đổi, bổ sung: không nhất thiết ghi là sửa đổi, bổ sung một số điều mà chỉ ghi chung: sửa đổi, bổ sung + tên văn bản QPPL; vì nhiều văn bản chỉ sửa đổi 1 điều hoặc 1 khoản, vì vậy mẫu ghi là sửa đổi, bổ sung một số điều trong trường hợp này sẽ không phù hợp.  Rà soát một số mẫu đã ban hành để đảm bảo tính thống nhất. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | STP tỉnh Thanh Hoá | Đề nghị quy định mẫu dự thảo VBQPPL ban hành theo trình tự thủ tục rút gọn để phân biệt với các VBQPPL ban hành theo trình tự thủ tục thông thường | VBQPPL ban hành theo trình tự thủ tục rút gọn chỉ rút ngắn về thời gian và quy trình, còn nội dung và mẫu vẫn như các văn bản khác. |
|  | STP tỉnh Nam Định | Tại mẫu số 42 Phụ lục I. Đề nghị bỏ cùm từ “toàn bộ” tại Điều 1 | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Gia Lai | - Tại mẫu số 36: Bỏ dấu ba chấm sau cụm từ “Quy định/Quy chế” trong nội dung “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định/Quy chế…ban hành kèm theo Nghị quyết …(4)...” nhằm đảm bảo tính ngắn gọn của văn bản, không lặp lại tên gọi của Quy định/Quy chế; Sửa số thứ tự (4) phần Ghi chú thành “Số, ký hiệu, tên gọi của Nghị quyết”.  - Đề nghị chỉnh sửa tương tự các ý kiến góp ý nêu trên đối với Mẫu số 37; Bỏ dấu (:) cuối tên của Điều 1;  - Đối với mẫu nghi quyết của HĐND bãi bỏ Nghị quyết/ các Nghị quyết của HĐND cùng cấp (Mẫu số 42)  - Tại phần trình bày tên gọi của nghị quyết đề nghị sửa như sau: “**Bãi bỏ Nghị quyết (4)/các Nghị quyết của HĐND…(1)...”.** Tương tự, đề nghị chỉnh sửa tại Điều 1, Điều 2 bảo đảm nội dung mẫu được thống nhất.  - Tại số thứ tự (4) phần ghi chú, theo khoản 1 Điều 60 Nghi định số 34 quy định tên văn bản gồm tên loại và tên gọi của văn bản. Do đó, đề nghị xây dựng nội dung đảm bảo thống nhất với quy định pháp luật. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Đồng Nai | - Tại khoản 1 Điều 2, đề nghị bổ sung nội dung sửa đổi Mẫu số 44 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154 theo hướng bỏ cụm từ “Ban hành” tại phần giải thích (đoạn in nghiêng) cho thống nhất với phần giải thích của các mẫu ban hành kèm theo  - Đề nghị trình bày số thứ tự Phụ lục bằng chữ La Mã, đánh số trang riêng giữa Phụ lục và nội dung Nghị định  - Tại nội dung ghi chú đối với mẫu số 42: Nội dung ghi chú thứ nhất, đề nghị bổ sung cụm từ “thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” ngay sau cụm từ “thị xã” cho đầy đủ; Nội dung thứ 5, đề nghị giải thích thống nhất với nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 dự thảo;  - Tại tên gọi của Mẫu Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (Mẫu số 1 Phụ lục V) và báo cáo về rà soát các VBQPPL liên quan đến dự án, dự thảo (Mẫu số 13 Phụ lục V), đề nghị trình bày bằng chữ in thường, kiểm chữ đậm cho thống nhất với tên gọi của các biểu mẫu và phù hợp với quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/03/2020 của Chính phủ về công tác văn thư | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Quảng Bình | Đề nghị chỉnh sửa biểu mẫu Nghị quyết/Quyết định bãi bỏ văn bản tại mẫu số 42, 43 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154 trong trường hợp bãi bỏ toàn bộ 01 văn bản thì tại Điều 1 chỉ cần nêu tên điều, không cần lặp lại nội dung của điều. Đồng thời, đề nghị bổ sung điều khoản trách nhiệm tổ chức thi hành vào 02 biểu mẫu nêu trên | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Quảng Bình | Tại các biểu mẫu 17,18,19 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154, các Điều đều không quy định tên Điều là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 62 Nghị định số 34 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154). Vì vậy, đề nghị chỉnh sửa cho thống nhất. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
| **19. Về kỹ thuật** | | | |
|  | UBND tỉnh Lào Cai | - Phần căn cứ ban hành văn bản: Đề nghị trình bày các căn cứ pháp lý phù hợp với Mục 5 Phần V Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP: “ Viết hoa chữ cái đầu của tên loại văn bản và chữ cái đầu của âm tiết thứ nhất tạo thành tên gọi của văn bản”.  - Đề nghị trình bày nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với khoản 4 Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “Nội dung văn bản được trình bày bằng chữ in thường, được dàn đều cả hai lề, kiểu chữ đứng…”.  - Đề nghị trình bày bố cục dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với Mẫu số 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Lai Châu | Điều 1 của dự thảo có tên như sau: *“Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ … và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ …”*. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa tên gọi Điều 1 thành *“Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ …* ***đã được sửa đổi, bổ sung bởi*** *Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ …”* cho chính xác hơn và phù hợp với nội dung của Điều 1. | Tên điều 1 dự thảo Nghị định cần ghi đầy đủ tên Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP |
|  | HĐND tỉnh Lâm Đồng  UBND tỉnh Lâm Đồng | Khoản 1 Điều 2 dự thảo NĐ: Đề nghị bỏ từ “Sửa” trước từ “Mẫu” tại điểm a và b cho thống nhất với cách trình bày tại các điểm a, b, c khoản 2 dự thảo NĐ | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ KHCN | Đề nghị bổ sung hướng dẫn về kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật (Chương V của Nghị định) liên quan đến ký hiệu các quy định nhỏ hơn điểm (ví dụ như: tiết, nhỏ hơn tiết…) để áp dụng thống nhất. | Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã quy định cụ thể về nội dung này |
|  | UBND TP Hải Phòng | Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo: Các quy định tại dự thảo có nội dung liên quan về “... quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân...” (khoản 4, 10 Điều 1) đề nghị bổ sung quy định như sau cho rõ ràng “... quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của Hiến pháp...”. | Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân được quy định tại Hiến pháp. Hiến pháp là đạo luật cao nhất nên việc tuân thủ Hiến pháp là bắt buộc. |
|  | UBND tỉnh Vĩnh Long | - Khoản 3 Điều 1: Việc bố cục quy định về: “Bãi bỏ điều 4 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP” tại khoản này là chưa phù hợp với Mẫu số 28. Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều (quy định trực tiếp) của Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, đề nghị bố cục nội dung quy định về việc bãi bỏ thành một điều riêng trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung.  - Khoản 5 Điều 1: Cách trình bày điều, khoản được sửa đổi, bổ sung trong nội dung khoản này theo hướng trình bày tắt (cụ thể: “khoản 3, 4 và khoản 6”) là chưa có sự thống nhất về cách trình bày điều, khoản được sửa đổi, bổ sung tại một số điểm trong nội dung Điều 1 của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, cụ thể là tại khoản 8 Điều 1 của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung trình bày đầy đủ là “ khoản 2 và khoản 4”. Vì vậy, đề nghị rà soát và có sự thống nhất trong cách trình bày đối với toàn dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung.  Khoản 22 Điều 1: Trong nội dung của khoản này chưa có sự thống nhất trong cách sử dụng dấu câu. Cụ thể là tại tên của khoản 1 Điều 106 (sửa đổi, bổ sung) không có dấu “:” để kết thúc tên của khoản, nhưng tại các khoản khác của Điều 106 lại kết thúc tên của các khoản bằng dấu “:”, đề nghị rà soát và có sự điều chỉnh tương tự đối với toàn dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung.  - Khoản 25 Điều 1: khoản này chỉ sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 128 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Do đó, đề nghị không lặp lại khoản 1, cụ thể là không trình bày cụm từ “1. Thẩm quyền kiểm tra, xử lý văn bản” vào nội dung tại khoản này. | Tiếp thu |
|  | HĐND tỉnh Quảng Ngãi, UBND thành phố Hải Phòng, HĐND tỉnh Tây Ninh, HĐND tỉnh Bạc Liêu | Tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: Đề nghị sửa đổi, bổ sung theo hướng bổ sung căn cứ ban hành bao gồm các VB cá biệt của trung ương để địa phương có cơ sở thực hiện. | Việc Ban hành VBQPPL phải căn cứ vào VBQPPL, không thể căn cứ vào các văn bản cá biệt được. |
|  | STP tỉnh Thái Nguyên | Khoản 5 Điều 1 dự thảo quy định: “5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 và khoản 6, bổ sung khoản 7 vào Điều 10 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau:…”.  Tuy nhiên Nghị định số 154/2020/NĐ-CP chỉ sửa đổi, bổ sung duy nhất khoản 6 Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP nên cách viết như dự thảo là chưa chính xác; về góp ý này đề nghị rà soát toàn bộ trong dự thảo các quy phạm tương tự nêu chung ý “được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 34/2016/NĐ-CP”, nếu trên thực tế không có thì đề nghị tách riêng những điều, khoản của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và tiếp tục sửa đổi bổ sung tại dự thảo này với những điều, khoản của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP chỉ được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo này. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  |  | Về tên Điều 1: theo quy định của khoản 1 Điều 75 Nghị định 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định 154/2020/NĐ-CP) về kỹ thuật viện dẫn văn bản cho những lần sau (và quy định dự kiến sửa đổi ngay tại dự thảo) thì việc chú thích tại phần tiêu đề của Điều 1 dự thảo là không cần thiết, ko phù hợp với quy định.  Cách ghi tại dự thảo chưa rõ các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP mà theo quy định về kỹ thuật xây dựng văn bản sửa đổi, bổ sung thì phải ghi rõ nội dung được sửa đổi, bổ sung.  Ví dụ: dự thảo quy định: “Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 113 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP như sau:…”.  Đề nghị rà soát để ghi rõ các điều, khoản, điểm được sửa đổi bổ sung, đảm bảo phù hợp với phần tên của dự thảo. | Tiếp thu |
|  | Bộ Công thương, STP tỉnh Thanh Hoá | Khoản 3 Điều 1 quy định về việc **bãi bỏ** Điều 4 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP là chưa phù hợp với tiêu đề. Đề nghị bố cục các nội dung bãi bỏ vào một điều riêng | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Đăk Lăk | Bố cục, cách trình bày Dự thảo chưa phù hợp với quy định tại Điều 81 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (Bố cục của văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản); mẫu 28 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP (mẫu Nghị định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều - quy định trực tiếp). Theo khoản 1, khoản 2 Điều 81 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì *“Tùy theo nội dung, văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản có thể bố cục thành các Điều khác nhau,* ***mỗi Điều chứa đựng nội dung được sửa đổi, bổ sung của một văn bản****, trừ Điều quy định về trách nhiệm, tổ chức thực hiện, thời điểm có hiệu lực của chính văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản đó. Nội dung các Điều, Khoản của văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản phải* ***xác định rõ tên văn bản, Điều, Khoản, điểm của các văn bản liên quan được sửa đổi, bổ sung****. Tên Điều của văn bản là quy định chỉ dẫn việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế của từng văn bản cụ thể”.* Ví dụ:Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, do đó khi sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP phải đồng thời sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Trường hợp không cần thiết phải sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP thì phải bãi bỏ. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Đăk Lăk | Tại tên Điều 1: Đề nghị bỏ các nội dung “*sau đây gọi là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP”; “sau đây gọi là Nghị định số 154/2020/NĐ-CP”* cho ngắn gọn, phù hợp hơn, vì theo Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP) thì trong lần viện dẫn tiếp theo đối với Nghị định, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó. Do đó, không cần chú thích gọi tắt thì các văn bản này vẫn mặc nhiên được gọi tắt như trên. | Tiếp thu |
| **20. Một số nội dung khác** | | | |
|  | Kiểm toán Nhà nước | Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 Nghị định 34/2016/NĐ-CP theo hướng: *"1. Thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ và theo quy định của Luật"* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ Xây dựng, Bộ NN&PTNT | Theo quy định tại Điều 32, Điều 33 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật thì *Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia*; nội dung thẩm định bao gồm: *sự phù hợp của quy chuẩn kỹ thuật với quy định của pháp luật và cam kết quốc tế có liên quan; tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; việc tuân thủ các yêu cầu nghiệp vụ, trình tự, thủ tục xây dựng quy chuẩn kỹ thuật.*  Điều 102 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định *tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan có trách nhiệm thẩm định dự thảo thông tư* trước khi trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; nội dung thẩm định bao gồm: *sự cần thiết ban hành thông tư; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của thông tư; sự phù hợp của nội dung dự thảo thông tư với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo thông tư với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; sự cần thiết, tính hợp lý, chi phí tuân thủ các thủ tục hành chính trong dự thảo thông tư, nếu trong dự thảo thông tư có quy định thủ tục hành chính; việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo thông tư, nếu trong dự thảo thông tư có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới; điều kiện bảo đảm về nguồn nhân lực, tài chính để thi hành thông tư; ngôn ngữ, kỹ thuật và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.*  Hiện nay, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được ban hành dưới hình thức Thông tư. Theo đó, việc thẩm định đối với Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia vừa phải bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật vừa phải tuân thủ quy định của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. Tuy nhiên, pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật chưa có quy định rõ tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan chủ trì soạn thảo hay tổ chức pháp chế thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thẩm định dự thảo Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật. Trường hợp dự thảo Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan chủ trì soạn thảo thẩm định thì sẽ có 02 văn bản thẩm định; trong khi, nội dung thẩm định dự thảo thông tư và nội dung thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có nhiều nội dung tương đồng.  Do vậy, đề nghị nghiên cứu, bổ sung làm rõ trong dự thảo Nghị định về thẩm quyền thẩm định đối với dự thảo Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo hướng: *đối với dự thảo Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức thẩm định đồng thời với việc Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.* | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ KHCN | Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định tiêu chí xác định đối tượng là chuyên gia, nhà khoa học tham gia hội đồng tư vấn thẩm định dự án/dự thảo/hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để thuận lợi trong thực tiễn áp dụng. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ Công thương | Quy định tại khoản 3 Điều 167 của Nghị định 34/2016/NĐ-CP là không cần thiết. Theo đó, nội dung rà soát được thực hiện theo Điều 148 của Nghị định bao gồm đối tượng điều chỉnh của văn bản, hình thức văn bản, nội dung của văn bản, quan hệ xã hội mới cần được điều chỉnh bằng VBQPPL; đối tượng được rà soát xác định theo khoản 1 Điều 139 và khoản 3 Điều 167 của Nghị định gây chồng chéo. | Khoản 3 Điều 167 của Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định về việc kiểm tra lại kết quả rà soát và rà soát bổ sung trong quá trình thực hiện hệ thống hoá văn bản QPPL. |
|  | Bộ Công an | Cân nhắc sửa đổi, bổ sung Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: Thứ tự sắp xếp căn cứ ban hành văn bản, thứ tự sắp xếp đối với trường hợp cùng là văn bản quy định nội dung, cơ sở ban hành văn bản; thứ tự sắp xếp đối với văn bản quy định nội dung, cơ sở ban hành văn bản và văn bản quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành; thứ tự sắp xếp các văn bản có cùng cấp bậc hiệu lực pháp lý (sắp xếp theo thời gian được ban hành); quy định cụ thể kỹ thuật trình bày văn bản được sửa đổi, bổ sung làm căn cứ ban hành văn bản. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ Công an | Bổ sung các quy định liên quan đến kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thuộc bí mật nhà nước; cụ thể là thiết kế thành 01 Chương riêng bên cạnh Chương về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật (Chương VIII) của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung năm 2020) hoặc 01 mục trong Chương về Kiểm tra văn bản nói chung (đã được trao đổi tại Công văn số 2210/BCA-V03 ngày 06/7/2023 của Bộ Công an). | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu. |
|  | Bộ Công an | Bổ sung các quy định về quy trình, thủ tục, hồ sơ của việc xây dựng nghị định theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Ban hành VBQPPL. | Việc xây dựng nghị định theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Ban hành VBQPPL theo quy trình chung của việc xây dựng nghị định và có một số quy định riêng và đã được quy định tại Luật ban hành VBQPPL. |
|  | Bộ Công an | Tại khoản 1 Điều 27 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: Bỏ quy định “không quá ½ số thành viên là các chuyên gia của cơ quan chủ trì soạn thảo”, vì thực tiễn có văn bản QPPL liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều đơn vị trực thuộc cơ quan chủ trì soạn thảo mà cần phải có đại diện của các đơn vị này trong Ban soạn thảo, Tổ biên tập nên giới hạn không quá ½ số thành viên thì không thể có đầy đủ đại diện của các đơn vị có liên quan tham gia xây dựng dự thảo văn bản. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ Công an | Rà soát, sửa đổi các quy định về cơ quan nhà nước cấp trên để xác định rõ là những cơ quan nào, không quy định tùy nghi, hiểu theo nhiều nghĩa. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ NN&PTNT | Đề nghị bổ sung điểm c vào khoản 1 Điều 143 Nghị định 34/2016/NĐ-CP như sau: Đối với trường hợp một phần VBQPPL bị bãi bỏ, phần còn lại của văn bản chưa bị bãi bỏ. Vậy, khi bãi bỏ phần còn lại của văn bản đó sẽ thực hiện bãi bỏ toàn bộ văn bản đó hay chỉ thực hiện bãi bỏ một phần còn lại của văn bản, sau đó công bố hết hiệu lực toàn bộ văn bản? | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Bộ NN&PTNT | Tại Điều 151 Nghị định 34/2016/NĐ-CP: Đề nghị xem xét bỏ quy định lập Phiếu rà soát văn bản, mà thực hiện rà soát theo biểu mẫu Bảng rà soát như rà soát theo chuyên đề thời gian vừa qua. | Không tiếp thu. Phiếu rà soát văn bản được lập để phục vụ việc rà soát với từng văn bản cụ thể (khi phát sinh căn cứ rà soát) của người thực hiện rà soát văn bản. Bảng rà soát như rà soát theo chuyên đề thời gian vừa qua là bảng tổng hợp kết quả rà soát (gồm nhiều văn bản) của bộ, ngành, địa phương báo cáo cơ quan có thẩm quyền. Theo đó, việc bỏ phiếu rà soát văn bản tại thời điểm hiện nay chưa phù hợp. |
|  | Bộ NN&PTNT | Đề nghị cho phép ban hành thông tư thay thế thông tư có quy định TTHC đã được ban hành trước ngày 01/7/2016 nhưng đảm bảo nguyên tắc không làm phát sinh thủ tục hành chính mới hoặc quy định thêm thành phần hồ sơ, yêu cầu, điều kiện, tăng thời gian giải quyết TTHC đang áp dụng. | Khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành VBQPPL nghiêm cấm *Quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này.* Nên trường hợp thủ tục hành chính được luật, nghị quyết của Quốc hội giao thì vẫn được quy định trong Thông tư |
|  | Bộ NN&PTNT | Đối với các Nghị định đã được Thủ tướng Chính phủ giao: (1) có phải lập đề nghị không? (2) trường hợp phải lập đề nghị thì cần hướng dẫn rõ ở trong dự thảo nghị định sửa đổi, bổ sung | Điều 84 Luật Ban hành VBQPPL đã quy định trường hợp đề nghị xây dựng nghị định |
|  | Bộ NN&PTNT | Quy định rõ trường hợp nào cần thẩm định lại/ lấy lại ý kiến của các tổ chức, cá nhân đối với dự án, dự thảo. Quy định rõ vai trò, trách nhiệm của bộ, ngành ở giai đoạn đã gửi dự án luật sang Quốc hội mà các Bộ phát biểu khác với dự thảo mà Chính phủ đã trình Quốc hội. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Cục ĐKQG GDBĐ | Tại các khoản của Điều 1, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung sử dụng nhiều lần cụm từ “Trường hợp cần thiết” (Ví dụ: “Trường hợp cần thiết, Bộ Tư pháp có thể tổ chức họp...để lấy ý kiến” tại khoản 6; “Trường hợp cần thiết, tổ chức họp tư vấn thẩm định hoặc thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định có sự tham gia của đại diện Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao và cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học”tại điểm a khoản 7; “Trường hợp cần thiết, tổ chức họp tư vấn thẩm định hoặc thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định có sự tham gia của đại diện Sở Tài chính, Sở Nội vụ và cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học”tại điểm b khoản 7). Theo các quy định trên, dự thảo Nghị định đang quy định “trường hợp cần thiết” là điều kiện để Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp tổ chức họp lấy ý kiến, họp tư vấn thẩm định hoặc thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định. Tuy nhiên, hiện chưa có hướng dẫn cũng như cách hiểu thống nhất thế nào là “trường hợp cần thiết”. Điều này có thể dẫn đến việc tùy tiện trong áp dụng. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét cụ thể hóa các quy định nêu trên. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Hà Nam | Quy định hiệu lực trở về trước: đề nghị bổ sung, hướng dẫn rõ thế nào là có hiệu lực trở về trước để áp dụng trong thực tiễn cho phù hợp. | Việc quy định hiệu lực trở về trước đã được quy định tại điều 152 Luật Ban hành VBQPPL |
|  | HĐND tỉnh Hà Nam | Hướng dẫn cách xác định các trường hợp cần thiết được quy định TTHC trong nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành theo khoản 4 Điều 27 của Luật BHVBQPPL, tránh lạm dụng việc ban hành TTHC trong nghị quyết của HĐND tỉnh. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Hà Nam | Về ngày có hiệu lực: đề nghị hướng dẫn việc lựa chọn ngày có hiệu lực của văn bản trường hợp nào tính từ ngày thông qua và trường hợp nào tính từ ngày ban hành. | Đối với cơ quan nhà nước ở Trung ương: Ngày thông qua được tính đối với VBQPPL do Quốc hội thông qua. Ngày Ban hành được tính đối với các VBQPPL còn lại.  Đối với cơ quan nhà nước ở địa phương: Ngày thông qua được áp dụng đối với Nghị quyết của HĐND.  Ngày ban hành áp dụng đối với quyết định của UBND. |
|  | UBND tỉnh Lai Châu | Khoản 3 Điều 1 của dự thảo có nội dung *“Bãi bỏ Điều 4 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP”*; nội dung này không phù hợp với tên gọi của Điều 1 vì tên gọi của Điều 1 là *“Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP…”*, do đó đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Hải Dương | Đề nghị sửa khoản 2 Điều 25 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: vì nội dung khoản này chỉ quy định trách nhiệm của cơ quan trung ương, không quy định trách nhiệm của cơ quan ở địa phương. Trong khi địa phương cũng có thẩm quyền ban hành VBQPPL (quy định như tại khoản 2 có thể dẫn đến cách hiểu việc ban hành VBQPPL của địa phương cũng cần có sự tham gia của BTP và VPCP) | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Hải Dương | Khoản 6 Điều 49: Đối với VBQPPL của địa phương thì tùy theo từng nội dung, phạm vi điều chỉnh mà đối tượng lấy ý kiến khác nhau. Việc quy định cứng về sự tham gia của “các chuyên gia, nhà khoa học có liên quan” là không phù hợp. | Khoản 6 Điều 49 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định “các chuyên gia, nhà khoa học **có liên quan**” tức là chỉ trong trường hợp có liên quan mới mời tham gia chứ không phải quy định cứng mọi trường hợp đều tham gia. |
|  | UBND tỉnh Hải Dương | Đề nghị bổ sung:  - Biện pháp xử lý đối với các VB không chứa QPPL nhưng được ban hành dưới hình thức VBQPPL  - Bổ sung làm rõ căn cứ, cơ sở nhận diện VBQPPL của địa phương quy định tại Điều 27, 28 Luật BHVBQPPL  - Làm rõ các trường hợp ban hành VB theo trình tự, thủ tục rút gọn quy định tại Điều 147 Luật BHVBQPPL.  - Bổ sung mẫu báo cáo thẩm định vào PL V để đảm bảo thống nhất về bố cục, nội dung. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Bắc Ninh, STP tỉnh Thanh Hoá, HĐND tỉnh Nam Định, HĐND tỉnh Phú Thọ, HĐND tỉnh Nghệ An, HĐND tỉnh Bắc Ninh, HĐND tỉnh Thanh Hoá | Khoản 1 Điều 127 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm đề nghị xây dựng quyết định của UBND cấp tỉnh”. Quy định như vậy là chưa chặt chẽ bởi theo quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/04/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và Công an tỉnh không phải là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh. Như vậy, theo quy định tại Điều 127 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì hai cơ quan trên không được quyền đề nghị xây dựng quyết định của UBND cấp tỉnh. Lĩnh vực quốc phòng và an ninh là các lĩnh vực lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đảm bảo trật tự an toàn xã hội tại mỗi địa phương, việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh để quản lý nhà nước là vô cùng cần thiết. Việc lập đề nghị xây dựng văn bản về hai lĩnh vực trên do cơ quan nào thực hiện thì chưa có quy định. Do vậy, dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP cần thiết phải quy định cụ thể nội dung này để đảm bảo hướng dẫn chặt chẽ Điều 127 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | Việc quy định cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh có trách nhiệm đề nghị xây dựng VBQPPL được quy định tại Luật Ban hành VBQPPL, do vậy Nghị định không thể quy định khác Luật được. |
|  | UBND TP Hải Phòng | Đề nghị quy định rõ việc tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách tại khoản 1 Điều 10 | Việc xác định đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản căn cứ vào nội dung từng văn bản cụ thể. |
|  | UBND TP Hải Phòng | Theo quy định tại khoản 5 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì thẩm quyền công bố danh mục văn bản hết hiệu lực là UBND các cấp hoặc thường trực HĐND, HĐND cùng cấp. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi NĐ 154) thì “...Chủ tịch UBND các cấp ban hành VB hành chính công bố danh mục...”, theo đó thẩm quyền công bố danh mục của địa phương là Chủ tịch UBND các cấp và chỉ thực hiện định kỳ hằng năm. Như vậy quy định về thẩm quyền công bố danh mục chưa thống nhất, đề nghị giữ quy định tại khoản 1 Điều 57 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi NĐ 154), xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP cho thống nhất. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND TP Hải Phòng | Khoản 2 Điều 64 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và PL ban hành kèm theo NĐ 154 chưa thống nhất. Đề nghị bãi bỏ khoản 2 Điều 64 để bảo đảm thống nhất | Dự thảo Nghị định đã sửa đổi nội dung này |
|  | UBND TP Hải Phòng | Đề nghị sửa khoản 2 Điều 77 để tránh việc tên của văn bản sửa đổi bổ sung quá dài, trùng lắp trong quá trình viện dẫn | Không tiếp thu |
|  | UBND TP Hải Phòng, UBND tỉnh Quảng Bình, STP tỉnh Quảng Trị | Đề nghị kéo dài thời hạn xử lý văn bản tại Điều 125 để đảm bảo đủ thời gian thực hiện theo quy trình xây dựng và ban hành VBQPPL | Cơ quan ban hành văn bản có thể ap dụng khoản 4 Điều 146 Luật Ban hành văn bản QPPL để xử lý văn bản trái pháp luật bảo đảm tính kịp thời trong xử lý văn bản bản trái pháp luật. |
|  | UBND TP Hải Phòng | Bổ sung quy định TH trong quá trình tiếp thu, chỉnh lý NQ đặc thù của HĐND nếu có sự thay đổi lớn về chính sách so với chính sách đã được thông qua thì xử lý như thế nào? Nội dung thành phần nào của chính sách sẽ phải thông qua cụ thể? Xử lý khi các nội dung, thành phần này có điều chỉnh. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND TP Hải Phòng | Bổ sung quy định xử lý trong trường hợp pháp luật giao Chính phủ, bộ ban hành văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết nhưng chưa quy định thì địa phương có được ban hành theo quy định tại Điều 27, 28 của Luật ko? Đề nghị làm rõ nội hàm khoản 3 Điều 28 trong trường hợp này. | Không tiếp thu |
|  | UBND TP Hải Phòng | Đề nghị rà soát, chỉnh lý từ “ngày” thành “ngày làm việc” để thống nhất quy định về thời hạn. | Không tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Lâm Đồng | Phần tên gọi, đề nghị bổ sung đường kẻ ngang, nét liền phía dưới phần tên gọi cho phù hợp với Mẫu số 28 Phụ lục I | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Lâm Đồng | Đề nghị xem lại quy định tại khoản 1 Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi NĐ 154) vì trên thực tiễn số lượng cấp xã ban hành VBQPPL không nhiều. Do đó, chỉnh lý thời gian công bố danh mục VB hết hiệu lực, ngưng hiệu lực đối với cấp xã là 05 năm cho phù hợp với số lượng VB ban hành trên thực tiễn. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND thành phố Cần Thơ | Tại khoản 2 Điều 52 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP  “2. Báo cáo thẩm định kết luận và nêu rõ ý kiến về dự thảo đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp kết luận dự thảo không đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì phải nêu rõ lý do trong báo cáo thẩm định”. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Bạc Liêu | - Đề nghị bổ sung quy định thành lập Ban soạn thảo đối với việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND tỉnh  - Tại khoản 3 Điều 130 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: kiến nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định cụ thể đối với đính chính quyết định của UBND tỉnh thì do UBND tỉnh hay giao cho Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện. | Luật Ban hành VBQPPL không quy định trường hợp thành lập Ban soạn thảo đối với việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND tỉnh nên dự thảo Nghị định không hướng dẫn được |
|  | HĐND tỉnh Vĩnh Long | Đề nghị bổ sung tổng thời gian dự thảo văn bản quy phạm pháp luật không được sớm hơn bao nhiêu ngày đối với trường hợp rút gọn | Không tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Vĩnh Long | - Tại điểm d khoản 5 Điều 62 của NĐ số 34 quy định “ Số thứ tự các khoản trong mỗi mục”. Tuy nhiên, việc sử dụng từ ngữ này là chưa rõ, theo quy định về bố cục văn bản thì khoản thuộc điều. Do đó, đề nghị xem xét điều chỉnh thành “ Số thứ tự các khoản trong mỗi điều”.  - Theo Mẫu số 44 của Phụ lục I ban hành kèm theo NĐ số 154 thì phía dưới tên của “Phụ lục” là cụm từ “ Ban hành kèm theo…”. Tuy nhiên, tại các Phụ lục ban hành kèm theo NĐ số 154 đều khong có cụm từ “ Ban hành” mà được trình bày bằng cụm từ “Kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP…của Chính phủ”. Do chưa có sự thống nhất, nên trong công tác thẩm định, góp ý ở địa phương chưa có cơ sở để góp ý đối với lỗi kỹ thuật có liên quan.  - Tại mục 1 Phần I của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP không quy định trường hợp viết hoa sau dấu “:”, tuy nhiên ngay trong nội dung của Phụ lục thì lại viết hoa sau dấu “:”. Vấn đề này tại địa phương cũng chưa thực hiện thống nhất vì không có cơ sở thuyết phục để thực hiện. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | STP tỉnh Sơn La | Tại Điều 54 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định Phòng Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự thảo Nghị quyết, Quyết định do HĐND, UBND cấp huyện ban hành. Tuy nhiên, Điều 54 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP chỉ quy định việc thẩm định đối với dự thảo văn bản có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực mà chưa quy định cụ thể việc thẩm định đối với dự thảo văn bản do Phòng Tư pháp chủ trì soạn thảo (tại khoản 1 Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 đã quy định cụ thể việc thẩm định đối với dự thảo văn bản do Sở Tư pháp chủ trì soạn thảo) gây khó khăn cho Phòng Tư pháp trong công tác thẩm định văn bản. Do đó, đề nghị bổ sung quy định cụ thể về việc thẩm định đối với dự thảo văn bản do Phòng Tư pháp chủ trì soạn thảo. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Hải Dương | Đề nghị hướng dẫn cụ thể để phân biệt các thời điểm hiệu lực trong văn bản quy phạm pháp luật: 01 loại hiệu lực của văn bản, 01 loại hiệu lực thi hành các chính sách trong văn bản. | Không tiếp thu |
|  | STP tỉnh Cao Bằng | Theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành không quy định công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã có nhiệm vụ thẩm định dự thảo VBQPPL. Tuy nhiên, tại điểm b, khoản 5 Điều 11 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 quy định về cán bộ công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định nhiệm vụ của công chức Tư pháp – hộ tịch “giúp UBND cấp xã thẩm định việc soạn thảo, ban hành các văn bản theo quy định của pháp luật; giúp UBND cấp xã tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với VBQPPL theo kế hoạch của UBND cấp xã và hướng dẫn của cơ quan cấp trên”. Vì vậy, đề nghị xem xét quy định cho thống nhất. | Luật Ban hành VBQPPL và Nghị định hướng dẫn thi hành quy định chung, không quy định cá nhân cụ thể. Nghị định số 33/2023/NĐ-CP quy định cụ thể về cá nhân, do vậy không mâu thuẫn |
|  | STP tỉnh Cao Bằng | Đề nghị bổ sung khoản 2 Điều 54 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định về thẩm định đối với trường hợp Phòng Tư pháp là cơ quan chủ trì soạn thảo dự thảo VBQPPL, cụ thể “đối với dự thảo có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực hoặc do Phòng Tư pháp chủ trì soạn thảo thì trước khi tiến hành thẩm định, Phòng Tư pháp có thể tổ chức cuộc họp lấy ý kiến của các cơ quan ban ngành, chuyên gia, nhà khoa học. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | STP tỉnh Cao Bằng | Đề nghị sửa đổi Điều 51 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP theo hướng đa dạng hình thức tổ chức tư vấn thẩm định (bằng văn bản, bằng phiếu lấy ý kiến, họp,…) vì trên thực tế đối với các dự thảo VBQPPL có nội dung đơn giản thì không cần thiết tổ chức họp. | Luật Ban hành VBQPPL đã quy định nội dung này |
|  | STP tỉnh Tiền Giang | + Về thời hạn gửi văn bản đến cơ quan kiểm tra:  Tại Điều 121 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: “Trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản phải gửi văn bản đến cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản.”  Đề nghị xem xét, quy định thời hạn gửi văn bản đến cơ quan kiểm tra cho phù hợp vì đối với nghị quyết của HĐND thì thời điểm thông qua và thời điểm ký ban hành là khác nhau. Tại thời điểm thông qua thì các đại biểu chỉ thông qua dự thảo nghị quyết tại kỳ họp, sau đó bộ phận chuyên môn của HĐND sẽ chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến góp ý của các đại biểu tại cuộc họp, sau 3-5 ngày mới được trình Chủ tịch HĐND ký chính thức.  + Đề nghị bổ sung quy định về thời hạn kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo tính kịp thời trong phát hiện, kiến nghị xử lý văn bản trái pháp luật. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | STP tỉnh Thái Nguyên | Các trường hợp ban hành văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND được quy định từ Điều 27 đến Điều 30 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tuy nhiên, ngoài trường hợp ban hành văn bản QPPL để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, thì các trường hợp còn lại rất chung chung, khó phân biệt, từ đó khó khăn trong xác định quy trình xây dựng văn bản tương ứng với từng trường hợp.  Đề nghị bổ sung trong dự thảo Nghị định việc giải thích, cụ thể hóa các trường hợp ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND các cấp. | Luật Ban hành VBQPPL quy định việc giải thích VBQPPL thuộc thẩm quyền của UBTVQH |
|  | UBND tỉnh Yên Bái | Tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định về việc bãi bỏ Điều 4 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Đề nghị kết cấu lại khoản này cho phù hợp Mẫu số 28 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP | Tiếp thu |
|  | HĐND TP Hồ Chí Minh | Điều 118 chưa quy định cụ thể thời hạn để Thường trực HĐND cấp tỉnh trả lời đối với đề nghị xây dựng nghị quyết, kiến nghị bổ sung thời hạn. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Yên Bái | Đề nghị tách đoạn 2 khoản 2 Điều 18 NĐ 34 “Trường hợp chấp thuận ….cho việc soạn thảo” thành 1 điều riêng cụ thể, từ việc tiếp nhận hồ sơ, phân công ban của HĐND thẩm tra, thời hạn thẩm tra, báo cáo kết quả thẩm tra, trách nhiệm tham mưu xây dựng văn bản chấp thuận, nội dung, hình thức vb chấp thuận của Thường trực HĐND. Nghiên cứu sửa đổi Luật năm 2020 quy định các Ban của HĐND cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện thẩm tra đề nghị xây dựng NQ. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Yên Bái | Bổ sung quy định HĐND cấp tỉnh ban hành Chương trình xây dựng NQ QPPL hằng năm để đảm bảo chủ động trong việc giao việc cho UBND tỉnh đề xuất về đề nghị xây dựng NQ của HĐND cấp tỉnh. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh Yên Bái | Bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể Điều 27 của Luật BHVBQPPL | Luật Ban hành VBQPPL quy định việc giải thích VBQPPL thuộc thẩm quyền của UBTVQH |
|  | HĐND tỉnh Yên Bái | Quy định và hướng dẫn cụ thể mẫu, hình thức, nội dung VB chấp thuận đề nghị xây dựng NQ của Thường trực HĐND |  |
|  | HĐND tỉnh Yên Bái | Bổ sung trách nhiệm của STP trong việc cho ý kiến về đề nghị xây dựng NQ của HĐND tỉnh tại Điều 27 Luật trước khi UBND tỉnh gửi đến Thường trực HĐND xem xét quyết định. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Sóc Trăng | Kiến nghị sửa Điều 28, quy định trách nhiệm đề xuất và lập danh muc VB quy định chi tiết luật, NQ của QH để địa phương có cơ sở tổ chức thực hiện. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Sóc Trăng | Theo Điều 111 Luật thì đề nghị xây dựng NQ để quy định chi tiết điều, khoản, điểm hay đề nghị xây dựng NQ có nội dung khoản 4 Điều 27 đều phải lập đề nghị xây dựng, trong đó lập đề nghị xây dựng đối với các TH này là khác nhau.  Theo đó Chương II nêu “Lập đề nghị xây dựng VBQPPL”, trong đó các Điều 10. 11. 13....18 sử dụng cụm từ “đề nghị xây dựng VBQPPL” tuy nhiên việc sử dụng cụm từ này chưa rõ hướng dẫn chung tất cả TH hay chỉ riêng với khoản 4 Điều 27. Đề nghị xem xét cụm từ “đề nghị xây dựng VBQPPL” theo ướng làm rõ “có nội dung khoản 4 Điều 27 của Luật” để thống nhất với mẫu ố 02 kèm theo dự thảo. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Sóc Trăng | Điều 121. 130 quy định: BCTĐ phải thể hiện rõ ý kiến của cơ quan thẩm định về nội dung thẩm định quy định tại khoản 3 Điều này và ý kiến về việc dự thảo NQ đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện trình UBND. Tuy nhiên chưa hướng dẫn rõ TH nào sẽ đủ điều kiện trình và TH nào chưa đủ đk trình. Đề nghị làm rõ. |  |
|  | HĐND tỉnh Tây Ninh | Kiến nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn về việc xây dựng, thẩm tra và ban hành nghị quyết cá biệt để thực hiện đồng bộ và thống nhất | Luật Ban hành VBQPPL và Nghị định hướng dẫn thi hành chỉ điều chỉnh các VBQPPL. Các văn bản hành chỉnh được điều chỉnh bởi Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về công tác văn thư |
|  | UBND tỉnh Đăk Lăk | Tại tên Điều 1: Đề nghị bỏ các nội dung “*sau đây gọi là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP”; “sau đây gọi là Nghị định số 154/2020/NĐ-CP”* cho ngắn gọn, phù hợp hơn, vì theo Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP) thì trong lần viện dẫn tiếp theo đối với Nghị định, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó. Do đó, không cần chú thích gọi tắt thì các văn bản này vẫn mặc nhiên được gọi tắt như trên. | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Đăk Lăk | Tại khoản 3 Điều 1 Dự thảo: Đề nghị nghiên cứu bố cục nội dung này thành một điều riêng cho phù hợp, logic hơn. | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Quảng Bình | Đề nghị sửa đổi về đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND cấp tỉnh theo hướng tách riêng nội dung, cách thức thực hiện đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL của Trung ương với VBQPPL của địa phương. Theo đó, các nội dung đánh giá tác động chính sách trong Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh nên quy định đơn giản hơn so với nội dung đánh giá tác động chính sách trong VBQPPL Trung ương. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Quảng Bình | Về quy định trình UBND cấp tỉnh, cấp huyện dự thảo Nghị quyết hoặc dự thảo Quyết định: Đề nghị bổ sung quy định về thời hạn sau bao nhiêu này kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp thì cơ quan soạn thảo phải hoàn thiện văn bản trình dự thảo gửi UBND cấp tỉnh, cấp huyện để xem xét, quyết định. Quá thời hạn trên mà cơ quan soạn thảo chưa trình UBND cùng cấp thì phải thực hiện thẩm định lại | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Quảng Bình | Đề nghị bỏ nội dung Sở Tư pháp phối hợp với Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND cấp tỉnh lập và trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định trình Thường trực HĐND cấp tỉnh quyết định danh mục Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc Hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước quy định tại điểm a khoản 3 Điều 28 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Bình Dương | Đề nghị xem xét lại việc quy định nội dung trình tự, thủ tục rút gọn nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại khoản 2 Điều 148 Luật năm 2015; theo quy định “Cơ quan chủ trì soạn thảo có thể tổ chức lấy ý kiến” vậy trường hợp nào để xác định dự thảo văn bản cần được tổ chức lấy ý kiến; dự thảo văn bản áp dụng theo trình tự rút gọn thì có đăng lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử hay không. Đề nghị cơ quan soạn thảo văn bản quy định cụ thể các nội dung nêu trên. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | HĐND tỉnh An Giang | Khoản 2 Điều 8 Nghị định 34/2016/NĐ-CP , đề nghị điều chỉnh cụm từ “Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội” thành “Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh”. | Nghị định số 154/2020/NĐ-CP đã sửa đổi Nghị định 34/2016/NĐ-CP: Bỏ cụm từ “Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội” tại khoản 2 Điều 8; |
|  | UBND tỉnh Quảng Ninh | Đề nghị Bộ Tư pháp rà soát để sửa đổi cụm từ “Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam” thành “Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam”. Lý do: Vì đã được đổi tên theo Quyết định số 1496/QĐ-TTg ngày 30/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ. | Tiếp thu |
|  | UBND tỉnh Quảng Ninh | Tại Luật và 02 Nghị định chưa quy định thời hạn thực hiện ở một số khâu trong trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL, ví dụ: thời hạn để Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ được quy định tại Điều 118 của Luật; thời hạn để Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản sau khi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 33 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Do đó đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu bổ sung nội dung quy định về thời hạn đối với nhiệm vụ này. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Quảng Ninh | Việc hạn chế quy định thủ tục hành chính trong quyết định của Ủy ban nhân dân chưa thật sự hợp lý, vì trong trường hợp quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành những biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương nhưng không được quy định thủ tục hành chính để thực hiện là không khả thi. Vì vậy, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được ban hành thủ tục hành chính đối với những quyết định khi ban hành để thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương. | Nội dung này được quy định trong Luật Ban hành VBQPPL do vậy Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu trong quá trình sửa đổi Luật Ban hành VBQPPL thời gian tới. |
|  | UBND tỉnh Quảng Ninh | Tại Điều 29a Nghị định số 34/2016/NĐ-CP[1] (được bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định trách nhiệm xây dựng, theo dõi, đôn đốc việc ban hành văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện quy định của Điều này, tại địa phương hầu như không nhận được thông báo của các bộ, ngành giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết đối với những văn bản do cấp trên đã ban hành. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu bổ sung nội dung *“Bộ Tư pháp đôn đốc các Bộ, ngành thực hiện gửi thông báo bằng văn bản cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về danh mục nội dung nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ Thông tư của Bộ trưởng, giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết”* vào Điều 29a Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND tỉnh Quảng Ninh | Đề nghị bãi bỏ khoản 3 Điều 28 và khoản 3 Điều 29 của Nghị định số 34 về trách nhiệm lập danh mục quy định chi tiết của địa phương vì khoản 3 Điều 28 quy định về trách nhiệm đề xuất và lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước nhưng không quy định rõ việc lập danh mục quy định chi tiết này nằm ở giai đoạn nào trong quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL và danh mục cần những thông tin, nội dung nào. Hiện nay, việc lập danh mục quy định chi tiết thường được thực hiện trước khi thực hiện lập đề nghị xây dựng văn bản và tại bước lập danh mục, cơ quan chuyên môn chỉ đề xuất được tên văn bản, dự kiến thời gian soạn thảo và ban hành; cơ quan chuyên môn sẽ chưa thực hiện các nội dung cụ thể như việc lập đề nghị. Tuy nhiên, có trường hợp, mặc dù đang ở bước lập danh mục nhưng cơ quan ban hành danh mục (Thường trực HĐND cấp tỉnh) yêu cầu cơ quan chuyên môn phải đánh giá, đề xuất được nội dung cụ thể của văn bản như ở giai đoạn lập đề nghị xây dựng văn bản dẫn đến tốn thời gian, cơ quan chuyên môn lúng túng không thể tách bạch bước lập danh mục văn bản quy định chi tiết và bước lập đề nghị xây dựng văn bản. Bên cạnh đó, địa phương thường không ban hành văn bản quy định chi tiết ngay sau khi luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước được ban hành mà cần đợi hướng dẫn từ nghị định của Chính phủ hay thông tư của Bộ trưởng. Như vậy việc lập danh mục quy định chi tiết tại địa phương không thật sự có ý nghĩa.  - Luật ban hành VBQPPL hay Nghị định số 34 chưa có quy định rõ về việc Sở Tư pháp chỉ thực hiện thẩm định một lần đối với một đề nghị xây dựng nghị quyết hoặc một dự thảo VBQPPL, hay phải thẩm định lại nhiều lần theo đề nghị của cơ quan lập đè nghị, cơ quan soạn thảo. Hiện nay, trong thực tiễn xây dựng VBQPPL tại địa phương, vẫn còn tình trạng đề nghị xây dựng văn bản được STP thẩm định nhưng trong quá trình chỉnh lý, trình có sự chỉnh sửa, thay đổi nội dung đề nghị sau đó lại đề nghị Sở Tư pháp thẩm định lại. Điều này dẫn đến việc Sở Tư pháp phải thẩm định lại nhiều lần đối với một đề nghị xây dựng văn bản, kéo dài thời gian xây dựng, ban hành văn bản. Do đó, đề xuất bổ sung quy định Sở Tư pháp chỉ thực hiện thẩm định một lần đối với một đề nghị xây dựng nghị quyết hoặc một dự thảo VBQPPL.  - Quy định rõ về việc trong trường hợp xây dựng nghị quyết chính sách thì có được áp dụng trình tự, thủ tục hay không? Bên cạnh đó, đề nghị bổ sung cho phép áp dụng thủ tục rút gọn đối với trường hợp ban hành văn bản chỉ để bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung của VBQPPL. Bởi đối với những trường hợp này, việc đề xuất bãi bỏ được thực hiện trên cơ sở kết quả rà soát văn bản. Do đó, khi đã có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc bãi bỏ văn bản thì việc tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo văn bản bãi bỏ VBQPPL là không cần thiết, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý văn bản.  - Điểm a khoản 3 Điều 139 NĐ số 34 quy định UBND rà soát, hệ thống hóa văn bản của HĐND cùng cấp, phối hợp với thường trực HĐND xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản của HĐND. Công tác rà soát được thực hiện thường xuyên, ngay khi phát sinh căn cứ rà soát trong khi HĐND làm việc theo chế độ hội nghị và mỗi năm có hai kỳ họp. Do đó, nếu thực hiện theo quy định thì khi UBND rà soát nghị quyết của HĐND xong phải đợi HĐND họp xong mới trình thông qua chủ trương xử lý kết quả rà soát, sau đó mới tiến hành quy trình xây dựng VBQPPL để xử lý kết quả rà soát, dẫn đến thời gian xử lý kết quả rà soát kéo dài. Do đó, đề xuất điều chỉnh điểm a khoản 3 Điều 139 Nghị định số 34 theo hướng UBND rà soát, hệ thống hóa VBQPPL của HĐND cùng cấp, trình Thường trực HĐND cùng cấp thông qua chủ trương xử lý kết quả rà soát đối với VBQPPL của HĐND, sau khi có chủ trương xử lý kết quả rà soát của Thường trực HĐND, UBND tiến hành quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL để trình HĐND thông qua văn bản xử lý văn bản được rà soát.  - Hiện nay, việc rà soát VBQPPL và đề nghị xây dựng VBQPPL (đối với văn bản đã ban hành cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ) đều phải thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, kết quả của việc rà soát và lập đề nghị xây dựng quyết định đều giống nhau, đó là chủ trương ban hành văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản hiện hành, trong khi đó, thẩm quyền xử lý kết quả rà soát (HĐND, UBND) và thẩm quyền chấp thuận đề nghị xây dựng văn bản (Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND) là khác nhau. Do đó, đề nghị điều chỉnh theo hướng, đối với những văn bản hiện hành mà cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì chỉ thực hiện thủ tục rà soát để đề xuất xử lý và giao thẩm quyền cho Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND. Trường hợp ban hành mới thì phải lập đề nghị xây dựng văn bản như quy định hiện hành. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | Vụ Pháp luật quốc tế, Bộ Tư pháp | Đề nghị bổ sung vào dự thảo Nghị định một số quy định theo hướng:  - Nhấn mạnh trách nhiệm của Bộ Ngoại giao trong việc có ý kiến về tính tương thích của đề nghị xây dựng, dự án, dự thảo VBQPPL với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;  - Yêu cầu hồ sơ đề nghị thẩm định phải có Báo cáo của cơ quan chủ trì về tính tương thích với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Hiện nay, Luật BHVBQPPL không có quy định về vấn đề này nhưng theo một số điều khoản của Luật này (như Điều 58, Điều 92, Điều 98...) thì hồ sơ đề nghị thẩm định có thể bao gồm các tài liệu khác (nếu có) và việc yêu cầu bổ sung Báo cáo như vậy là phù hợp với các quy định của Luật Ban hành VBQPPL. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | UBND thành phố Hồ Chí Minh | - Qua thực tiễn quản lý nhà nước và kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp nhận thấy các cơ quan, đơn vị khi tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật còn gặp nhiều lúng túng trong việc xác định nội dung nào thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 27, trường hợp nào thuộc quy định tại khoản 3 Điều 27 nêu trên. Do đó, đề nghị bổ sung quy định cụ thể để xác định, phân biệt các trường hợp nêu trên để thuận lợi khi thực hiện đánh giá tác động chính sách đối với các nội dung của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.  - Đề nghị bổ sung giải thích từ ngữ về “trường hợp khẩn cấp, cấp bách” được quy định tại khoản 1 Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) để các cơ quan, đơn vị có cách hiểu thống nhất trong việc xác định trường hợp được xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn.  - Đề nghị bổ sung biểu mẫu Tờ trình lập đề nghị xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp và biểu mẫu Văn bản chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp;  - Đề nghị bổ sung tên của các điều trong các Mẫu văn bản ban hành kèm theo Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục…vì:  + Khoản 3 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định bố cục của văn bản, trong đó quy định: “*3. Phần, chương, mục, tiểu mục, điều trong văn bản phải có tên. Tên là cụm từ chỉ nội dung chính của phần, chương, mục, tiểu mục, điều*”.  + Tuy nhiên, đối với các Mẫu văn bản quy phạm pháp luật ban hành kèm Quy định/Quy chế/Điều lệ/Danh mục… nêu tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP chưa thể hiện tên của các Điều.  - Đề nghị bổ sung mẫu quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận (nơi tổ chức chính quyền đô thị, không tổ chức Hội đồng nhân dân): Ngày 21/9/2022, Bộ Tư pháp có Công văn số 3517/BTP-VĐCXDPL về trả lời vướng mắc khi thực hiện chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó có hướng dẫn thể thức, kỹ thuật trình bày quyết định quy phạm của Ủy ban nhân dân quận và thẩm quyền ký Quyết định, do đó tại Dự thảo lần này đề nghị bổ sung mẫu quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận để thực hiện thống nhất. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | STP thành phố Hà Nội | Về quy định dự kiến ngày có hiệu lực văn bản, hiện các cơ quan đã triển khai chữ ký số, việc trình ký và điền số ngày có hiệu lực bằng tay không khả thi, nếu cơ quan soạn thảo chốt hiệu lực trước thì với Nghị quyết của HĐND thì dự kiến được ngày, còn với Quyết định thì phụ thuộc và thời gian trình, họp UBND và không có mốc thời gian cụ thể, không dự kiến được ngày có hiệu lực chính xác. | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |
|  | STP thành phố Hà Nội | Đối với văn bản bãi bỏ VBQPPL có bắt buộc phải ban hành theo trình tự rút gọn không hay ban hành theo trình tự bình thường, nên quy định rõ để thống nhất thực hiện. | Khoản 4 điều 146 Luật Ban hành VBQPPL đã quy định về nội dung này |
|  | STP thành phố Hà Nội | Nên quy định cụ thể thời gian, thời điểm Thường trực HĐND ban hành văn bản chấp thuận hay không chấp thuận đối với đề nghị xây dựng nghị quyết để đảm bảo tiến độ xây dựng và thẩm định và trình Nghị quyết, tranh trường hợp nhiều cơ quan đã chuẩn bị sát đến kỳ họp mà đề nghị xây dựng Nghị quyết vẫn chưa được chấp thuận hay không chấp thuận. Nên nghiên cứu bổ sung quy định mẫu hoặc nội dung chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết phải nêu rõ chấp thuận về nội dung gì, chính sách gì để khi thẩm định dự thảo có cơ sở để đối chiếu các chính sách đó đã được chấp thuận hay không, thực tế các văn bản chấp thuận chỉ có đồng ý hay không đồng ý cho phép xây dựng Nghị quyết | Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu |

1. - Điểm a khoản 2 Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định: *“Người đứng đầu tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ là đầu mối giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện việc tự kiểm tra thông tư, thông tư liên tịch do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành.”.*

   - Khoản 1 Điều 113 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định: *“Người đứng đầu tổ chức pháp chế bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra văn bản thuộc thẩm quyền kiểm tra của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.”.* [↑](#footnote-ref-1)
2. Điểm b, điểm c khoản 1 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định:

   *“b) Thủ trưởng các đơn vị chuyên môn thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị mình. Người đứng đầu tổ chức pháp chế hoặc người đứng đầu đơn vị được giao thực hiện công tác pháp chế ở Tổng cục và tương đương, Cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Tổng cục trưởng, Cục trưởng thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình;*

   *c) Người đứng đầu tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của bộ, cơ quan ngang bộ.*

   *…”.* [↑](#footnote-ref-2)